



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bào

Xã luận

Tu chính hiến pháp: một cơ hội cho những người dân chủ

Việc tu chính hiến pháp đã được đề cập đến trong một nghị quyết của đại hội XIX của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), nhưng sau đó ít được ban lãnh đạo đảng nhắc tới, mặc dù các báo và đài của nhà nước vẫn tiếp tục kêu gọi nhân dân đóng góp ý kiến. Một số viên chức cao cấp cộng sản mới đây tiết lộ rằng mục tiêu chính của việc tu chính này là để tăng cường đảm bảo cho giới đầu tư, nghĩa là nó sẽ không phải là một tu chính quan trọng. Hội nghị lần thứ ba của ban chấp hành trung ương ĐCSVN tháng 8 vừa qua cũng không nhắc lại việc tu chính hiến pháp. Rõ ràng là ĐCSVN không muốn dư luận quá chú ý đến sự kiện này. Tuy nhiên dư luận ngoài đảng, nhất là trong giới trí thức dân chủ, lại rất quan tâm đến việc tu chính hiến pháp, hơn cả đại hội XIX. Lý do có thể là vì đại hội XIX chỉ là chuyện riêng của các đảng viên cộng sản trong khi hiến pháp là chuyện chung của mọi người dân; nhưng lý do thực có lẽ là mọi người mong mỗi một thay đổi chính trị thực sự qua việc tu chính hiến pháp.

Câu hỏi đầu tiên là sửa đổi hiến pháp để làm gì nếu đảng nào nó cũng không được tôn trọng? Hiến pháp hiện nay, ban hành năm 1992, cũng có khá nhiều đảm bảo về quyền công dân (tự do ngôn luận và báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do di chuyển, quyền được bảo vệ nhân phẩm, an ninh, thư tín, kể cả quyền biểu tình v.v.), nhưng nó đã không hề ngăn cản chính quyền bắt giam và quản chế bất cứ ai, khám xét và tịch thu tài liệu và thư tín của bất cứ ai, cắt điện thoại và triệu tập đến trụ sở công an một cách tùy tiện, dùng báo chí nhà nước để miệt thị mà không cho nạn nhân quyền trả lời

v.v. Nghị định 31/CP còn là một vi phạm trắng trợn và thô bạo đối với chính hiến pháp. Hơn nữa nếu chỉ muốn thêm bảo đảm cho giới đầu tư thì một đạo luật cũng đủ, cần gì phải sửa đổi hiến pháp? Sửa đổi hiến pháp trong tinh thần đó chỉ nhằm gia tăng sức thuyết phục cho một biện pháp mà chính quyền đã có thể ban hành một cách khác. Chính quyền cộng sản muốn thu hút một lượng đầu tư lớn, 12 tỷ USD từ đây tới năm 2005, và vì thế đã muốn làm một biện pháp thật ngoạn mục bằng cách đưa vào hiến pháp những đảm bảo cho giới đầu tư. Đây là một thái độ coi thường hiến pháp, đồng thời cũng là một thú nhận rằng tính khả tín của chính quyền quá thấp. Nhưng trong tình huống hiện nay hậu quả có thể khác hẳn với những gì mà ĐCSVN chờ đợi.

Ban lãnh đạo cộng sản hình như không ý thức được rằng khi một hiến pháp cần được sửa đổi thì chẳng thà đừng sửa đổi còn hơn là sửa đổi lật vạt, vì như thế chỉ chứng tỏ thái độ ngoan cố khước từ thay đổi và chỉ làm gia tăng sự phẫn nộ. Tuy nhà cầm quyền cộng sản cố tình hạ thấp tầm quan trọng của việc tu chính hiến pháp, chúng ta, những người dân chủ trong và ngoài nước vẫn có mọi lý do để coi đây là một cơ hội lớn cho cuộc vận động dân chủ.

Chúng ta đòi hỏi những gì?

Cho đến nay, nhiều người và nhiều tổ chức vẫn thường đặt trọng tâm vào việc đòi bỏ điều 4 qui định ĐCSVN như là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Đòi hỏi này tuy đúng nhưng quá khiêm tốn. Thực ra điều mà chúng ta muốn là một hiến pháp dân chủ bảo đảm các quyền chính trị ngang nhau cho mọi người không phân biệt chính kiến, thành

phần tôn giáo, địa phương và sắc tộc, trước hết là quyền tự do ngôn luận và báo chí, tự do thành lập và tham gia các chính đảng, tự do bầu cử và ứng cử. Như thế chỉ bỏ điều 4 thôi không đủ, ngay cả trong giai đoạn trước mắt. Phải thay đổi cả lời nói đầu của hiến pháp mà gần như toàn bộ chỉ để nói về Đảng Cộng sản, phải bỏ các điều khoản qui định chỗ đứng độc tôn của chủ nghĩa Mác-Lênin, như các điều 9, 13, 30 và 45; cũng phải bãi bỏ những đặc quyền dành cho một số tổ chức ngoại vi của ĐCSVN, như Mặt trận Tổ quốc. Và cũng phải xét lại cả cái quốc hiệu "Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa". Như vậy thì dù có gọi là tu chính đi nữa kết quả vẫn là một hiến pháp mới. Nhưng điều quan trọng hơn là phải thay đổi, một lần cho tất cả, quan niệm về hiến pháp. Hiến pháp không phải chỉ là văn kiện qui định việc tổ chức nhà nước. Trước hết và trên hết nó là một kết ước sống chung và xây dựng một tương lai chung của một dân tộc. Hiến pháp vì vậy phải được quan niệm và soạn thảo để không thay đổi với người cầm quyền mà có thể sống và tiến hóa cùng với đất nước.

Cuộc thảo luận về sửa đổi hiến pháp này sẽ là một cơ hội quý báu để những người dân chủ trong và ngoài nước trao đổi để thống nhất quan điểm về đất nước Việt Nam mà chúng ta muốn cùng nhau xây dựng và cả về chiến lược chung để đánh bại những thế lực độc tài ngoan cố. Sự khước từ sửa đổi thực sự hiến pháp của ĐCSVN sẽ có tác dụng đoàn kết những người dân chủ Việt Nam trong cùng một đội ngũ, đội ngũ của những người đòi một hiến pháp khác.

Thông Luận

Làm gì để có thay đổi ở Việt Nam ?

Nguyễn Đan Quế

Những tiến bộ khoa học khi đem ứng dụng mang lại lợi ích, nên quần chúng tự động hưởng ứng đem về dùng, khiến xã hội đảo lộn hẳn ; trên cơ sở hạ tầng khác hình thành nhà nước kiểu mới để tiếp tục đưa xã hội tiến lên theo hướng mới.

Trong những chế độ phong kiến vàng (vua quan) hay đỏ (cộng sản), nếu khu trú vào đánh đổ thượng tầng rồi thì hành cải cách ở hạ tầng là điều khó làm bằng bất bạo động, vì bọn cầm đầu luôn luôn khống chế hạ tầng để trường tồn ; và giả sử nếu như nắm được thượng tầng mà hạ tầng chưa có những biến đổi cơ bản, thì xã hội vẫn như cũ, chỉ là đổi ngôi vua hay là thay đổi hết bộ chính trị này đến bộ chính trị khác.

Cộng sản chủ trương chính quyền trên đầu súng, nghĩa là dùng bạo lực chiếm. Nhưng đa số đã thất bại trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, điển hình là Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) sau khi chiếm miền Nam Việt Nam. Tình trạng trì trệ chìm đắm trong khó khăn buộc bộ chính trị ĐCSVN phải tìm đường sống bằng cách thương lượng ký Hiệp định Thương mại Song phương (tiếng Anh viết tắt là BTA) với Mỹ ngày 13-7-2000 và sắp được thông qua.

Thương ước đưa cộng sản Việt Nam quen đánh đấm vào sân mới BTA, trong đó luật chơi là kinh tế; đổi khác sâu rộng ở hạ tầng sẽ thay lãnh đạo ở thượng tầng. Đây là chưa kể nhiều yếu tố nữa cùng vô cùng quan trọng như Liên Xô và Đông Âu sụp đổ và cao trào dân chủ đang dâng cao khắp nơi trên thế giới.

Tình hình Việt Nam sẽ có những chuyển biến cơ bản khi thi hành bản thương ước. Thật vậy:

Làm con cò cho phong trào cộng sản quốc tế, đưa dân tộc vào hai cuộc chiến tranh tương tàn với chiêu bài "độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa", làm tan nát băng hoại xã hội Việt Nam. Tôn thờ một chủ nghĩa mà cuối cùng phá sản. Không có can đảm nhìn nhận đi sai đường, bộ chính trị ĐCSVN còn cố nuôi hy vọng tiếp tục thống trị. Nhưng không được, vì chiến tranh lạnh chấm dứt, mâu thuẫn giữa cộng sản và tư bản quốc tế không

còn nữa, khối cộng sản Xô Viết và Đông Âu đã sụp đổ. Câu lạc bộ theo cộng sản nay đếm trên đầu ngón tay gồm Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Bắc Hàn, Cuba ; trong đó Trung Quốc là hội viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp Quốc đang chủ động xoay chuyển đi vào thế hợp tác với các siêu cường trong chiến lược toàn cầu mới hợp tác Bắc-Nam. Việt Nam cùng "đổi mới" (1986) nhưng khác với Trung Quốc ở chỗ: bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn bị động trong cơn lốc toàn cầu hoá, lẩn mò dọ dẫm tâm trạng hoang mang, một chân bước tới thử thấy thoáng mát nhưng chân kia không dám nhích tới vì sợ đi vào chỗ chết.

Hiệp ước thương mại Mỹ-Việt chính là nhằm thúc cú nhảy đố, đưa cả hai chân của Việt Nam sang hẳn sân mới.

Vài nét chính về sân chơi mới:

- kinh tế theo luật cung cầu và tự do cạnh tranh.

- văn hoá đa nguyên, tự do sáng tạo.

- chính trị dân chủ, tôn trọng nhân quyền.

Và đây là hình ảnh thiếu nào của bộ chính trị ĐCSVN :

khoác trên người bộ đồ "định hướng xã hội chủ nghĩa" lỗi thời.

đầu óc nghèo, nhai đi nhai lại mớ ngôn từ Mác-Lê-tư tưởng Hồ Chí Minh.

độc đoán không giống ai bị mọi người ghét bỏ, thế giới lên án.

Khi khối cộng sản rã đám, Hà nội bơ vơ, cuốn theo chiều gió. Và BTA sắp đưa người hùng thắm mệt vào cuộc chơi mới để biện minh cho cứu cánh của cuộc chơi cũ trên chiến trường.

Hiệp ước song phương Việt-Mỹ có năm phần chính:

- Mở cửa thị trường cho hàng kỹ nghệ và nông sản. Việt Nam lần đầu tiên đồng ý cho phép các xí nghiệp Việt Nam, và với thời gian các xí nghiệp Mỹ và người Mỹ, có quyền tự do nhập cảng và xuất cảng từ bên trong biên giới Việt Nam. Việt Nam đã đồng ý giảm mạnh thuế đánh trên tất cả hàng kỹ nghệ và nông sản của Mỹ, bãi bỏ các biện pháp phi quan thuế, và dùng những tiêu chuẩn của Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO)

cho quan thuế, cấp giấy phép nhập cảng, buôn bán trong nước, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh, tiêu chuẩn rau trái sạch.

- Quyền sở hữu tài sản trí tuệ. Việt Nam đồng ý chấp nhận những tiêu chuẩn của WTO về bảo vệ tài sản trí tuệ trong vòng 18 tháng và có thêm những biện pháp trong vài lãnh vực khác như bảo vệ tín hiệu vệ tinh.

- Mở cửa thị trường những dịch vụ. Việt Nam cho phép người Mỹ và xí nghiệp Mỹ tiến vào thị trường dịch vụ bao gồm mọi loại dịch vụ, như dịch vụ tài chánh (bảo hiểm và ngân hàng), viễn thông, phân phối, nghe nhìn, pháp luật, kế toán, công trình sư, vi tính cùng liên quan, nghiên cứu thị trường, xây dựng, giáo dục, y tế và du lịch. Những cam kết được thực thi qua nhiều giai đoạn, trong vòng từ ba đến năm năm.

- Những điều khoản về đầu tư. Việt Nam đã đồng ý bảo vệ đầu tư Mỹ khỏi bị truất hữu, khỏi yêu sách của địa phương và khỏi bắt buộc làm một phần xuất cảng.

- Những điều khoản về trong sáng. Việt Nam đã đồng ý chấp nhận chế độ công khai minh bạch hoàn toàn phải được tôn trọng đối với mỗi một của bốn phần nêu trên, bằng cách ban hành những đạo luật, điều lệ và những qui định khác được bình giải cho mọi người rõ, được xuất bản và cung cấp, và cho phép những công dân Mỹ quyền kháng cáo dựa trên đòi hỏi phải tôn trọng tất cả những gì có liên quan đến luật lệ và qui định.

Tổng thống Clinton hôm ký đã tuyên bố tại vườn hồng toà Bạch Ốc hiệp định do đại diện thương mại Mỹ Charlene Barshefsky và bộ trưởng thương mại Việt Nam Vũ Khoan ký "sẽ mở rộng nền kinh tế Việt Nam, hội nhập Việt Nam hơn nữa vào nền kinh tế quốc tế, và gia tăng buôn bán giữa hai quốc gia chúng ta".

"Với hiệp ước này", tổng thống Clinton nói, "Việt Nam đã đồng ý đẩy nhanh tốc độ mở cửa với thế giới, chịu những ấn định chủ yếu về pháp trị và thương mại quốc tế, gia tăng làn sóng thông tin đến với dân chúng nước họ;

qua môi gọi cạnh tranh sẽ gia tăng nhanh thị trường tự do và khu vực tư nhân bên trong chính Việt Nam".

Tổng thống tiếp, "Chúng ta hy vọng mở rộng giao thương sẽ đồng hành tay trong tay với tôn trọng nhân quyền và quyền lao động, bởi vì chúng ta hiện sống trong một thời đại mà thịnh vượng có được do tự do trao đổi ý kiến, và ổn định tuỳ thuộc những lựa chọn dân chủ. Do ký hiệp định này, Việt Nam bước một bước đúng hướng".

Từ một nước điều hành bằng pháp lệnh đổi sang pháp trị, từ đóng cửa dấu điểm đến mở rộng dân chủ, rõ ràng Việt Nam phải cần nhiều bộ luật và nhất là vấn đề thi hành. Vô vàn khó khăn rất cơ bản, vô phương giải quyết trong tình hình bế tắc hiện nay:

- Về kinh tế

Chủ nghĩa cộng sản không công nhận quyền tư hữu (vốn, đất đai, tư liệu sản xuất v.v.). Thực tế áp dụng tại Nga, Trung Quốc và tất cả các nước cộng sản khác cho thấy là không đâu thành công trong việc huỷ bỏ quyền tư hữu mà Mác tưởng là dễ, bởi lẽ đây là nhân quyền tự thân nó có trong mỗi con người ngay từ khi mới lọt lòng mẹ. Để thích ứng với thất bại đó, cộng sản đành phải nói công nhận nhiều thành phần kinh tế, nhưng đâu là giới hạn giữa các thành phần không xác định được. Chính vì thế khi làm luật về đầu tư buôn bán kinh doanh, kể cả tài sản trí tuệ hoặc luật sở hữu đất đai, cải cách ruộng đất... quốc hội cãi nhau vì điều dưới mâu thuẫn với điều trên; đoạn nọ nghịch đoạn kia. Thôi thì chỉ còn cách nói chung chung, mà ngay cả khi nói chung chung nghe cũng không ổn. Bởi thế cấp dưới không biết đâu mà mò, tuỳ tiện suy luận, tuỳ tiện áp dụng. Quá nhiều kẻ hồ "hợp pháp, hợp hiến" để lạm dụng quyền thế và tham nhũng hoành hành.

Nhưng với BTA, những chuyện này sẽ phải chấm dứt. Chấm dứt được hay không và chấm dứt như thế nào? Đó chính là vấn đề nhiều người đang quan tâm theo dõi.

- Về văn hóa

Cộng sản hoành hành nhờ bạo lực và "độc quyền thông tin dẫn đến độc quyền chính trị".

BTA ngoài việc mở cửa kinh tế và

bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, còn mở cửa các dịch vụ trong đó có thông tin - giáo dục - văn hoá - nghệ thuật, đưa nhân dân ta tiếp cận với thế giới bên ngoài, hoá giải tuyên truyền một chiều của cộng sản. Nhìn thế giới tiến bộ, người dân sẽ bác bỏ lỗi thời.

- Về chính trị

Cộng sản vẫn muốn duy trì độc đảng với khẩu hiệu bịp bợm: đảng lãnh đạo - chính quyền quản lý - nhân dân làm chủ. Cơ chế này sẽ bị BTA đem ra thử thách.

Nhiệm vụ chính yếu của tất cả các nước đang phát triển là đưa số dân của mình đi lên cả kinh tế lẫn văn hoá, lấp bớt hố xa cách giàu nghèo trên thế giới. Vì thế, chính quyền bắt buộc phải được đa số ủng hộ, bộ máy gọn nhẹ và có khả năng thực hiện tiến bộ xã hội.

Trong thế giới mới như vậy, làm sao Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục duy trì được vai trò ký sinh trùng ăn bám công quỹ và dùng kế phương tiện nhà nước để củng cố độc tài, coi bảo vệ độc quyền chính trị là hàng đầu, quan trọng hơn cả phát triển quốc gia. Đảng phải vận động riêng, nếu chiếm đa số phiếu bầu mới đứng ra thành lập chính phủ. Đảng để ra nhà nước thì nhà nước chỉ là công cụ của độc tài, cản trở phát triển.

Thế mới - Lực mới - Cách mới

Đây là lúc chúng ta đặt cuộc đấu tranh chung trong toàn bộ về không gian và toàn bộ về thời gian.

-Toàn diện về không gian: ngày nay với kỹ thuật hiện đại về thông tin và giao thông vận tải, biên giới giữa các nước đang mờ nhạt dần, bớt cách trở hơn trước. Riêng trường hợp Việt Nam, một khi thương ước Việt-Mỹ có hiệu lực, bức màn tre kẻ như không còn nữa. Chính vì thế, chúng ta cần quan niệm tổ quốc Việt Nam rộng mở với trong nước là quê nội và ngoài nước là quê ngoại.

-Toàn diện về thời gian: những gì xảy ra hôm nay có mấu chốt từ quá khứ và là mầm mống cho tương lai. Chúng ta đang đưa cuộc chiến trước đây vĩnh viễn đi vào quá khứ: chính quyền hai phe phải ra đi vì lỗi thời, và toàn dân ta ở thời điểm này mới là những người có thẩm quyền quyết định tối hậu đường lối và nhân sự lãnh đạo xây dựng Việt Nam trong hoà bình.

Năm, 1975 chính quyền Sài Gòn ra

đi trước, do giải giáp. Nay đến lượt cộng sản bị đào thải trong trận địa BTA.

Lực lượng gần ba triệu người Việt ở hải ngoại với nhiều người có vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm sống dân chủ có thể trực tiếp tham gia với trong nước, từng bước đánh lui, đi đến làm phá sản vai trò lãnh đạo của ĐCSVN, bằng cách:

1/ đầu tư ào ạt vào Việt Nam và nâng xuất cảng của Việt Nam sang Mỹ, giúp khu vực tư nhân hợp tác với doanh nhân Mỹ làm ăn phồn thịnh, đè bẹp quốc doanh. Dĩ nhiên khi được hưởng quyền lợi thì phía Việt Nam cũng phải có nghĩa vụ tuân thủ các điều khoản trong bản thương ước đã ký.

2/ chống tệ nạn quan liêu - tham nhũng có hiệu quả. Mà Hà nội đã hoàn toàn bất lực.

Nhằm bảo đảm cho công cuộc đầu tư làm ăn buôn bán của mình không bị sách nhiễu trở ngại, các doanh gia Việt-Mỹ chắc chắn sẽ yêu cầu hai bên nghiêm chỉnh thực thi những gì đã ký kết, đặc biệt là điều khoản luật lệ trong sáng theo tiêu chuẩn WTO và điều khoản Việt Nam chấp nhận để làn sóng thông tin vô Việt Nam. Đặt truyền thông Việt Nam bị nhà nước kiểm soát vào giữa lòng truyền thông đại chúng quốc tế, để từ tư phía sự trung thực trần vô làm rã rời guồng máy tuyên truyền của cộng sản, phối hợp tố cáo tham nhũng và nhất là hỗ trợ đòi tự do báo chí.

Luật minh bạch và đệ tứ quyền mới phá vỡ được quan liêu cấu kết tham nhũng hoành hành, nhất là ở cấp chóp bu.

3/ tích cực tham gia tiến trình tách đảng khỏi chính quyền.

Để môi trường đầu tư ổn định và đạt tăng trưởng cao, ngoài an-sinh người dân bình thường cần nhân quyền và dân chủ. Do đó có nhu cầu chấm dứt độc tài đảng trị, nghĩa là loại bỏ tất cả đảng ủy các cấp từ trên xuống dưới ra khỏi bộ máy hành chính.

Làm sao gỡ cây tầm gửi thâm căn cố đế này? Khó lắm... Với BTA có thể.

Khi thi hành thương ước, mâu thuẫn trầm trọng sẽ diễn ra giữa một bên là các viên chức chính quyền (bị thúc đẩy bởi các điều khoản của BTA, bởi các doanh nhân Mỹ-Việt, bởi quyền lợi của người tiêu dùng) và bên kia là các cấp ủy đảng tương ứng (bị chi phối bởi chủ nghĩa và

nạn cá nhân, bè phái), khiến việc tuân thủ gặp khó khăn, nhất là khi đầu tư của Mỹ đổ vào Việt Nam và xuất cảng của Việt Nam sang Mỹ tăng lên. Tới cao độ, hai bên giằng co không quyết. Bộ máy hành chính do dân đóng thuế sẽ chối bỏ não bộ bệnh hoạn và cuối cùng chính sức mạnh quần chúng tách đảng ra khỏi hẳn chính quyền qua bầu cử tự do.

Nhưng cuộc đấu tranh chung của dân tộc chỉ thành công nếu :

- Doanh gia ta trong ngoài nhanh chóng nắm ngay thực chất kinh tế các thương vụ do BTA mở ra, du Hà nội vào thế chỉ thông qua trên giấy tờ. Hợp đồng cùng doanh gia ngoại quốc nhẹ nhàng đưa Việt Nam đến với thế giới.

- Linh động kết hợp thị trường tự do với nhân quyền và dân chủ để vận động quần chúng (nay nắm thẩm quyền kinh tế và văn hoá) tham gia đồng đạo tiến trình đòi thay đổi.

Đây là lúc mọi người Việt góp tiếng cho đại cuộc, dứt khoát không khoan nhượng: Muốn phát triển Việt Nam phải kinh tế thị trường và dân chủ hoá. Mỗi người và mọi người hăng hái cài răng lược và sẵn sàng sấp lá cà chúng mình cho những người cộng sản thấy rõ bộ chính trị lỗi thời, không thể đáp ứng với tình hình đất nước.

Từ vị trí đứng trong xã hội tiên tiến, có vốn, kỹ thuật và liên hệ với doanh nghiệp nước ngoài, hải ngoại cần chủ động bắt tay trong nước, hỗ trợ nhau làm ăn buôn bán với thế giới, phổ biến văn hoá mới, tư tưởng mới, lập trường mới...sẵn sàng đi đầu xé rào cho quần chúng áo lên phá vỡ lẽ thói làm ăn vô hiệu năng, quan liêu, tham nhũng. Thực tế mà nói, mỗi người Việt hải ngoại về nước là một cán bộ sinh động mang theo trên người ít nhiều tinh thần tự do, dân chủ và tiến bộ. Đây là đội ngũ tuyên truyền đồng đạo và hữu hiệu, không lãnh lương mà lại rất tích cực, một việc không dễ gì đảng phái có thể làm được.

Trong suốt tiến trình thay da đổi thịt này, chúng ta luôn luôn đề cao những giá trị phổ quát của nhân quyền và dân chủ bằng mọi phương cách có thể. Thai nghén trong những điều kiện như vậy, nhà nước mới sẽ tôn trọng nhân quyền, dân chủ, có khả năng cùng hậu thuẫn trong - ngoài để thực hiện tiến bộ xã hội.

Muốn nhà nước mới sập ra đời là

một nhà nước tốt đẹp, ngay từ bây giờ chúng ta cần trình bày rõ hướng phát triển mới đáp ứng đúng nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân hai miền Nam-Bắc và phù hợp với tình hình mới của thế giới.

Vì nhân loại đang đi vào nền văn minh mới với hai cuộc cách mạng : cách mạng vi điện tử và cách mạng nhân bản hoá, chúng ta có thể nói một cách tổng quát là đối với tất cả các nước dù giàu hay nghèo, bất cứ đường lối phát triển hữu hiệu nào trong thế giới mới ngày nay tự thân đều mang ba tính chất xã hội, nhân bản và tiến bộ.

-Tính xã hội

Nhà nước nhân bản là của toàn dân, chứ không phải của một giai cấp nào, chúng ta bác bỏ hẳn quan niệm chính quyền luôn luôn bắt buộc phải mang tính giai cấp hoặc vô sản hay tư sản. Lấy ý dân qua thăm dò để xây dựng luật pháp và có những quốc sách hợp lòng người.

Tân quyền. Vai trò nhà nước là phục vụ, chứ không phải lũng đoạn. Chức năng không còn là trực tiếp quản lý nữa, mà là điều hoà phối hợp sinh hoạt giữa các khu vực của xã hội. Mọi thay đổi lãnh đạo phải diễn ra định kỳ theo thể thức dân chủ.

Xã hội hoá toàn bộ nền kinh tế mới và văn hoá mới, nghĩa là thẩm quyền kinh tế-văn hoá nay nằm trong tay người dân, hình thành xã hội dân sự sinh hoạt tự do trong luật định.

Tính chất xã hội mà đường lối mới chủ trương là xu thế mới đang lên trên thế giới, hoàn toàn khác hẳn quái thai xã hội chủ nghĩa của cộng sản. Một bên là tiến trình đi lên tự nhiên của tư bản chủ nghĩa khi diễn ra cách mạng vi điện tử và nhân bản hoá và bên kia là ý đồ không tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin lên bước tiến của nhân loại, nay đã bị phủ nhận và phá sản.

Hay nói rõ hơn đường lối mới chủ trương : lực lượng làm ra của cải vật chất và sản phẩm trí tuệ cho xã hội phải trực tiếp nắm quan hệ sản xuất qua cổ phần và bầu ban quản trị ; có thể mới tránh để ra mâu thuẫn đối kháng vô sản - tư sản và hoạt động của nào trạng nay nằm khắp nơi trong dân gian. Đây chính là những điều kiện cần thiết để đưa trình độ dân trí nhất loạt lên.

- Tính nhân bản

Xã hội xây dựng trên quan niệm triết lý mới về con người : tinh thần và vật chất có tương quan, hỗ tương tác động và hoán chuyển lẫn nhau qua sinh năng. Sinh năng là một phần của vũ trụ năng và vũ trụ năng trực tiếp ảnh hưởng trên sinh năng.

- Tính tiến bộ

Đường lối mới phát triển xã hội đồng đều cả hai mặt tinh thần lẫn vật chất, đi vào nền văn minh mới. Kinh tế - kỹ thuật cao mang lại thịnh vượng. Nền văn hoá - giáo dục nhân bản, khoa học, đại chúng, khai phóng và sáng tạo làm đời sống tinh thần phong phú hơn.

Đường lối mới đưa nhân loại xích lại gần nhau, cùng tiến vào kỷ nguyên toàn cầu hoá kinh tế, toàn cầu hoá văn hoá và toàn cầu hoá chính trị với bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền là hiến pháp tối cao chung cho tất cả các dân tộc.

Tóm lại, với thương ước Mỹ-Việt BTA cuộc đấu tranh chung của dân tộc ta chuyển sang thế công:

- Thế mới. Cuộc đấu tranh nay ở vào vị thế rộng lớn hơn của kinh tế toàn cầu, trong đó có nền kinh tế mạnh nhất thế giới, vừa buộc cộng sản Việt Nam phải mở cửa.

- Lực mới. Sức sống mãnh liệt của kinh tế thị trường trỗi dậy, phối hợp với đầu tư và thương mại từ bên ngoài.

- Cách mới. Bàn tay phải dùng kinh tế lõi bộ máy hành chính bỏ đảng (nghèo khó)ngã theo thịnh vượng chung (BTA). Nắm đấm trái đánh thẳng đôn nhân quyền và dân chủ vô đầu bộ chính trị DCSVN.

Kinh tế thị trường ngự trị hạ tầng, thượng tầng bất lực, có đảng hay không có đảng, xã hội vẫn đi theo qui luật chung của kinh tế toàn cầu. Trong hoàn cảnh đó bộ chính trị không còn cách nào khác hơn là chấp nhận bầu cử tự do, công bằng, có giám sát quốc tế.

Trên thực tế, tiến trình dân chủ hoá đang bắt đầu khởi động ở hạ tầng cơ sở xã hội Việt Nam về kinh tế và văn hoá. Cho nên càng đồng quần chúng tích cực tham gia, thể chế mới càng dễ đoàn kết được toàn dân, hàn gắn chia rẽ và có quốc tế ủng hộ để đưa tổ quốc chúng ta đến tương lai tươi sáng hơn.

Nguyễn Đan Quế
Tập hợp Vì nền Dân chủ

Quyền tư hữu

Nguyễn Châu

Cuộc đời đầy đau khổ và bất công. Người ăn không hết, kẻ lán chẳng ra. Hồi thế kỷ 19 khi tiến trình kỹ nghệ hóa diễn ra mạnh mẽ ở Âu châu, đặc biệt là ở Anh, Pháp và Đức, xã hội nhanh chóng chia thành giai cấp tư sản, một thiểu số giàu có và giai cấp vô sản, nghèo khó đông đảo. Theo Mác, thủ phạm là quyền tư hữu. Và ông đưa phương pháp giải quyết : muốn hết khổ thì hủy bỏ quyền tư hữu. Tài sản cộng chung, làm được bao nhiêu chia đều cùng hưởng. Thế là hết cách biệt giàu-nghèo, xã hội công bằng. Dừng là thiên đường. Mới nghe thấy có lý. Giai cấp thợ thuyền đông đảo, có sức mạnh chân tay, chỉ thiếu cái đầu. Nếu vô trang cho họ chủ nghĩa cộng sản thì động viên được bạo lực vô sản ghê gớm này, có thể lật đổ tư sản hay chiếm chính quyền từ tay phong kiến nhiều nơi trên thế giới. *Quốc tế ca* vang lên các nơi. Áp dụng chưa biết sao, lý thuyết hấp dẫn được nhiều người, trong đó có Hồ Chí Minh.

Nhưng chủ nghĩa này đã không lên ở Anh, Pháp, Đức như Mác tiên đoán vì giai cấp tư sản ở đây mạnh và khôn khéo, biết cách cải tiến đời sống công nhân, giảm bớt bóc lột qua các chính sách thuế khóa, phụ cấp, nghỉ hè, lương tháng 13, v.v.

1917, phong kiến Nga quá thối nát. Tư sản lật Nga hoàng, song còn non yếu, không có hậu thuẫn quân chủng và không biết làm gì. Lê-nin trở về từ Thụy Sĩ, mang lý thuyết cộng sản ra hoạt động, phong trào công nhân lên rất nhanh, đoạt chính quyền trung ương từ tay tư sản, thành lập chính quyền nhân dân ở khắp nơi thuộc đế quốc Nga cũ, cho ra đời Liên bang Xô viết. Trong thế chiến, Nga sáp nhập thêm các nước vùng Ban-tích. Sau thế chiến, Đông Âu nằm dưới ảnh hưởng của Liên Xô.

Cuối năm 1949, cộng sản lên ở Hoa lục. Năm 1953, cộng sản lên ở Bắc Hàn.

Năm 1954, cộng sản lên ở Bắc Việt Nam. Năm 1975, cộng sản chiếm miền Nam. Nhân dân ta hai miền Nam-Bắc ném mùi chủ nghĩa cộng sản, với kinh nghiệm của Liên Xô và Trung Quốc.

Cuối thập niên 1980, cộng sản cáo chung ở Liên Xô và Đông Âu sau khi tồn tại chưa đầy một thế kỷ, một thời

gian không dài đối với lịch sử. Cộng sản còn lại tại Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Bắc Hàn, Cuba trong hiện trạng rời rạc, không kết thành một khối và mạnh nước nào nước ấy lo đi theo thị trường tự do, vốn là nguyên tắc chính của chủ nghĩa tư bản. Sở dĩ chủ nghĩa cộng sản thất bại khi đi vào thực hiện là không hủy bỏ được quyền tư hữu dù chính quyền mạnh mẽ; và phương cách chia đều không ổn, vì thiếu kích thích nền kinh tế bị duy trì ở mức tối thiểu, phần chia ít dần, ai cũng nghèo khổ. Quần chúng tìm đủ mọi cách moi lại tiền nhà nước và buôn bán chợ đen với nhau, song hành với quốc doanh. Tuy đời sống quá thấp, nhưng vì không có so sánh với Tây phương và nhìn quanh thấy ngang nhau nên không cảm nhận bất công. Cuối cùng kết quả tổng hợp là xã hội phát triển kém. Đây là chưa kể mặt đầu óc, những suy tư xã hội đều bị điều kiện hoá và hạn chế bởi chủ nghĩa.

Cuối thập niên 50, Liên Xô bán vệ tinh đầu tiên lên không gian. Hơn ai hết Liên Xô biết rõ cách mạng điện tử sẽ diễn ra, qui mô lớn gấp bội so với kỹ nghệ hoá. Và đây mới thực sự là lý do và lối thoát đi lên để Liên Xô sẵn sàng từ bỏ chủ nghĩa cộng sản. Trung Quốc cũng đang thay đổi tại quốc nội sau khi đã đạt được thế quốc tế vững chắc : 1971, trở thành thành viên thường trực hội đồng bảo an Liên hiệp Quốc. 1972, ký thông cáo Thượng Hải với Hoa Kỳ, chấm dứt đối đầu đi vào hợp tác. Việt Nam không có thế quốc tế như Tàu, trong nước quần chúng chán ghét, bị động trong cơn lốc toàn cầu hoá. Khi quay mà không có chân nào làm trụ, thì té ngã là khó tránh.

Chủ nghĩa tư bản công nhận quyền tư hữu, ngược nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa cộng sản. Để thi hành Hiệp định Thương mại Mỹ-Việt (BTA) và rồi đây vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO), Việt Nam phải sửa luật theo những tiêu chuẩn quốc tế, nghĩa là phải công nhận quyền tư hữu. Chính BTA và WTO tạo sân chơi mới giúp dân tộc ta đòi lại quyền tư hữu. Cùng với nắm thẩm quyền kinh tế, khi giao thương những giá trị văn hóa, nhân quyền và dân chủ cùng xâm nhập, sáng giá và có sức hấp dẫn quần chúng mạnh mẽ. Quyền tư hữu hiện là điểm Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đang rất lúng túng trên phương diện chủ thuyết, đặc biệt là lãnh

vực quốc doanh và quyền sở hữu đất đai.

Để tránh bị phe bảo thủ chỉ trích xa rời chủ nghĩa xã hội, bộ chính trị vẫn phải tiếp tục xác quyết khu vực quốc doanh là chủ đạo, nhưng nhà nước vô sản "ta" nhập nhằng là nay công nhận có nhiều thành phần sở hữu trong đó : vốn nhà nước, cổ phần, bán, khoán, cho thuê. Nhưng khi bàn thảo viết thành luật đầu tư, luật xí nghiệp, luật thương mại ... không sao chỉ ra được tiêu chuẩn cùng nguyên tắc nào để giới hạn vốn của mỗi thành phần không trở thành tư bản bóc lột ! Hầu hết quốc doanh làm ăn thua lỗ, nhưng vì tập trung trong tay sản phẩm do quốc doanh làm ra giúp bộ chính trị nắm bao tử và nhu cầu người dân. Ai cũng biết tư nhân hoá thì làm ăn hiệu quả hơn nhiều, nhưng bọn chớp bu không muốn mất công cụ kèm kẹp lợi hại này; và thành phần đảng viên nòng cốt ăn theo quốc doanh chóng đổi mạnh mẽ, dựa lý do bảo vệ chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng. Trong khi đó khu vực quốc doanh bị giới hạn đủ thứ vừa không được vay vốn, không ưu đãi ngoại tệ vừa thuế cao, lại sản xuất đến 40% tổng sản lượng quốc dân. Đặc biệt là Sài Gòn với hạ tầng và kinh nghiệm làm ăn tư bản, vốn đầu tư đổ vào nhiều, và vị trí địa lý gần Bangkok, Jakarta, Manila, Singapore, khiến Hà Nội mới đây phải tính đến dành cho Sài Gòn qui chế đặc biệt để làm đầu tàu cho cả nước ; thủ đô Hà Nội vốn rất tự hào về chính trị nhưng đành mất mặt làm cái đuôi. Miền Nam nói chung và Sài Gòn nói riêng giữ vai trò lãnh đạo đi vào BTA và WTO là chuyện hợp lý và bắt buộc phải như vậy, dù bộ chính trị ĐCSVN muốn hay không cùng thế thôi. Và ảnh hưởng xoay cùng đang chuyển dịch sang phe người Nam trong bộ chính trị ; phe Bắc và phe trung có muốn đảo ngược cùng muộn rồi.

Trong cuộc đấu tranh cho Việt Nam, phải đánh bại hệ thống quốc doanh, tư doanh cần tiến chiếm vai trò thống lĩnh trong nền kinh tế quốc dân. Một khi nắm tiền trong tay, người ta bạo hơn và tiếng nói có trọng lượng hơn. Coi đất đai là sở hữu nhà nước, không công nhận người dân có quyền sở hữu một mảnh đất, một thửa ruộng. Do đó không được tự do chuyển nhượng. Nhà nước quản lý hết, rồi giao cho nông dân cày cấy hay tư nhân xử dụng trong thời gian ấn

(xem tiếp trang 29)

Trần Độ : "nhật ký là tác phẩm tâm huyết cuối cùng trong cuộc đời viết văn của tôi"

Bức thư thứ hai

Kính gửi các anh : Nông Đức Mạnh
Nguyễn Văn An
Phan Văn Khải

Cách đây 20 ngày, từ bệnh viện Hữu nghị, tôi đã viết gửi đến các anh một bức thư tâm sự chân thành về một sự việc nghiêm trọng rất cần đến sự quan tâm của các anh.

Thư đi rồi, nằm trên giường bệnh, tôi khắc khoải chờ đợi sự hồi âm. Nhưng chờ mãi, chờ mãi cho đến hôm nay vẫn chỉ là một sự im lặng. Sự im lặng đối với một công dân bình thường đã là đáng sợ, nhưng đây lại là sự im lặng đối với một lão thành cách mạng, một đảng viên vào Đảng từ những năm 40, đang có những bức xúc cần giải tỏa ... thì sự im lặng của các anh càng đáng sợ biết chừng nào !

Thời gian qua, ngoài bức thư của tôi chắc hẳn còn hàng trăm, hàng ngàn lá thư khác của công dân từ khắp mọi miền đất nước gửi đến, các anh cũng im lặng như thế sao ? Lãnh đạo một đất nước gần 80 triệu dân mà các anh chỉ nghe cấp dưới mà không trực tiếp nghe tiếng nói của người dân thì hậu quả sẽ vô cùng tai hại. Lê nào các anh không thể giành một ít thời gian trực tiếp nghe tôi báo cáo rõ sự việc để nắm tình hình một cách khách quan.

Gần một tháng qua, tôi nằm, nhiều đêm thức trắng và suy nghĩ, cố gắng tự trả lời câu hỏi : Sự im lặng của các anh nói lên điều gì ?

Có thể là, sau khi đã làm một việc quá sai trái, vi phạm hiến pháp, pháp luật, cơ quan an ninh đã cố hết sức biện bạch, báo cáo sai lệch với lãnh đạo nội dung sự việc để cho nhẹ tội, thậm chí là không có tội, trong đó có việc xuyên tạc nội dung tập nhật ký của tôi, quy kết một cách hồ đồ và ngu xuẩn rằng đây là một tài liệu xấu. Thực ra, nhà văn, với chức năng là thư ký chân thực của thời đại, những điều tôi ghi lại được trong tập nhật ký, mặc dầu đã rất cố gắng, cùng

chỉ mới phản ánh được một phần nào hiện thực vô cùng phong phú của đất nước thời gian qua mà thôi.

Vì vậy tôi đề nghị các anh dành thời gian đọc kỹ tập nhật ký của tôi và nếu cần thì giao cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng xem xét có phải đây là tài liệu mà pháp luật có thể cho phép tịch thu hay không? Nếu không thì phải có biện pháp trừng trị những kẻ mang danh là bảo vệ pháp luật nhưng lại vi phạm pháp luật một cách thô bạo nhất.

Thực tiễn đã cho thấy, nếu lãnh đạo cứ nghe báo cáo một chiều của cơ quan an ninh "hăng hái lập công" thì liên tiếp mắc hết sai lầm này đến sai lầm khác. Từ vụ Hà Sĩ Phu đến vụ Thanh Giang, từ vụ Hồng Hà đến vụ Hoàng Minh Chính ... cố bắt rồi lại phải thả, không đưa ra tòa được vì chẳng có chứng cứ gì, hoặc nếu buộc phải xử thì cố bịa ra chứng cứ, mặc dầu chứng cứ cực kỳ vô lý, biến thành trò cười cho thiên hạ, làm mất cả thể diện quốc gia.

Vừa qua ở Ý, cảnh sát chỉ hơi quá tay với những người biểu tình, lập tức thủ tướng phải ra điều trần trước quốc hội.

Hai là, có thể các anh cho việc làm của cấp dưới đối với tôi vừa qua là đúng, thì các anh cứ thẳng thắn trả lời cho tôi biết, để tôi yên tâm khỏi phải chờ đợi, mặc dầu là một sự yên tâm đau đớn. Đau đớn vì trước một việc làm bất chấp pháp luật, bất chấp đạo lý, giữa thanh thiên bạch nhật như vậy mà lãnh đạo Đảng và nhà nước lại cho là đúng thì thật chẳng còn trời đất nào nữa. Tôi viết nhật ký, ghi lại những sự việc xảy ra hàng ngày xung quanh đại hội 9, một việc làm bình thường hợp pháp của một công dân tự do, ở một nước dân chủ, mà cơ quan an ninh lại tổ chức vây bắt, tra hỏi, tịch thu mà các anh lại cho là đúng ư?

Một việc làm mà đối với một công dân bình thường đã là không thể chấp nhận, huống hồ đối với tôi, một lão thành cách mạng, có Huân chương Hồ Chí Minh, nguyên là phó chủ tịch quốc hội.

Hơn thế nữa, tôi còn là một nhà văn, trang giấy, cây bút, tập bản thảo tôi viết

ra là máu và nước mắt của tôi, các anh ra lệnh tịch thu tài liệu của tôi cùng tức là các anh tịch thu bản thảo của một nhà văn, một việc làm mà chắc chắn sẽ bị dư luận rộng rãi trong nước và trên thế giới lên án.

Tám mươi ba trang nhật ký là tác phẩm tâm huyết cuối cùng trong cuộc đời viết văn của tôi, phản ánh trung thực một giai đoạn lịch sử đáng ghi nhớ của dân tộc, đồng thời cũng là một kỷ niệm của đời tôi. Vì vậy, các anh đối xử với tôi như thế nào thì tùy các anh, nhưng bản thảo của tôi thì đề nghị các anh chỉ thị cấp dưới trả lại ngay cho tôi, còn sử dụng nó như thế nào là quyền của tôi, như bản Tuyên ngôn Nhân Quyền mà nhà nước ta đã cam kết trước toàn thế giới.

Rất mong được các anh quan tâm.

Trần Độ

Hà Nội, ngày 31-7-2001

"Những Mảnh Đời Rách Nát"

do Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiển biên soạn (350 trang, bìa màu), là tên một tuyển tập gồm 15 bài tự thuật ghi lại cuộc đời của tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ Việt Nam Cộng hòa đang sống dưới chế độ cộng sản trong nước.

Đây là một tài liệu quý giá dành cho những người quan tâm đến hiện trạng xã hội Việt Nam sau 1975.

Giá bán 120 FRF hay tương đương (đã kể cước phí gửi). Ngân phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về:

Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron,
77185 Lognes, France

"Thông Luận" hoan nghênh
mọi ý kiến và đóng góp tài
chánh của quý độc giả

Lãnh đạo và chính quyền Hà Nội ngày nay bắt lạt hay bắt lương ?

Vào dịp Quốc Khánh - 2000, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôi có bài *Lãnh đạo và chính quyền Hà Nội ngày nay bắt lạt hay bắt lương* gửi các cơ quan ngôn luận báo chí và các bạn bè.

Bài này chủ yếu nói về việc nhà Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng - 27 phố Hàng Đường, Hà Nội bị bán phi lý cho một thương binh róm. Bao nhiêu báo chí lên tiếng nhưng cứ bị lờ hoài!

Để làm rõ thêm cái bản chất "bắt lương" núp dưới cái vỏ "bắt lạt" của bộ máy cầm quyền Hà Nội ngày nay, tôi đưa ra thêm ví dụ việc ngôi Tử Dương Vọng Đình, số 8 Hàng Buồm - Hà Nội, của các cụ dân làng Tía (thôn Tử Dương, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây) xây dựng từ năm 1767, tức là trước Cách mạng Pháp và chiến thắng Tôn Sĩ Nghị của Quang Trung 22 năm, thờ vọng về quê hương. Đình và bốn căn hộ cùng mang tên Tử Dương Vọng Đình bị chiếm đoạt mấy chục năm nay. Bà con đòi mấy thế hệ, mấy chục năm họ vẫn lờ tịt.

Đồng thời, tôi cũng gài vào bài này việc nhà thờ danh tướng Phạm Nhữ Tăng cùng ở làng Tía này, của họ Phạm bị chiếm từ năm 1955. Bà con dòng họ Phạm đòi mãi cũng chẳng ai xử lý.

Sau bài này, nhiều người hỏi tôi về hai sự việc này. Ngày 16-10-2000, tôi mới chỉ trả lời nói rõ thêm vụ việc Tử Dương Vọng Đình trong bài *Lãnh đạo và chính quyền Hà Nội ngày nay bắt lạt hay bắt lương*. Còn vụ việc nhà thờ danh tướng Phạm Nhữ Tăng, tôi có ý chờ đợi vì đây là ở đất Thường Tín quê hương tôi. Tôi không muốn đụng đến giới lãnh đạo và cầm quyền quê nhà vì đối với các cụ tôi đã ra Hà Nội mấy đời nhưng rất chăm lo việc quê. Và tôi tuy không được sinh ra ở quê nhưng từ đáy lòng mình rất yêu quý quê hương. Khi nghỉ hưu tôi được bà con giao cho làm trưởng ban liên lạc đồng hương làng Tía ở Hà Nội. Tôi rất phấn khởi càng gắn bó với quê, cố gắng góp công sức việc quê nhà. Do vậy, việc Tử Dương Vọng Đình ở Hà Nội chỉ gần 10 năm họ vờ vịt thì tôi "chơi" ngay với họ, dù rằng tôi đang ở

dưới cái gậy của bọn ô dù che chắn lũ chiếm đĩnh này. Còn việc nhà thờ cụ Phạm Nhữ Tăng tôi chỉ muốn nói chuyện với nhau êm ả, nhẹ nhàng thôi. Dù rằng từ năm 1977, hơn 20 năm tôi đã bao lần đi đi về về trong vụ việc này.

Gần đây, 8-5-1999 tôi đi cùng bà con cháu chất cụ từ Quảng Nam, Thành phố Hồ Chí Minh ra, trình bày xin được xét xử với chánh án Bùi Xuân LỘ-TAND huyện Thường Tín. Rồi chiều ngày 2-8-2000, tôi lại đi theo - Ban liên lạc huyện Thường Tín ở Hà Nội do Anh hùng Lao động, giáo sư Từ Giấy là trưởng ban dẫn đầu và bác sĩ Từ Mạo, nghệ sĩ Lưu Quang Hà gặp cả bí thư, chủ tịch, hai phó chủ tịch và phó văn phòng ủy ban nhân dân huyện Thường Tín. Tôi trình bày sự việc trên và khóc, vái lạy, lễ sống các vị lãnh đạo, chính quyền huyện cầu mong xét xử trả nhà thờ tổ dòng họ chúng tôi để tằn tạo kịp sang năm 2002 - 525 năm lễ giỗ cụ được tổ chức trọng thị.

Năm ngoài, ngày giỗ cụ, đại diện UNESCO Thông tin Dòng họ cùng đại diện các họ Trần, họ Vũ, họ Bùi, họ Đỗ ... và nhiều nhà văn, nhà báo về, phải lễ ở Đình làng. Năm nay, phải lễ giỗ cụ ở nhà người bà con họ Phạm, hậu duệ cụ, vì Đình bận việc. Đoàn về lễ giỗ cụ còn bị gây sự.

Vậy cụ Phạm Nhữ Tăng là ai? Cụ là Danh tướng thời vua Lê Thánh Tông, phò vua bình định toàn bộ Chiêm Thành 1471 mở rộng bờ cõi phía Nam Tổ Quốc. Nhiều sách báo đã viết về cụ (xin kèm theo đây 2 bài báo *Nhân dân* và *Quân đội Nhân dân*). Còn việc lễ giỗ cụ năm nay có chuyện gì linh kính (Xin đọc bài báo *Tiền Phong* kèm theo).

Còn cơ sở pháp lý về nhà thờ cụ và chứng minh sự đi tìm công lý mật mù mù ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam này thì chỉ xin xem 2 tờ đơn 1977 và 1998 của chi họ Phạm kèm theo.

Tóm lại vụ việc như thế.

Dầu sao tôi cũng còn chút ít hi vọng là quê tôi là huyện Thường Tín mà Thường Tín nghĩa là chủ "Tín" phải là đạo nghĩa Thường tình trong đời sống

hàng ngày. Lãnh đạo và chính quyền Thường Tín có thể còn chút ít máu thịt tử tiển để lại chưa đến nỗi trở thành lũ bắt lương đâu !

(Xin kèm theo bài "Vụ việc Tử Dương Vọng Đình trong bài "Lãnh đạo và chính quyền Hà Nội ngày nay bắt lạt hay bắt lương" và bài "Lãnh đạo và chính quyền Hà Nội ngày nay bắt lạt hay bắt lương").

7-7-2001

Phạm Quế Dương

37 Lý Nam Đế - Hà Nội

D.T : 0903.252286

Giới thiệu sách của Nam Dao :

- *Gió Lửa*, tiểu thuyết dã sử, 1998, 20 USD
- *Tiếng Cồng*, tiểu thuyết, 2000, 10 USD
- *Ba Vỏ Kịch*, kịch, 2000, 12 USD

Liên lạc : Nguyễn Mạnh Hùng
2699 avenue Morgan
Québec G1W4R9
Canada

Điện thư : thivan@videotron.ca

"Đọc Nam Dao, tôi không thể nào không nghĩ đến Claudel"

Nguyễn Gia Kiểng

Tìm lại "Thông Luận" và nhiều tiết mục khác trên mạng lưới web :
<http://www.thongluan.org>

Giới thiệu báo mới

Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan từ hơn một năm nay.

Địa chỉ liên lạc : 03-893 Warsaw
str. Bukowiecka 92/15

E-mail : chimviet@poczta.wp.pl

ĐT : 67 89 550 xin số 109

Fax : 67 89 943

Chính quyền địa phương bao che kẻ lấn chiếm

Hoàng Tiến

Hà Nội, ngày 12-7-2001

Kính gửi ông Dương Xuân Nam
(tức Dương Kỳ Anh)
Tổng biên tập báo *Tiền Phong*

Tôi là Hoàng Tiến, tác giả bài viết *Một hành động thiếu văn hoá ở một làng văn hóa* đăng trên báo *Tiền Phong* số 43, ngày 10-4-2001. Sau đó tôi có nhận được công văn của ủy ban nhân dân xã Tô Hiệu do ông chủ tịch Nguyễn Văn Kinh ký ngày 10-5-2001, nói là tiếp thu, nhưng chính là phản ứng. Tôi càng hiểu vì sao việc đòi lại nhà thờ tổ của họ Phạm ở quê làng Tía (tên chữ Tử Dương) bao nhiêu năm trời nay vẫn không được giải quyết. Có phải vì chính quyền địa phương bao che kẻ lấn chiếm? Có phải vì kẻ lấn chiếm quen biết và có chân trong đảng ủy xã?

Ngay lời lẽ trong công văn đã lộ ra những ẩn ý xấu bao che nhau. Xin trích dẫn:

1/ "*Việc ngày 15-3-2001 có một số người (khoảng 30 người) ở địa phương khác về tụ tập tại nhà ông Phạm Quang Xuân, làng Tử Dương, xã Tô Hiệu, là có thực*" (CV xã, trang 1). Thế nào là "tụ tập"? Cứ làm như báo cáo một cuộc âm mưu sắp nổi loạn vậy!

2/ "*Việc những người ngoài địa phương tụ tập tại nhà ông Xuân làm lễ giỗ cụ Phạm Nhữ Tăng là việc làm do những người đó tự đặt ra*" (CV xã, trang 1). Cụ Phạm Nhữ Tăng là danh tướng của cả nước, xin gửi kèm những bài viết về cụ trên báo *Nhân dân* và *Quân đội Nhân dân*. Năm nào con cháu cụ Phạm Nhữ Tăng cùng đều về làm giỗ tổ, và đều có giấy mời chính quyền các cấp (xin gửi kèm giấy mời làm minh chứng).

3/ "*Việc tụ tập của những người lạ tại nhà ông Xuân mà không báo cáo với người có thẩm quyền quản lý hành chính của địa phương*" (CV xã, trang 2). Rõ ra một giọng quen thói đe dọa, trấn át dân. Mà lại sai luật pháp. Xin hỏi có điều luật nào của nước ta qui định con cháu về làm giỗ ông bà tổ tiên phải xin phép chính quyền? Ngay cả thời nô lệ

thuộc địa của Tây cũng không dám đặt ra điều lệ này, khỏi phải nói dưới chế độ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa của ta. Những người cầm quyền mà làm thế này dân chúng chán ghét là phải.

Ông Phạm Quế Dương là đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam, nguyên tổng biên tập tạp chí *Lịch sử Quân sự* cùng nhiều con cháu họ Phạm đi cầm súng bảo vệ đất nước từ Cách mạng tháng Tám, chống Pháp và chống Mỹ, mà nhà thờ tổ ở quê hương bị các đồng chí Đảng viên chiếm đoạt rồi lại lấy đất bán cho nhiều người, đòi không trả, chính quyền thì lơ đi, mà ông chủ tịch xã Kinh dám ghi trong công văn là: ông Phạm Quế Dương có bố mẹ là người làng Tử Dương nhưng đã rời làng đi nơi khác sinh sống từ rất lâu rồi. Làm chủ tịch xã mà ghi nhận như vậy kể cũng kì khôi, là bịt tai nhắm mắt làm ngơ trước sự thật. Đúng như người đời mai mỉa: "Đồng chí đảng viên bộ đội Phạm Quế Dương cầm súng chống giặc ngoại xâm, để đồng chí đảng viên cấp uỷ xã chiếm nhà thờ, chiếm đất. Thế là đồng chí đảng chiếm của đồng chí đảng".

Họ tộc ông Phạm Quế Dương có đầy đủ giấy tờ địa bạ từ thời nhà Nguyễn thuộc Pháp, để chứng minh quyền sở hữu nhà thờ tổ của dòng họ. Gia đình ông lại không thuộc thành phần địa chủ tư sản, mà là gia đình cách mạng. Họ Phạm đòi nhà thờ tổ từ năm 1977, rất nhiều lần đưa đơn từ, thế mà ông chủ tịch xã Kinh lại nói là: "*Ủy ban Nhân dân xã, trưởng thôn chưa nhận được lá đơn nào của họ Phạm. Xin gửi theo đây vài lá đơn đòi nhà thờ tổ của họ Phạm để làm chứng*".

Ông chủ tịch xã Kinh cho làng mình không phải là một làng văn hoá và kết tội người viết là bịa đặt. Thế mà ông được làm chủ tịch xã, kể cũng lạ. Ông ta có biết làng Tử Dương (tức gọi làng Tía) được lập từ bao giờ không? Ông có đọc *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi không? Ông có đọc *Lịch Triều Hiến chương* của Phan Huy Chú không? Ông có biết làng ông có cụ Nguyễn Như Đỗ - Thượng thư Bộ lại triều Lê, Hà Nội nay có phố mang tên cụ. Cụ Trịnh Quý - Thượng

thư bộ binh thời Lê Thánh Tông, là cụ tổ ông Trịnh Đình Huấn, tức Lê Liêm, phó chủ nhiệm tổng cục chính trị, tham gia bộ chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ? Cụ Phạm Nhữ Tăng là cụ tổ ông Phạm Quang Hưng, tức bố vợ thủ tướng Phạm Văn Đồng, Di tích cách mạng 37 phố Cầu Gỗ Hà Nội ngày nay vốn là nhà ông. Làng Tía có nhà khoa học nổi tiếng Trần Đại Nghĩa, tên thật là Phạm Quang Lễ; có tướng cờ Lê Uy Vệ, nổi danh môn thể thao cờ tướng của nước ta; lại có cả cầu thủ bóng đá nổi tiếng Tí Bờ. Trung tướng Đỗ Trinh là rể làng, học giả Hoàng Xuân Hãn là rể làng, thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng là rể làng, thì ông chủ tịch xã hẳn phải biết chứ? Dân làng Tía ra Hà Nội làm ăn sinh sống bao năm đã đóng góp cho văn hóa Hà Thành thêm nhiều màu sắc, trong đó có Tử Dương Vọng Đình ở số 8 Hàng Buồm, ông chủ tịch xã Kinh có biết không?

Còn các ông ở xã thì làm gì? Điện thờ cụ Phạm Nhữ Tăng bị chiếm. Điện thờ bà Dương Thái Hậu (còn gọi là Dương Văn Nga) làm cửa hàng mại dịch, sau bán cho 2 hộ ở nơi khác đến. Một ngôi chùa bị phá cùng 1 ha đất làm nhà an dưỡng cho bộ thủy lợi năm 1960. Đến năm 1990 bán cho công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Nông. Rồi khu lò gạch, kho gạo ... bị chiếm. Tiền chi vào đâu?...

Sự huỷ hoại một làng có văn hoá của ngàn xưa là bởi các ông làm việc không ra gì hiện nay. Đạo đức đổ đốn đến thế mới có sự chửi bới của mấy người phụ nữ đối với họ Phạm về làm giỗ tổ ngày 15-3-2001. Hôm ấy chỉ có mấy người phụ nữ chửi bới thôi, phía họ Phạm không ai nói gì. Làm gì có sự xô xát và trưởng thôn ra can thiệp kịp thời. Đây mới là sự bịa đặt để lấy thành tích cho các ông. Mà cứ nhự thế này thì hỏi làm sao để được công nhận là một làng văn hoá! Ông lãnh đạo xã nên biết xấu hổ khi nói làng tôi không phải là một làng văn hoá mới phải chứ?

Thưa ông tổng biên tập,
Tôi kể thế để ông thấy, tôi nắm được
(xem tiếp trang 15)

Kháng thư

L.m. Phan Văn Lợi

Phước Vinh, Huế, ngày 25-7-2001

Kính gửi :

- Ông chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên
- Ông chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Huế
- Ông giám đốc sở công an tỉnh Thừa Thiên
- Ông giám đốc sở công an thành phố Huế

Kính thưa quý ông,

Tôi là Phan Văn Lợi, sinh năm 1951, linh mục Giáo hội Công giáo, thường trú tại 90/13 Phan Chu Trinh - Huế, xin gửi đến quý ông lá thư này để bày tỏ sự phản kháng của tôi về những chuyện như sau :

1- Sau khi nhận "giấy mời" của công an, kể từ 9-3 đến 3-4-2001, tôi đã đến sở công an thành phố (52 Hùng Vương) "làm việc" trong 20 buổi (10 ngày, có khi cách khoảng nhau). Thời gian này, tôi đã khai báo những gì bản thân thấy cần khai báo và đã bày tỏ rõ ràng lập trường của tôi là hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh vì tự do tôn giáo và dân chủ nhân quyền của linh mục Nguyễn Văn Lý. Chiều 3-4, tôi tuyên bố đã làm xong phận sự của mình trước pháp luật và đã đưa đủ dữ kiện để nhà nước có thể xử lý. Nhưng công an thành phố Huế vẫn buộc tôi tiếp tục làm việc. Thành thử từ 4-4 đến 6-4, tôi vẫn có mặt nhưng giữ im lặng hoàn toàn. Vì công an có quyền xét hỏi thì người dân cũng có quyền không trả lời. Chiều ngày 6-4, nhân viên thẩm vấn cho rằng tôi thiếu thiện chí nên bức bách tôi làm việc cả ngày thứ Bảy và chúa nhật sát liền (7 và 8-4) là hai ngày nghỉ theo luật hành chánh. Tôi đã phản đối mệnh lệnh vô lý và vô luật này, đồng thời cùng tuyên bố là từ 8 đến 15-4-2001 tôi nhất định ở nhà, vì đó là Tuần Thánh, một thời gian quan trọng và linh thiêng trong đạo Công giáo của tôi. Thế là sáng ngày thứ Bảy mồng 7-4, thiếu tá Nguyễn Văn Hòa, phó công an thành

phố, lên "giấy triệu tập" đòi tôi đến sở công an. Dĩ nhiên tôi không thể làm theo mệnh lệnh có tính áp bức đó. Tiếp theo là 4 giấy triệu tập nữa, ký tiếp nhau, và lương tâm tôi đã không thấy có bổn phận vâng lời. Thế là kể từ ngày 12-4, chính quyền ra lệnh miệng cho một nhân viên công an bám sát tôi mỗi khi tôi ra ngoài, nhằm gây cản trở cho sự đi đứng và tiếp xúc của tôi. Cùng lúc, tôi được biết là linh mục Nguyễn Hữu Giải, người anh em của tôi, cũng bị bám sát mọi nơi và mọi lúc như tôi, cách rất lộ liễu, chỉ vì hai chúng tôi ủng hộ linh mục Nguyễn Văn Lý. Thành thử nhân đây, tôi cực lực lên án việc theo dõi để gây cản trở cho vị linh mục hạt trưởng này. Luật gì cho phép quý ông được làm như thế ?

Ngày 19-4, tôi đi xe từ nhà, định sang Tòa Giám mục Huế thì bị ba nhân viên công an mặc thường phục (trong đó có một người tên Trúc) chặn tôi lại ngay trước Trung tâm Giáo dục Thường xuyên ở số 86 đường Phan Chu Trinh. Ba nhân viên này nói với tôi : *"Ông không đi tới làm việc ở đồn công an thì từ nay không được đi đâu cả !"* Rồi lấy thịt đè người, dùng sức mạnh áp đảo, họ đuổi tôi lui. Kể từ đó, tại các ngõ dẫn vào nhà tôi đều có công an (khoảng từ năm đến mười người) đóng chốt ngày đêm, với ba công tác : một là canh giữ không cho tôi ra khỏi nhà, hai là chặn trước những ai mà họ đoán biết là vào gặp tôi, chẳng hạn các linh mục bạn bè của tôi (đặc biệt là linh mục Giải), ba là theo dõi, ách lại, lừa vào đồn, hạch hỏi khám xét, có lúc đánh đập tàn nhẫn và phạt tiền vô lý những ai "không may" vào nhà tôi, dầu đó là cháu chất thân thuộc, khiến mọi người đều hoảng sợ xa lánh gia đình tôi và tôi như lánh hủi. Các chứng nhân còn sờ sờ ra đó và họ có thể làm chứng về việc này. Tôi tự hỏi : đó phải chăng là quyền tự do đi lại và tự do tiếp xúc trong nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ? Kể từ đó đến hôm nay, đã hơn ba tháng, tôi bị giam lỏng trong nhà, không một phán quyết, văn

bản nào của tòa án. Tôi đã từng nói với các nhân viên công an thỉnh thoảng lại đến "thăm" tôi : *"Các anh về báo với cấp trên là nếu đường hoàng thì cho tôi một cái lệnh bằng văn bản. Còn nếu chỉ dùng sức mạnh số đông để ngăn chặn một kẻ cô thân cô thế thì đó là cung cách của lũ cướp đường chứ không phải là cung cách của người đại diện pháp luật"*. Mà cho đến hôm nay, tôi chẳng thấy có văn bản pháp lý nào. Nhưng nếu dựa vào nghị định 31/CP để ra quyết định quản chế tôi, thì trước hết xin quý ông nhớ lại : nghị định đó đang là gì trước hiến pháp và trước mắt nhân dân ?

Việc quản chế tại gia không văn bản mà tôi đang chịu đã làm cho tôi : 1- không thể kiếm kế sinh nhai theo quyền lợi của một con người tự do, 2- không thể chu toàn phận sự của một người con đang phải nuôi cha mẹ già trên 80 tuổi, 3- không thể thi hành chức năng của một Kitô hữu là hiệp thông, tham dự vào các sinh hoạt của đạo, 4- không thể thực hiện vai trò một linh mục là phục vụ cộng đoàn Công giáo Điều khoản nào trong pháp luật cho phép quý ông hành động như vậy. Khoan nói đến những hậu quả tinh thần đang xảy đến cho cộng đoàn công giáo Huế (vốn đã hiếm hoi linh mục) và cho bản thân tôi, cha mẹ già lão của tôi đang suy kiệt từng ngày. Một hôm nào đó, hai cụ nằm xuống vì chết đói, tôi xin được mời quý ông đến để chứng kiến thành quả biện pháp của quý ông.

2- Thật ra, việc ngăn chặn tôi thi hành chức vụ linh mục đã xảy đến từ lâu. Sau khi "trùng phạt" tôi bảy năm tù (1981-1988) vì cái gọi là *"tội tuyên truyền phản cách mạng và chịu chức linh mục không xin phép nhà nước"*, quý ông còn tiếp tục xử lý tôi, bắt tôi trả giá thêm nữa ngay cả khi đã ra khỏi nhà tù, bằng cách theo dõi các hoạt động mục vụ của tôi như dâng lễ, giảng dạy, biên soạn bài giáo lý cho cộng đoàn Công giáo. Người của công an đã biết bao lần hạch hỏi, hăm dọa những nơi và

những ai tôi đến giúp đỡ theo chức năng một linh mục ; ngoài ra chính quyền đã một lần tịch thu toàn bộ phương tiện tôi dùng để biên soạn các tài liệu tôn giáo (1998), thành thử chẳng có việc mục vụ nào mà tôi làm được dài lâu Bị khủng bố và lo sợ hậu họa, các cộng đoàn đã đành phải thôi nhờ vả tôi Giờ đây thì những việc đó xem như chấm dứt vĩnh viễn với lệnh quản chế miệng của chính quyền. Phải chăng đó là chính sách tự do tôn giáo của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ? Đó là cách quý ông thực hiện điều 18 trong Công ước Quốc tế Nhân Quyền ?

3- Song song với những việc làm thô bạo, tùy tiện nói trên, quý ông còn cắt đứt những đường dây liên lạc cuối cùng của tôi. Tôi muốn nói đến điện thoại và điện thư. Kể từ đầu năm nay, điện thoại của gia đình tôi bị gây rối liên tục, khiến sinh hoạt gia đình gặp trở ngại nhiều, và đến tháng 2 thì bị cắt hoàn toàn, mà không một thông báo đăng hoàng của cơ quan chủ quản về lý do cắt. Tôi buộc lòng phải đi nhờ nhiều chỗ khác. Và những chỗ này lập tức bị công an đến hăm dọa. Tiếp đó, điện thư của tôi bị phá. Lợi dụng việc nắm được mật khẩu tôi đã đăng ký, theo sự chỉ đạo của công an, bưu điện đã tự quyền đổi mật khẩu của tôi, làm cho chính tôi không còn có thể sử dụng địa chỉ điện thư của mình nữa. Đảng và nhà nước nắm trong tay mọi phương tiện thông tin nên muốn ra tay thế nào đối với nhân dân cũng được sao ? Phải chăng đó là quyền tự do thông tin có ghi trong hiến pháp và trong điều 19 Công ước Quốc tế Nhân quyền ?

4- Cuối cùng, trong những ngày gần đây, công an thành phố lại gửi giấy triệu tập (thiếu tá Nguyễn Văn Hòa ký), buộc tôi đến trụ sở công an phường Phước Vinh để làm việc. Tôi đã nhận được giấy ba lần (ký ngày 18, 19 và 23-7-2001) nhưng tôi khẳng khái trả lời là không thể chấp hành được. Tôi có nói và viết trên giấy biên nhận : "Các anh cần trao đổi chuyện gì, xin mời đến nhà tôi Ngược lại các anh muốn bắt thì cứ bắt, tôi luôn sẵn sàng. Chẳng lẽ các anh giam lỏng tôi trong nhà đã lâu ngày, nay ban cho tôi ân huệ được thở chút khí trời tự do

ngoài đường qua việc đến đồn công an sao ? Tôi là một con người, một con người tự do (chưa lãnh bản án hợp lý nào của tòa án chính đáng nào), chứ không phải là một con vật mà các anh muốn giam giữ ở nhà thì giam giữ, lôi cổ đến đồn thì lôi cổ qua các lệnh triệu tập". Sau gần bốn tháng trời bị quản chế vô pháp luật, vô nhân đạo, bị cấm cản làm phận sự của một con người, một người con, một Ki-tô hữu, một linh mục, đồng thời chứng kiến trong đau khổ và bất lực những ai đến thăm gia đình tôi bị công an hành hạ đủ kiểu, tôi thấy mình không có nghĩa vụ phải tuân hành những mệnh lệnh mang tính áp bức công dân như thế.

Thưa quý ông, đó là những lời phản kháng tôi muốn thẳng thắn trình bày với quý ông. Những trường hợp nêu lên trên đây, thật ra chẳng phải chỉ mình tôi chịu. Rất nhiều nhà tu hành trong các tôn giáo tại Việt Nam lúc này cùng đang gặp số phận đó. Tôi cũng muốn qua kháng thư này nói thay cho các vị. Tôi rất xấu hổ phải sống trong một chế độ mà nhà cầm quyền luôn rêu rao là "pháp trị", nhưng trên thực tế, luật pháp luôn nằm trong sự giải thích và áp dụng cách tùy tiện vô đoán của Đảng, nhà nước và công an.

Đĩ nhiên "nói thật mất lòng" ! Tôi biết có nhiều nguy hiểm đang chờ tôi, nhiều hình phạt sẽ giáng xuống trên tôi, nhưng lương tâm của một con người, một Ki-tô hữu, một linh mục Công giáo không cho phép tôi im lặng. Vì đây không phải là chuyện của một cá nhân, mà là chuyện điển hình cho vô số cá nhân trong đất nước Việt Nam hôm nay. Tôi sẵn sàng chịu sự xử lý nặng nề của quý ông với tâm hồn bình thần, vì đối với tôi là nhà tu hành, sống và chết cùng như nhau ; ở ngoài đời hay trong tù, tôi đều có thể làm chứng nhân cho tình thương và ngôn sứ cho sự thật. Nhưng dù bị bất cứ biện pháp ghê gớm nào, lòng tôi cũng chẳng hề oán hận quý ông. Tôi chỉ ước mong một điều là quý ông biết thành tâm nghĩ lại, để tự do tôn giáo và dân chủ nhân quyền được thực sự tôn trọng trên quê hương đất nước thân yêu của chúng ta. Xin Thiên Chúa ban phúc lành cho quý ông.

L.m. Phan Văn Lợi

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
7 allée Bouleau Carreau
77 600 Bussy Saint Georges,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)
Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Braamlanden 76

7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:

Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Úc:

Mr. Võ Thanh Liêm
5 Fira Court
Narre Warren VIC 3805

Não trạng độc quyền chân lý

Thăng Bờm

Chuyện nhà cầm quyền Hà Nội phân biệt đối xử và đàn áp những người khác chính kiến là chuyện xưa vẫn vậy nay vẫn thế, là chuyện "biết rồi, khổ lắm, nói mãi", có kể bao nhiêu cũng không thể kể hết.

Các bậc trí giả đã chỉ ra rằng đó là một thứ não trạng bất di bất dịch, bất cải, bất biến, không phải của riêng Đảng cộng sản Việt Nam, mà của tất cả các đảng cộng sản trên thế gian, một khi đảng này nắm được chính quyền.

Gần đây, phản ứng với những đòi hỏi tự do tôn giáo, nhà cầm quyền Hà Nội đã thi hành những biện pháp trớ trêu trong việc đàn áp: bắt giam linh mục Nguyễn Văn Lý, quản chế hòa thượng Thích Quảng Độ, quản thúc tại gia nhà lãnh đạo Hòa Hảo "thuần thành" Lê Quang Liêm, xử tù nhiều chức sắc Hòa Hảo, bắt đi "làm việc" và "cải tạo tại chỗ" một số linh mục và tín đồ Ki-tô giáo...

Khối người Việt hải ngoại cực lực phản đối những hành động tàn bạo, vi phạm nhân quyền nọ; đồng thời vận động các quốc gia, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trên thế giới lên án nhà cầm quyền Hà Nội vi phạm tự do tín ngưỡng. Thế giới tỏ thái độ: Liên hiệp châu Âu ra nghị quyết lên án sự đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, các tổ chức bảo vệ nhân quyền gửi thư cho nhà cầm quyền Hà Nội đòi họ phải lập tức rút lại những quyết định phân dân chủ, chà đạp nhân quyền và trả lại tự do tức khắc cho những người bị bắt và bị quản chế.

Nhà cầm quyền Hà Nội ngạo nghễ tuyên bố: này, các người đừng có xía vô công việc nội bộ của Việt Nam. Việt Nam có pháp luật của Việt Nam, kẻ nào phạm luật phải bị xử theo đúng luật.

Trong chuyện này, Bờm tôi thấy có đôi điều cần được làm rõ.

Trước hết, nhân danh lẽ công bằng Bờm tôi phải cải chính cho đảng chính phủ Hà Nội rằng đảng chính phủ Hà Nội không hề ngăn cấm tự do tín ngưỡng. Ở nước Việt Nam hôm nay ai muốn tin đạo nào thì tin, muốn theo giáo phái nào thì theo, đảng cầm quyền mặc thấy, không hề có sự trừng trị hoặc sách nhiễu

nào nhằm vào họ. Mà đúng vậy. Bằng chứng là ở vùng nông thôn, các ông già bà cả tha hồ xì xụp lễ các ông bình vôi treo lủng lẳng ở góc đa, tha hồ thấp hương, đốt vàng tại các má "ông đồng", tự do thấp hương cúng bái đủ mọi thứ thánh thần tại các miếu đền, các đình chùa. Phong trào lên đồng, gọi hồn, xin thẻ, kể cả vay vốn Bà Chúa Kho để kinh doanh nở rộ khắp nơi. Ngay các nhà lãnh đạo tối cao cùng thành tâm tin ở hồn thiêng các vua Hùng. Họ nhờ các ông đồng bà cốt giúp họ tìm cách liên lạc với các vua Hùng để các vị giúp cho họ "muôn năm trường trị" trong thời buổi nhiều nhương, khi họ lúng túng như gà mắc tóc, không biết bằng cách nào xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đi chân phải trước? hay chân trái?

Cái chuyện đàn áp nhằm vào một số người theo các tôn giáo như các vị tôi vừa kể trên là có thật, đến bà phát ngôn nhân mồm năm miệng mười Phan Thuý Thanh cũng không thêm giấu.

Nguyên nhân của việc đàn áp đó là do cái não trạng độc quyền chân lý. Não trạng này còn có tên gọi khác là não trạng toàn trị. Đảng Cộng sản nghĩ thế này: Đảng quyền sinh quyền sát, đã không thết các tôn giáo đi thì chớ lại còn giúp các tôn giáo rất nhiều, các tôn giáo đã không biết ơn lại còn đòi thêm suốt, nay cái này mai cái nọ. Thử hỏi mè nheo suốt ngày như thế, ai chịu nổi? Này nhé: để giúp các tôn giáo phát triển rộng khắp Đảng đã lập ra một ban tôn giáo vận trung ương của Đảng, cộng thêm một ban tôn giáo của chính phủ nữa là hai. Chưa kể cái tổ chức những người kính Chúa yêu nước. Còn việc bổ nhiệm các giám mục tất nhiên Đảng phải nắm, hội đồng giám mục họp phải xin phép là chuyện đương nhiên. Các đại lễ của các tôn giáo khác cũng vậy, làm gì cũng phải có phép có tắc, phải xin ý kiến hẳn hoi. Chứ không có mà loạn. Ngay cái việc mở hội hè tùm lum làm ùn tắc giao thông cũng đáng cho mấy ông thầy chùa nhiều sự đi tù rồi. Ông hòa thượng Thích Quảng Độ muốn đưa ông hòa thượng Huyền Quang về Sài Gòn chữa

bệnh cũng phải xin phép. Không có lệ công dân không bị tù, không bị quản chế thì tha hồ tự do vô kỷ luật, muốn đi đâu thì đi. Là công dân phải thuộc lòng phép nước, nhất là nước xã hội chủ nghĩa ưu việt. Đảng đã lập ra các tổ chức tôn giáo để đoàn kết các tín đồ dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, vậy mà mấy ông linh mục vào hòa với mấy ông thầy chùa còn về đòi các tôn giáo phải được độc lập. Đảng cấm cái Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là đúng. Đảng cấm cái Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo của ông Lê Quang Liêm cũng là đúng nốt. Đảng đã mang lại nền độc lập cho đất nước rồi, lại còn làm rùm beng đòi độc lập cho tôn giáo nữa, họa có ngu như cái ... con tườu thì Đảng mới cho.

Ngẫm sự đời, Bờm tôi tưởng cái não trạng này là của riêng các đảng cộng sản. Hoá ra không phải. Có nhiều người cũng yêu nó lắm, nhất định tranh bản quyền với Đảng. Góm thật!

Để dẫn chứng, Bờm tôi xin đơn cử bài xã luận *Những tiếng thở dài* trong tạp chí *Diễn đàn* xuất bản tại Paris, số 108, tháng 6 năm 2001, trong đó tờ *Diễn đàn* (chứ không phải riêng một nhà báo nào) viết về hòa thượng Thích Quảng Độ và linh mục Nguyễn Văn Lý như sau : "*Cả hai là những nhân vật nổi tiếng với những hoạt động chống cộng. Linh mục Nguyễn Văn Lý hồi tháng 2 đã gửi thư kêu gọi quốc hội Mỹ dừng thông qua hiệp định thương mại với Việt Nam vì lý do nhân quyền, và sau đó đã bị quản chế tại thôn Truyền Nam từ ngày 26-2. Hành động của linh mục Lý không mấy sáng suốt và chúng tôi "não trạng Hồ Nai", "ăn thua đủ với cộng sản". Thực ra xu hướng cực đoan và xuân động này chỉ còn là thiểu số trong giáo hội. Nếu nhìn vấn đề ở khía cạnh thuần túy chính trị, chính quyền chỉ cần phổ biến rộng rãi lập trường của tu sĩ này, tự nó sẽ cô lập ông".*

Bờm tôi ngạc nhiên quá ! Mở đầu về hai nhà hoạt động tôn giáo, tờ *Diễn đàn* đã quy kết họ có những hoạt động chống cộng rồi. Cứ như thể tờ báo ở Paris (vốn là một bộ phận tách ra khỏi tờ *Đoàn kết* của sứ quán Việt Nam) là chi nhánh của

tờ *An ninh Thế giới* của bộ công an vậy. Lại còn "nào trạng Hồ Nai"? Nó là cái gì vậy? Mà giọng viết lại khinh miệt đến thế? Riêng cái tội "ăn thua đủ với cộng sản" cũng đủ để đi tù một gông rồi.

Tội nghiệp cho linh mục Lý! Bờm tôi không phải tín đồ Thiên Chúa giáo, nhưng nghe ông nói thấy đúng là Đảng Công sản coi ba cái tổ chức tôn giáo chẳng là cái đing gì. Hội đồng giám mục họp cũng phải xin phép. Lập chủng viện phải xin phép. Tuyển sinh vào chủng viện phải đưa nhà cầm quyền duyệt lý lịch. Phong chức linh mục cho học sinh chủng viện cũng phải xin phép nốt...

Tức quá, giận quá, linh mục Lý phải kêu lên "Tự do tôn giáo hay là chết!". Kể ra, Bờm xin nói thật, giá ông ấy kêu "Ồi làng nước ơi! Ồi thế giới ơi! Cứu chúng tôi với!" thì hơn là kêu "Ồi quốc hội Hoa Kỳ ơi!". Thiên hạ thiếu gì người tốt, có phải quốc hội Hoa Kỳ mới tốt đâu. Mà lòng tốt của Hoa Kỳ thì không phải không đáng ngờ, như lịch sử đã cho thấy. Ý kiến của Bờm là thế. Nhưng suy đi nghĩ lại, Bờm thấy linh mục Lý giống như người bị thương, ông ấy kêu lên vì đau thì mình phải chú ý tới vết thương của ông ấy, mình phải giúp ông ấy khỏi đau mới phải, chứ không nên đứng đưng đứng đấy mà trách ông ấy kêu ai!

Đau quá hoá mù mẫm, ông linh mục cứ xăm xăm chõ vào nhà cộng sản mà chửi, động cái gì có hơi hướng cộng sản là ông chửi tuốt, không biết rằng ngay trong hàng ngũ những người cộng sản cũng có khối người nghĩ như ông, cùng ủng hộ tự do tôn giáo. Ông chửi cả cái thương ước Việt-Mỹ, vì ông cho rằng nó chỉ có lợi cho cộng sản. Ở địa vị ông, phải bình tình mà phân biệt lợi hại, phải trái, đúng sai, thù bạn. Bờm tôi ấy à, tôi cứ hướng vào khu Ba Đình mà chửi. Cái tổ con chuồn chuồn là ở đó. Chỉ có mấy thằng cha lãnh tụ là ghét tự do tôn giáo mà thôi. Bởi vì chẳng có tôn giáo nào chủ trương "giết, giết mãi, bàn tay không hề mỏi", như một nhà thơ cộng sản viết, mà chỉ kêu gọi tình thương yêu giữa con người với nhau, và với muôn loài, thâm chí vào hòa với "đấu tranh giai cấp" cũng không chịu. Ông chửi cộng sản thả dàn thế đâm ra sự ủng hộ ông không được nhiều, không được mạnh. Giáo dân biết ông thì ủng hộ ông nhiệt tình,

dùng cảm. Giáo dân ở xa, lại bị chính quyền bưng bít, xuyên tạc, thì quay lưng lại với ông. Thật đáng tiếc.

Hoàn toàn không phải cái nào trạng độc quyền chân lý ở nhà cầm quyền thì gây ra vết thương, còn cái nào trạng độc quyền chân lý ở người không cầm quyền thì vô hại.

Nó có thể gây ra một vết thương tồi tệ hơn, bởi vì nó là con dao thọc vào lưng nạn nhân vốn đã bị thương rồi.

Nói mình đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền mà còn mang cái nào trạng ấy thì thật vô phúc cho dân lành!

Thằng Bờm

Nguyệt san *Đàn Chim Việt*
Ba Lan

Giới thiệu báo mới

Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan từ hơn một năm nay

Địa chỉ liên lạc : 03-893 Warsaw
str. Bukowiecka 92/15
E-mail : chimviet@poczta.wp.pl
ĐT : 67 89 550 xin số 109
Fax : 67 89 943

Quả Đất - Quê Hương

Nguyên tác : *Terre-Patrie*, Edgar Morin và Anne Brigitte Kern, Ed. du Seuil, 1993. Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ. Sách dày 300 trang, khổ A5, bìa cứng do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời.

Một tác phẩm nói về các vấn đề nhân loại trong thời đại toàn cầu.

Một tài liệu quan trọng cần có trong tủ sách gia đình.

Giá bán: 80 FRF (+ 10 FRF cước phí, ngoài Âu Châu thêm 30 FRF). Chi phiếu xin đề: Mme Nguyễn và gửi về: 106 avenue Jean Jaurès, 94110 Arcueil.

E-mail: nht1@aol.com.

Tổ quốc Ân năn

của *Nguyễn Gia Kiểng*

Một cuốn sách nhằm trả lời hai câu hỏi: Tại sao Việt Nam lại như hiện nay? Phải làm gì để ra khỏi bế tắc và vươn lên? Cuốn sách mở đầu bằng một quan sát mới về đất nước và con người Việt Nam, tiếp theo là một hành trình theo dòng lịch sử và một khảo sát về nền văn hóa và các giá trị nhào nặn con người Việt Nam. Phần cuối đề nghị một đồng thuận để làm lại đất nước. Sách dày 595 trang không kể lời đầu và phê bình của một nhân vật.

- Tại Pháp : 200 FRF. Chi phiếu xin đề "Nguyễn Gia Kiểng", 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes

- Tại Đức : 60 DM. Chi phiếu xin đề "Nguyen Thanh Luong", Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, hoặc chuyển vào trương mục : Frankfurt Volksbank EG, Thanh Luong Nguyen, konto nr 00 77 70 82 94, Bankleitzahn 50 19 00 00

- Tại Hòa Lan : 70 NFL. Chi phiếu xin đề "Trần Thị Mến", Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede, hoặc chuyển vào trương mục : 0126440 (Postbank) của Trần Thị Mến, Enschede, phần ghi chú xin đề TQĂN.

- Tại Úc : 50 AUD. Chi phiếu xin đề "Thu S. Duong" và gửi về *Việt Luận Magazine*, P.O. Box 99, Bankstown NSW 1885.

- Tại Hoa Kỳ : 30 USD. Chi phiếu xin đề "Dinh Quang Anh Thai", 12866 Main Street, Suite # 101, Garden Grove, CA 92840.

- Tại Anh : 20£. Chi phiếu xin đề "Đoàn Xuân Kiên", 74 Swaffield Road, London SW 18 3 AE

- Tại Canada : 45 CND. Chi phiếu xin đề "That Thien Ton", 223 Britannia Road, Ottawa, ONT k2B 5X1.

Chúng tôi đều là dân công giáo Hồ Nai !

Được dịp đọc bài *Nào trạng công giáo Hồ Nai* của anh Nguyễn Gia Kiểng trên *Thông Luận*, trong đó anh phê phán bài *Dàn áp tôn giáo - Những tiếng thở dài* đăng trên *Diễn đàn*, tôi rất vui và tâm đắc. Nói thực, tôi có một phút ngỡ..., vì hình như chưa hề được đọc một bài báo ngắn lại vừa có chất lượng vừa tâm huyết như thế trên *Thông Luận*, nhất là khi động đến vấn đề tôn giáo (có thể cái nhìn của tôi phiến diện vì không phải là độc giả thường xuyên của *Thông Luận*?). Sau khi tìm đọc toàn bản gốc của *Diễn đàn*, tôi càng thấm thía cách phê phán của anh đã dựa trên một thái độ tôn trọng thực tại hiếm có. Tôi khâm phục sự can đảm trí thức đã giúp anh vận cổ một số thành kiến dai dẳng từ nhiều thập niên để nói lên vài điều "chướng tai về mặt chính trị" (*politiquement incorrect*) và không hạ mình "vuốt theo chiều lông" của giới trí thức "cấp tiến" tại thủ đô Paris này - Việt cùng như Pháp !

Tôi đặc biệt cảm ơn anh đã tự nguyện làm chứng nhân cho một lớp người thường bị liệt vào loại công dân hạng hai, thấp cổ bé miệng, không hề có tiếng nói, khi thời thế nhiều nhượng thì bị các giới khác lôi ra làm dê tế thần. Thời buổi này đúng lên bênh vực loại người "chống cộng" mà nhóm *Diễn đàn* gọi với giọng khinh miệt là dân "*công giáo Hồ Nai*" ... chẳng lợi gì cho anh ! Không những anh đã bảo vệ danh dự cho một thành phần dân tộc, mà, có lẽ còn quan trọng hơn, anh đã đóng góp cách cụ thể vào việc phục hồi lại ý nghĩa cuộc đấu tranh chống cộng sản của người Việt quốc gia. Vì thế tôi cho bài viết của anh, dù ngắn ngủi và không lý thuyết, là một bước tiến đáng kể trong cuộc diễn đàn dân chủ giữa người Việt không cộng sản, đặc biệt những người làm chính trị hoặc có tham vọng chính trị.

Từ nhiều năm qua ai cũng biết, *Diễn đàn* không bỏ qua một cơ hội nào để bộc lộ ác cảm của họ đối với người công giáo. Ngay từ vụ Phong Thánh (1988), *Diễn đàn* (lúc đó còn là *Đoàn kết*) đã cùng đồng thanh với chính quyền cộng sản tẩy chay Lễ Phong Thánh tại Rô-ma và Việt Nam và tố cáo những người ủng

hộ việc Phong Thánh là phản động, lạc hậu, "đi chậm một công đồng" ... Gần đây hơn, nhân dịp Lễ kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ hiện ra tại La Vang, *Diễn đàn* đã mượn tay một "nhà báo Việt Nam lão thành" (mà nhẹ dạ) để dựng lên một bảng cáo trạng kitô giáo với đầy ác ý (xem *Diễn đàn* số 77, tháng 9-98 và *Tin Nhà* số 37, tháng 1-99). Ngày hôm nay cuộc tranh đấu của linh mục Nguyễn Văn Lý và giáo dân xứ Nguyệt Biều lại cho họ cái cớ để tấn công một cộng đồng dân tộc qua dân "công giáo Hồ Nai" ... Sự quan hệ bất ngờ giữa *Diễn đàn* và... Hồ Nai thoạt nghe có gì khôi hài, nhưng nó cũng nhắc lại cho tôi một giai thoại lịch sử cận đại Pháp, thật có ý nghĩa ... Trong biến cố gọi là "Cách mạng tháng Năm 68", dân Pháp bàng hoàng thấy xuất hiện chỉ trong vài ngày một phong trào sinh viên rầm rộ, tự do bột phát nhưng không phá phách, đề cao "sức tưởng tượng nắm chính quyền" và chống "xã hội tiêu thụ", bỗng đứng làm cho các lực lượng chính trị cổ điển (chính phủ, quốc hội, đảng phái, nghiệp đoàn, v.v.) như bị "về vườn", tổng thống De Gaulle bất lực, cả nước bị tê liệt cả tháng ... Lần đầu tiên sinh viên Pháp khám phá một hiện tượng tày trời : cái sức mạnh chính trị mới mẻ, có thực mà tiềm ẩn của họ, có thể thách thức những lực lượng đảng phái, đặc biệt các đảng khuynh tả đang sống thời oanh liệt nhưng đã biến chất từ lâu, và trên hết là Đảng Cộng sản Pháp cùng tha hoá và cánh tay phải của nó là nghiệp đoàn CGT, cả hai lúc đó còn thờ phục Staline. Những cuộc biểu tình đều do sinh viên điều khiển, các đảng phái chẳng đặng đừng chỉ theo vuốt đuôi. Một câu tuyên bố xanh dờn của chàng lãnh đạo sinh viên Daniel Cohn-Bendit (tả hơn tả, tức trong mắt sinh viên còn "trong sáng" hơn Đảng Cộng sản Pháp) đã đi vào lịch sử : "*Cái thích thú của các cuộc biểu tình là sinh viên chúng ta lúc nào cũng đi tiên phong, lời theo sau lũ bộ hạ lưu manh của Staline (les crapules staliniennes) !*" Đảng Cộng sản Pháp không bao giờ tha thứ lời tuyên bố trịch thượng này ! Họ phản công ngay bằng cách chụp mũ và, cùng với các đảng phái khác, tấn công

dưới thất lưng thẳng sinh viên "gốc Do Thái" lại mang "quốc tịch Đức" ... Trong cuộc biểu tình tiếp theo, hàng trăm ngàn sinh viên Pháp tỏ tình liên đới với "*Dany Tót Đồ*" bằng một khẩu hiệu : "*Chúng ta đều là dân Do thái Đức !*" (*Nous sommes tous des juifs allemands !*).

Anh Kiểng, bài viết của anh vạch cho nhiều người thấy tàn dư của những "*crapules staliniennes*" ngày hôm nay vẫn còn đó và tiếp tục đoàn kết từ Paris đến Huế. Họ không bao giờ tha thứ cho dân "công giáo Hồ Nai" dù đốt nát quê mùa nhưng đã sáng suốt và ... cả gan nhận ra thực chất của cộng sản trước nhiều người : Bùi Chu - Phát Diệm 1949-50, Hồ Nai 1954, thuyền nhân 1975-95, Nguyệt Biều 2000 ... sẽ luôn là những chứng tử đáng kính nể trong lòng người quốc gia, và cũng là những lời nguyện rửa nhục nhối cho những người cộng sản hoặc thân cộng chưa chịu lột xác. Trong tinh thần bất khuất đó ngày hôm nay, cùng với anh và những độc giả tán thành bài viết của anh, tôi hành diện hô lên giữa Paris : "Chúng tôi đều là dân công giáo Hồ Nai - Nguyệt Biều !"

Nguyễn Hữu Tấn Đức

Giới thiệu sách : *Binh biến 11-11-1960*

Khởi điểm một hành trình...

Hồi ký chính trị của Vương Văn Đông

Trích lời tựa của Trần Thanh Hiệp : "*Đọc Binh Biến 11-11-60, hiểu rõ thêm cường độ của thảm kịch đất nước, hiểu thấu nỗi u uất của những thế hệ đã bị hy sinh oan uổng trong thảm kịch ấy. Hiểu, không vì tác giả mà để hội nhập vào dòng suy nghĩ đã tự giải phóng khỏi những vong thân vì chiến tranh ủy nhiệm, cũng như chiến tranh ý hệ, từ đó đối chiếu quan điểm, chọn lựa thái độ mà hành động cho tương lai chung*".

Sách dày 372 trang,
giá 150 FF + 20 FF (cước phí gửi)
Xin hỏi tòa soạn *Thông Luận*

Thực trạng công nhân Việt Nam lao động tại Hàn Quốc

LTG: Tôi là Lê Thanh Sơn sinh năm 1971. Là công nhân Việt Nam sang lao động tại Hàn Quốc, tôi đã thực tế chứng kiến cảnh sống, lao động làm thuê nơi con người. Tôi viết bài Thực trạng công nhân Việt Nam lao động tại Hàn Quốc gửi đến các anh chị trong ban biên tập báo Thông Luận Hòa Lan với mong muốn được nói lên chính kiến của mình và những thực trạng của công nhân Việt Nam sang lao động tại Hàn Quốc. Trong điều kiện hạn hẹp, chắc hẳn bài viết của tôi còn nhiều khiếm khuyết, vậy mong các anh chị xem sửa giùm và đăng bài viết của tôi nếu có thể được. Chúc các anh chị thành công trong sự nghiệp đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam.

Vào thập niên 80, thanh niên Việt Nam ò ù sang các nước Đông Âu để lao động hợp tác theo sự thỏa thuận ký kết giữa chính phủ Cộng sản Việt Nam và chính phủ các nước cộng sản Đông Âu cũ. Nguồn gốc thực sự của chính sách này là vì chính phủ cộng sản Việt Nam không có đủ sức hoàn trả những món nợ mà trong chiến tranh chính quyền cộng sản đã vay mượn để mua súng đạn. Đây là một hình thức gán nợ mà thôi.

Cuối thập niên 80, sau sự sụp đổ hàng loạt của các nước Đông Âu theo chế độ cộng sản, chính quyền cộng sản Hà Nội phải đương đầu với nhiều vấn nạn (bị ép nhận lại những người lao động từ khối Đông Âu cũ đang khi trong nước vốn đã dư thừa lao động, nền kinh tế trì trệ không phát triển được) đã buộc chế độ cộng sản Hà Nội thay đổi cách nhìn để tìm những thị trường lao động mới. Và đã ký kết được hợp đồng lao động với các nước chủ nghĩa tư bản phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan.

Trong khu vực châu Á thì Hàn Quốc là nước có số lượng công nhân Việt Nam đến lao động xuất khẩu đông nhất. Vào những năm trước thời kỳ khủng hoảng tài chính 1997 có tới hàng chục ngàn người lao động Việt Nam.

Những công nhân lao động tại Hàn Quốc được tuyển dụng thuộc nhiều thành phần khác nhau, nhiều ngành nghề khác nhau và nhiều công ty khác nhau nhưng đều dưới sự điều hành, quản lý theo dõi của Cục Hợp tác Quốc tế - Bộ Lao động mà các thành viên đại diện được đặt nằm ngay trong đại sứ quán cộng sản Việt Nam tại Hàn Quốc. Nhiệm vụ của những cán bộ này là bảo vệ theo dõi, quản lý cả về nhân lực và tư tưởng của công nhân lao động hợp tác, họ có quyền đuổi việc hoặc chuyển chỗ làm việc hoặc cho về nước trước kỳ hạn với những công nhân nào làm việc

không theo ý của họ.

Đa số những công nhân lao động xuất khẩu này đều phải trải qua những thủ tục hành chính nhiều khâu, tẻ quan liêu giấy tờ cùng với tẻ tham nhũng tràn lan. Để có được "một xuất" đi lao động hay "một chỉ tiêu" lao động thì những người xuất khẩu lao động phải trả một số tiền từ 500 tới 1 000 USD trừ những người là con cái hoặc thân quyến của những cán bộ cộng sản có chức quyền. Sau khi đã có được "chỉ tiêu" theo qui định, người lao động phải qua các khâu khác: làm giấy tờ, khám sức khỏe, học tiếng Mỗi một công nhân lao động xuất khẩu đều phải đặt cọc trước một số tiền khá lớn để mua vé máy bay đi và về, trả trước tiền quản lý phí cho công ty tuyển dụng ở trong nước và số tiền đặt cọc để chống việc phá hợp đồng lao động. Số tiền đặt cọc này cũng khác nhau giữa các công ty tuyển dụng và cũng thay đổi theo thời gian. Năm 1995 là 500 USD. Năm 1997 là 1 000 USD. Năm 1999 là 2 000 USD. Khi mà tin đồn lao động tại Hàn Quốc có số thu nhập khá thì các công ty tuyển dụng đã thi nhau "tăng giá" có lúc đã lên tới 4 500 USD / một người / một nhiệm kỳ hai năm lao động.

Người công nhân muốn được đi lao động, nhiều người đã phải bán nhà cửa, ruộng vườn, vay mượn nặng lãi để hy vọng có chuyến đi lao động đổi đời ở nước ngoài.

Nếu tính tổng số tiền phải chi cho chuyến đi và số thu nhập theo ký kết hợp đồng lao động hai năm thì cùng tương đương bằng nhau. Nhưng người lao động vẫn cứ muốn ra đi vì:

- Trong nước không có việc làm;
- Hy vọng có việc làm thêm để thêm thu nhập;
- Mong muốn được biết điều kiện sống, sinh hoạt, lao động của chủ nghĩa tư bản và muốn có được một nghề nghiệp sau

thời gian lao động;

- Họ cũng không muốn sống trong hoàn cảnh tù túng bị khống chế mọi mặt như ở Việt Nam.

Những người công nhân Việt Nam sang lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc phần lớn đều phải làm những công việc nặng nhọc, vất vả, độc hại, những công việc đòi hỏi thể lực và sức khỏe mà thu nhập lại thấp. Nhưng vốn mang bản tính của những người dân lao động Việt Nam nên họ vẫn cần cù, siêng năng, chịu khó lao động, nhay bén, tinh ý nắm bắt công việc. Vì vậy họ đã làm hài lòng các ông chủ thuê mượn, và lao động cũng không thua kém lao động các nước khác như Trung Quốc, Phi-líp-pin, Băng-la-đét, In-đô-nê-si-a Họ cũng chịu khó làm việc thêm giờ nên cũng có thu nhập khá gấp nhiều lần thu nhập khi lao động tại Việt Nam.

Vào năm 1997 khi cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra tại châu Á thì Hàn Quốc là một quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề. Nhiều chủ tư bản bị phá sản, công nhân bị thất nghiệp hàng loạt, kể cả dân bản xứ chứ không riêng lao động làm thuê. Có tới hàng ngàn công nhân lao động Việt Nam không có lương, không đủ tiền ăn hàng ngày. Anh em công nhân đã tập trung kiến nghị tập thể với cán bộ quản lý lao động ở đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, đề nghị họ phải can thiệp với giới chủ để trả tiền lương tối thiểu như trong hợp đồng lao động. Nhưng đã không nhận được sự can thiệp giúp đỡ nào.

Khi Hàn Quốc vượt qua được cuộc khủng hoảng kinh tế, nền kinh tế hồi phục, anh em có được việc làm thì lại phải chịu sự thay thế lao động. Một số cán bộ đại sứ quán đã tổ chức đường dây đưa người lao động Việt Nam bất hợp pháp ở các nước thuộc Cộng hòa Liên bang Nga sang thay thế.

Những người lên tiếng đấu tranh, những

người đã phản đối cán bộ phụ trách lao động đại sứ quán là những người đầu tiên bị họ tìm mọi cách để đẩy nhanh về nước trước kỳ hạn lao động. Người công nhân lao động tại Hàn Quốc vốn đã phức tạp giờ lại càng phức tạp hơn.

Không những thế một số anh em bị tai nạn lao động trong khi làm việc (làm đúng theo nguyên tắc) báo cho cán bộ phụ trách lao động đại sứ quán can thiệp giải quyết. Khi nhận tiền bồi thường thương tật đã bị cán bộ này ăn chặn một cách trắng trợn, thậm chí họ còn mặc cả, ra giá trên số tiền bồi thường xương máu của người lao động.

Những ai nhẹ dạ cả tin hoặc lười nhác lao động đã được những cán bộ này giặt dây xui cách kiếm tiền của ông chủ. Nhiều người đã cố tình không sợ đau đớn, chẳng ngần ngại gì khi mất đi một hai ngón tay để nhận bồi thường của bảo hiểm hai ba ngàn USD. Mỗi người như vậy thì cán bộ đứng ra hướng dẫn làm thủ tục giấy tờ cũng kiếm được vài trăm đô bỏ túi. Thật giả lẫn lộn, số công nhân bị tai nạn lao động ngày càng nhiều, công ty bảo hiểm của Hàn Quốc đã nghi ngờ những tai nạn chẳng phải "vô tình" mà do "hữu ý" này. Nhiều anh em công nhân cũng đã bị cảnh "tiền mất" mà "tật mang" suốt đời.

Trong số những công nhân lao động không chỉ đơn thuần là lao động lành nghề mà còn có nhiều "con ông, cháu cha". Họ là con cái hay thân quyến của các quan chức công sản. Bộ phận này thường lười nhác lao động, hay gây bẽ phái, thành lập băng đảng hoạt động ngay trong cộng đồng người Việt lao động. Vì lười nhác lao động nhưng lại thích nhiều tiền, bọn chúng không từ bất cứ thủ đoạn nào cốt là để có tiền. Có người lao động chuẩn bị về nước khi đã hết thời hạn lao động, biết được có tiền, bọn chúng tìm mọi cách ăn cắp hoặc trấn lột. Đã có những cái chết oan uổng, thương tâm xảy ra.

Là những cán bộ làm việc tại đại sứ quán, được gọi là đại diện cho một quốc gia, một dân tộc đứng ra để bảo vệ quyền lợi, giúp đỡ người lao động, họ là những người ra luật nhưng lại phạm luật. Họ tìm đủ mọi cách, mảnh khèo, tận dụng hết những quyền uy của họ để kiếm tiền, bất chấp tất cả những tình người, những luân thường đạo lý của

con người Việt Nam. Đằng sau họ còn là những ai nữa đã tiếp tay dung túng bao che cho cương vị của họ. Những con người lao động Việt Nam sang lao động ở một đất nước dân chủ nhưng cũng bị bóc lột, đè nén, áp bức, bất công như lao động ở Việt Nam vậy.

Trong một thể chế độc tài, đặc biệt là độc tài cộng sản thì những người công nhân chẳng những đã cực khổ ở trong nước mà còn chịu sự ức hiếp bất công ngay cả khi lao động ở nước ngoài (mặc dù Đảng Cộng sản mệnh danh là đảng của công nhân).

Quyền lợi của người công nhân sẽ được bảo đảm chỉ khi nào không còn chế độ độc tài cộng sản. Và lúc đó nước Việt Nam mới thực sự là một đất nước dân chủ.

Lê Thanh Sơn

OC Eindhoven

Locatie Constant Rebecque

Oirschotsedijk 14b

5651 GC Eindhoven

Holland

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm

11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm: 200 FF

Ngân phiếu xin đề

VIETNAM FRATERNITE

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN

7 allée Bouleau Carreau

77 600 Bussy Saint-Georges,

FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương

Habsburgerallee 104

60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

**Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN**

Konto-Nr: 00 77 70 82 94

Bankleitzahl: 50 19 00 00

(tiếp theo trang 8)

tin tức về làng Tử Dương khá rõ. Việc điện thờ danh tướng Phạm Nhữ Tăng bị chiếm là có thật. Việc chửi bới vô văn hoá trong buổi làm giỗ cụ Phạm Nhữ Tăng là có thật.

Và để thấy công văn của xã, do ông chủ tịch Kinh ký gửi cho báo *Tiền Phong* và cho tôi với giọng cay cú, là thiếu thành thật và bao che. Tôi đề nghị ông tổng biên tập nên lưu ý vấn đề này, cho tổ phóng viên về điều tra thực hư và cho đăng tải nhiều kỳ trên báo. Không phải để thắng ông chủ tịch xã Kinh, vì có thắng ông chủ tịch xã này cũng chẳng vinh dự gì cho tôi và cho báo ông. Mà chính để nêu việc chiếm nhà thờ cụ Phạm Nhữ Tăng, một Danh tướng triều Lê, đã có đơn khiếu kiện đòi bao nhiêu năm rồi, chưa được giải quyết. Nay nhân dịp này, báo *Tiền Phong* nêu lên, khiến chính quyền tỉnh Hà Tây và huyện Thường Tín phải vào cuộc, giải quyết cho nhà thờ họ Phạm. Đó là một việc làm công đức cho con cháu họ Phạm hiện nay, lại hợp với lòng dân, hợp với ý Đảng: bảo tồn nền văn hoá truyền thống dân tộc, trong đó có nhà thờ gia đình, tổ tiên và dòng họ.

Tôi xin gửi theo một số tài liệu để quý báo làm căn cứ.

Xin chúc ông tổng biên tập sức khoẻ.

Có gì xin hồi âm cho tôi sớm.

Chào thân ái,

Hoàng Tiến

Nhà A11 - Phòng 420

Thanh Xuân Bắc - Hà Nội

ĐT: 5530377

Le Dossier noir du communisme

Michel Tauriac

Tác giả của *Jade*, *La Tunique de soie* và *La Nuit du Têt*.

"Do sự tuyên truyền thâm hiểm của cộng sản, dự luận quốc tế không hề biết đến những tội ác và tác hại của chế độ Việt Nam. Michel Tauriac miêu tả từng sự kiện và lột mặt những người trách nhiệm".

Giá sách: 110 FF. Ngân phiếu xin đề "Editions Plon" và gửi cho Editions Plon, 76 rue Bonaparte 75006 Paris

Hãy dừng tay lại!

Giữa tháng 7-2001, Thông Luận đã tiếp xúc với một cựu lãnh tụ phong trào FULRO, ông Ya Biloh, một người gốc-Chăm, 47 tuổi, hiện sinh sống tại Paris. Sau đây là nguyên văn buổi nói chuyện.

Ông có tin tức mới nhất nào liên quan đến phong trào chống đối của người Thượng trên cao nguyên miền Trung không ?

Có, nhưng toàn là những tin không vui. Thay vì tìm một giải pháp ôn hòa cho những tranh chấp đất đai và quyền tự do tín ngưỡng, chính quyền cộng sản Việt Nam đã chọn biện pháp cứng rắn, nghĩa là dùng bạo lực dập tắt các mầm chống đối. Một mặt họ đưa thêm người và vũ khí lên Tây Nguyên trấn thủ các điểm trọng yếu, mặt khác họ xua quân qua biên giới Kampuchea tảo thanh những nơi tình nghi có người Thượng ẩn nấp, nhất là trong tỉnh Mondolkiri. Những nhân vật Thượng và Chăm có chút tiếng tăm sinh sống quanh các thành phố hay buôn làng lớn đều bị bắt giữ hay bị kêu lên đồn công an thẩm vấn. Con số những người bị bắt cũng trên dưới một ngàn người. Hàng ngàn người khác chạy sang Kampuchea tị nạn và bị truy lùng ráo riết, hàng trăm người đã bị dẫn độ về lại Tây Nguyên. Con cháu của chúng tôi hiện đang theo học tại các trường chuyên nghiệp tại Phan Rang và trường Đại Học Tây Nguyên ở Buôn Ma Thuột để trở thành những cán bộ phục vụ chính quyền sau này cũng bị công an kêu lên thẩm vấn, nhiều học sinh và sinh viên bị đánh đập tàn nhẫn vì đã đi theo các đoàn biểu tình chống đối. Hiện nay sinh viên học sinh không ai dám tụ hai tụ ba nói chuyện với nhau vì cán bộ an ninh được cài ngay trong các ký túc xá đại học hay trường học. Thư từ liên lạc ra nước ngoài bị kiểm duyệt, điện thoại viễn liên bị cắt đứt, điện thoại di động cầm tay bị tịch thu. Nói chung, cộng đồng người Thượng và người Chăm bị cắt đứt liên lạc với bên ngoài. Tôi có may mắn là có người nhà ở Sài Gòn nên thỉnh thoảng vẫn còn liên lạc và biết thêm những tin tức mới.

Các cuộc xuống đường của người

Thượng đòi tự do tín ngưỡng và trả lại đất đai trên Tây Nguyên có liên quan gì đến phong trào FULRO không ?

Không. Đồng bào thiểu số Tây Nguyên đã xuống đường vì chính sách sai lầm của chính quyền cộng sản đối với người Thượng và Chăm. Việc Hà Nội làm sống lại phong trào FULRO là để có cơ đàn áp mạnh hơn phong trào chống đối của người Thượng trên cao nguyên. Những người xuống đường chống đối đa số là thanh thiếu niên thuộc các sắc tộc lớn như Djarai, Rhadé, Bahnar, Mnong, Chăm, v.v. Những người này đều rất trẻ, họ không biết gì về phong trào FULRO và cũng không liên quan gì đến những cựu lãnh tụ FULRO tại hải ngoại. Phong trào FULRO trên nguyên tắc đã tan rã từ năm 1982, sau khi bị bộ đội cộng sản Việt Nam tiến công vào Mondolkiri trên đất Kampuchea. Phần lớn những người tham gia phong trào FULRO đã ra đầu hàng, một số đã bị chết trên chiến trường và trong các nhà tù, số còn lại trốn vào các vùng rừng núi tiếp tục chiến đấu, trong đó có tiểu đoàn Chế Bồng Nga của tôi, nhưng bị cắt hết các đường liên lạc và tiếp tế từ Tây Nguyên, chỉ một số rất ít chạy qua Thái Lan và được Hoa Kỳ nhận vào tị nạn. Năm 1986 đại bản doanh của lực lượng FULRO tại Mondolkiri bị đánh tan, tàn quân FULRO chạy tản mác khắp nơi. Tháng 9-1991, lực lượng UNTAC (*United Nations Transitional Authority in Cambodia*) của Liên hiệp Quốc tiếp nhận một nhóm hơn 400 người thuộc lực lượng FULRO cũ tại Mondolkiri và cũng được Hoa Kỳ nhận cho tị nạn.

Sau khi phong trào FULRO bị giải tán, ông làm gì và qua Pháp bằng cách nào ?

Như đã nói, sau khi căn cứ tại Mondolkiri bị tấn công, tháng 7-1982 tôi cùng một số chiến hữu khác tìm

đường về lại quê quán cũ ở cao nguyên, riêng tôi thì về lại Phan Lý Chàm sinh sống. Cuộc sống của dân chúng Thượng và Chăm trong giai đoạn này rất là khó khăn, làng của chúng tôi bị canh chừng ngày đêm và những người bị tình nghi tham gia hay ủng hộ phong trào FULRO bị bắt hay bị kêu lên đồn công an thẩm vấn thường xuyên. Riêng tôi thì bị công an địa phương kêu lên thẩm vấn nhiều lần, lần cuối cùng tôi bị nhiều công an chấp pháp đánh tới tấp vào mặt và thân thể vì đã tỏ ra bất hợp tác, từ đó tôi quyết định tìm đường vượt biên để tiếp tục chiến đấu. Tháng 9-1982, tôi đến được đảo Poulo Bidong tại Mã Lai và được phái đoàn Cao ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc cho vào Pháp tị nạn. Tôi đến Pháp năm 1986 và thường trú cho tới ngày nay.

Từ khi định cư tại Pháp đến nay, ông còn liên lạc với phong trào FULRO không ?

Lúc còn ở trong rừng, tôi có vài địa chỉ của một số người trong phong trào FULRO tại Mỹ và tại Pháp. Khi đến Pháp, tôi có liên lạc và nhiều người đến thăm. Trong thời gian này, tôi tiếp xúc với những đại diện phong trào FULRO hải ngoại do ông Y Bhan Kpor lãnh đạo. Từ khi vượt ra nước ngoài năm 1982, ông Y Bhan Kpor kết hợp với những lãnh tụ FULRO cũ khác thành lập Mặt trận Độc lập Champa, gọi tắt là FIC (*Front de l'indépendance du Champa*). Lúc đầu tôi có tham gia nhưng sau đó tôi không còn tích cực nữa vì nhận thấy những người lãnh đạo nhóm này vẫn chủ trương đấu tranh bằng bạo lực mặc dù đã thất bại.

Xin ông nói rõ thêm

Phải thành thực mà nói, người Thượng và Chăm chúng tôi rất đau lòng khi đất nước chúng tôi, vương Champa, bị mất về tay người Việt. Tổ tiên chúng tôi trong quá khứ đã không bảo vệ được

đất nước, chúng tôi là phận con cháu phải chịu cái nhục mất nước, đó là lẽ tự nhiên vì là người thua cuộc. Dưới thời Gia Long, một vài lãnh tụ Chăm được phong chức tước cao trong triều đình nhưng đến thời Minh Mạng thì người Chăm bị coi là kẻ thù vì đã ủng hộ Lê Văn Duyệt và Lê Văn Khôi. Tuy vậy chúng tôi luôn gắn bó với mảnh đất của tổ tiên mà ngày nay là một phần lãnh thổ của quốc gia Việt Nam, chúng tôi rất muốn được chia sẻ trách nhiệm trong việc lãnh đạo đồng bào của chúng tôi trên vùng đất đó nhưng chưa bao giờ có cơ hội.

Có dư luận cho rằng phong trào đấu tranh của người Thượng hiện nay là để thành lập một quốc gia độc lập, có đúng không ?

Làm gì có chuyện đó. Hoàn toàn bịa đặt. Thật sự thì người sắc tộc chúng muốn được hưởng qui chế tự trị về văn hóa tại địa phương, nghĩa là được quyền truyền bá ngôn ngữ mẹ đẻ cho học sinh bậc tiểu học, tổ chức những nghi lễ truyền thống để không quên cội nguồn. Chúng tôi không hề đòi được độc lập chính trị. Trước kia, trong lúc tuyệt vọng, một số lãnh tụ phong trào FULRO có nhờ các chính quyền Pháp, Mỹ và Kampuchea can thiệp để tiếng nói chúng tôi được tôn trọng. Khi nguyện vọng đã được thỏa mãn cộng đồng người Chăm và người Thượng chúng tôi đã tích cực sinh hoạt với chính quyền người Kinh từ năm 1969 đến 1975, để rồi sau ngày 30-4-1975 cộng đồng chúng tôi bị gạt ra lề xã hội và bị phân biệt đối xử.

Báo chí và các cơ quan truyền thông của Hà Nội nói rằng các ông chủ trương dùng bạo lực để lật đổ chính quyền nhằm thành lập một quốc gia riêng, ông nghĩ thế nào ?

(Cười) Thử nghĩ coi, dân số người Thượng và người Chăm chúng tôi hiện nay chưa tới 2% dân số toàn quốc, nghĩa là trên dưới 1,7 triệu người, làm sao chống lại hơn 85% người Kinh với hơn 68 triệu người. Ngày nay chúng tôi trở thành thiểu số trên chính quê hương của chính mình thì lấy người ở đâu mà thành lập một quốc gia riêng. Đó là chưa kể tìm đâu ra tiền để mua vũ khí và vận chuyển lên cao nguyên bằng cách nào.

Hiện nay hai nước Lào và Kampuchea bị chính quyền Hà Nội kiểm soát chặt chẽ, mọi ngõ ra vào cao nguyên tại miền Trung đều bị chặn xét gắt gao bởi không biết bao nhiêu là đồn bót, dân làng chúng tôi mỗi khi lên rẫy hay ra đồng trông tía đều phải xin phép, phần lớn những người có chút tiếng tăm trong cộng đồng đều đã bị bắt hay bị cơ quan an ninh địa phương hạch sách đủ điều, chúng tôi lấy gì để lật đổ chính quyền. Theo tôi, tất cả những lập luận này là để chuẩn bị dư luận trong mục tiêu lâu dài là loại trừ các dân tộc thiểu số ra khỏi những vùng đất tốt để đưa người Kinh vào thay. Khi chúng tôi phản đối thì bị chính quyền cộng sản đàn áp thẳng tay. Có người nói chúng tôi đang bị diệt chủng cũng không sai.

Tại sao các ông không cử những người lãnh đạo cộng đồng đi gặp hay gửi kháng thư lên các cấp lãnh đạo địa phương và trung ương để bày tỏ nguyện vọng ?

Có. Tại hải ngoại chúng tôi có viết thư gửi Liên Hiệp Quốc, cử nhiều phái đoàn đi gặp các chính phủ Mỹ, Mã Lai và Kampuchea để can thiệp. Trong nước, những lãnh tụ được mọi người biết đến như Y Bham Ênuôl, Y Djao Niê, Ya Mabrang, v.v. tất cả đều đã chết hay bị bắt hết rồi còn đâu. Tuy vậy, chúng tôi cũng đã gửi thư lên chính phủ và quốc hội bày tỏ nguyện vọng nhưng họ không biết lắng nghe; không cơ quan nào chịu trả lời mà ngược lại còn gửi thêm nhiều lực lượng vũ trang lên cao nguyên làm áp lực. Những cuộc xuống đường phản kháng vừa qua là do một vài vị mục sư đạo Tin Lành người Thượng chủ xướng, họ chỉ đòi quyền tự do tín ngưỡng và đòi trả lại đất đai canh tác cổ truyền mà thôi. Cũng nên biết là đời sống của người Thượng và người Chăm lệ thuộc hoàn toàn vào nông nghiệp, mất đất là mất mạng. Rất nhiều dân Thượng đã chết đói sau mỗi mùa khô, đó là trường hợp của người Thượng Tà Ôi, Giẻ Triêng và Bru sống cạnh vùng biên giới nước Lào, quanh Khe Sanh, A Sao, A Lưới. Các cụ già làng bị tước quyền lãnh đạo tinh thần, thay vào đó là những cán bộ do nhà nước đào tạo để phục vụ chế độ quyền lợi của đảng và nhà nước. Ngày nay chúng tôi là những

công dân Việt Nam trọn vẹn nhưng chỉ trên hình thức, trong thực tế chúng tôi không có bất cứ một quyền nào trên đất nước Việt Nam này, kể cả quyền được sống yên bình trên mảnh đất của cha ông để lại. Đất đai canh tác cổ truyền của chúng tôi, chính quyền địa phương muốn cấp giao cho ai thì cấp chúng tôi không có quyền nào cả vì không cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh. Chính vì thế, có nhiều người trong chúng tôi chống bất công vì bị mất đất và bị bạc đãi nhưng đồng thời cũng chống luôn tất cả người Việt, điều mà tôi không đồng ý.

Tại sao ông không đồng ý ?

Khi tiếng nói không được tôn trọng và danh dự bị chà đạp, giải pháp giản dị nhất là tranh đấu bằng bạo lực. Dân tộc chúng tôi đã nhiều lần chọn giải pháp bạo lực và đều đã thất bại. Tổ tiên chúng tôi đã thất bại với hậu quả là mất nước. Chúng tôi đã thất bại với hậu quả là một sự đàn áp hung bạo hơn. Tôi nghĩ phải tìm một giải pháp khác, ôn hòa nhưng hiệu lực để tiếng nói và chỗ đứng của dân tộc chúng tôi được tôn trọng. Hơn nữa chống người Việt là chống lại chính tôi, vì tôi cũng từng là một công dân Việt Nam và muốn được nhìn nhận là một công dân Việt Nam gốc Chăm.

Theo ông thì phải làm gì để tiếng nói và chỗ đứng của các cộng đồng được tôn trọng ?

Không ai có thể hướng dẫn cuộc đấu tranh đi đến thành công một mình. Tôi nghĩ những người sắc tộc như chúng tôi phải đứng chung trong hàng ngũ những người Kinh chấp nhận và tôn trọng nền văn hóa của chúng tôi để đấu tranh cho một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên, tôn trọng tiếng nói và chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Chúng tôi đồng ý với quan niệm Việt Nam là đất nước của các cộng đồng, trong đó có cộng đồng người Chăm và người Thượng của chúng tôi. Chúng tôi và con cháu chúng tôi chấp nhận chia sẻ dự án tương lai đó.

Tương lai đó quá lý tưởng, những hiệu những lãnh tụ FULRO tại hải ngoại có chia sẻ quan điểm đó không ?

Chia sẻ một thân phận Việt Nam chung

Có, nếu dự án đó có ghi trong hiến pháp. Tôi tin rằng những lãnh tụ FULRO sẽ quay về hợp tác không điều kiện với chính phủ. Ông Ksor Kók tuy là một lãnh tụ FULRO thực và hiện đang là đại diện của nhóm *Montagnards Dega* tại Hoa Kỳ nhưng không liên quan gì đến những cuộc xuống đường của người Thượng trên Tây Nguyên, ông chỉ tưởng thuật lại những gì đã xảy ra và vận động dư luận quốc tế can thiệp mà thôi. Ông Y Bhan Kpor hiện nay đang ở Phnom Penh và là cố vấn của vua Sihanouk, phó thủ tướng và một số bộ trưởng Khmer gốc Chăm trong chính phủ Sihanouk, đang vận động Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc can thiệp để những người Thượng hiện đang tạm trú trong các trại tị nạn tại Kampuchea không bị trả về Việt Nam.

Hiện nay tổng bí thư mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là một người Tày, ông muốn nhắn gì với ông Nông Đức Mạnh ?

Việc ông Nông Đức Mạnh, một người Tày, được bầu vào chức vụ cao nhất trong guồng máy cầm quyền tại Việt Nam là một hành diện lớn cho cộng đồng người Tày nói riêng và các cộng đồng sắc tộc tại Việt Nam nói chung. Tôi chỉ muốn nhắc nhở ông Nông Đức Mạnh một điều là tất cả cộng đồng người sắc tộc tại Việt Nam đều là công dân Việt Nam, do đó phải được đối xử bình đẳng và trọn vẹn về quyền lẫn lợi như mọi công dân bình thường khác. Điều mà chúng tôi không chấp nhận được là sự hà hiếp quá đáng của người Kinh, nhất là cán bộ công an và an ninh địa phương nơi cộng đồng dân tộc chúng tôi cư ngụ, trong suốt thời gian qua. Người sắc tộc chúng tôi bị khinh miệt và hoàn toàn bị bỏ rơi trong khi những người lãnh đạo gốc Kinh luôn luôn hô hào đoàn kết dân tộc, nhưng đã không có một cử chỉ nâng đỡ nào đối với những sắc tộc thiểu số như chúng tôi.

Ông Nông Đức Mạnh phải ra lệnh cho họ hãy dừng tay lại và giúp chúng tôi vượt ra khỏi tình trạng kém phát triển để cùng người Kinh xây dựng một tương lai chung.

Nguyễn Văn Huy tường thuật

Thông Luận nhận một thư ngỏ gửi ông Nguyễn Văn Huy của một độc giả vừa từ Việt Nam sang châu Âu thăm gia đình. Vì lý do an ninh, tác giả sử dụng bí danh Trực Ngôn. Chúng tôi đăng sau đây bài viết đó với hy vọng sự trao đổi giữa người Việt hải ngoại và người Việt trong nước ngày càng gia tăng để cuộc trao đổi về tự do và dân chủ ngày thêm phong phú. Tít bài do tòa soạn đặt.

Được nghe ông "nói chuyện với người trong nước" (*Thông Luận* số 145, tháng 2-2001), tôi, người trong nước mới sang một nước thuộc Liên hiệp Âu châu (EU) để thăm người thân, muốn được nói chuyện với ông để ông khỏi phải lo là người "độc thoại".

Trước hết, tôi bày tỏ sự khâm phục trước tinh thần dũng cảm và kiên trì của ông, khi được biết ông đã 27 lần vượt biên - nghĩa là 27 lần sẵn sàng chấp nhận cảnh tù đầy, chết chóc để tìm đến tự do. Sự thành đạt của ông trên đất Pháp và sự đại diện của ông cho những người tị nạn Việt Nam tại cuộc họp đặc biệt của quốc hội Pháp ngày 16 tháng 6 năm 2001 mới đây ... là sự đền bù rất xứng đáng.

Trong bài báo kể trên, tôi tâm đắc với những lời chí tình của ông : "Tuy sinh sống ở nước ngoài, người Việt hải ngoại vẫn là người Việt Nam, nghĩa là vẫn phải chia sẻ một thân phận Việt Nam chung cho dù có mang một quốc tịch khác. Đất nước có vinh quang tất cả chúng ta được kính trọng; đất nước đó nghèo nàn tất cả chúng ta bị khinh khi". Thật là những lời tâm huyết của một con người xa xứ có tinh thần dân tộc và giàu lòng yêu nước. Nhưng cũng trong bài viết này, ông có những ý kiến tôi thấy cần phải trao đổi với ông.

Nhiều lần, trong bài "Nói chuyện với người trong nước" ông có những nhận định quá chủ quan và theo cách vờ đùa cả năm.

Sau khi nhắc đến việc "người Việt hải ngoại", hàng năm gửi "không dưới hai tỷ đô la" cho người thân trong nước, ông đặt câu hỏi: "Bù lại người Việt hải ngoại được gì?". Rồi ông tự trả lời: "Một sự bất kính. Không những chỉ gặp sự bất kính từ phía chính quyền mà còn ngay cả quần chúng [chúng tôi gạch dưới] trong nước: đã là Việt kiều thì phải có tiền, đã có tiền thì phải bị móc hết và khi hết tiền thì đuổi ra khỏi nước".

Đây là một ý kiến không đúng với thực tế. Ngày nay, ở trong nước vẫn còn tình trạng "kẻ trọng người khinh vì tiền". Chẳng thế mà từ gần hai chục năm trước, nhiều báo chí trong nước đã thuật lại chuyện những Việt kiều trước đây đã từng bị coi là "ác ôn nhiều nợ máu" nay trở về thăm quê, túi rủng rỉnh đô la đã được tiếp đón trọng thị; nhiều bà "me Tây, me Mỹ" thời nào, nay về thăm đất nước đã được trải thảm đỏ đón tiếp từ trụ sở Ủy ban tình... cùng vì các bà có lắm tiền ! (Đấy chỉ là kể đến hai loại Việt kiều được coi là ít đáng kính nhất mà còn được như thế). Vậy thì đâu có phải "sự bất kính từ phía chính quyền". Ông có dịp về Hà Nội mà xem - ngay đầu phố Bà Triệu, cách bờ hồ Hoàn Kiếm hơn 100 mét - một cơ ngơi to đẹp vào loại nhất, nhì thủ đô được dành làm trụ sở của Ủy ban Người Việt Nam ở Nước Ngoài. Ủy ban này do một thứ trưởng ngoại giao làm Chủ nhiệm. Đến nơi đây, Việt kiều ở khắp thế giới về (trừ những người nghèo chạy chợ ở Liên Xô cũ và mấy nước nước Đông Âu) trong túi có nhiều ngoại tệ sẽ được đón tiếp rất nhiệt tình, được phục vụ rất chu đáo với nhiều loại dịch vụ thanh toán bằng đô la. Nếu đúng vào dịp Tết Nguyên Đán, Việt kiều còn được mời dự tiệc chiêu đãi mừng Xuân mới để được bồi dưỡng thêm về "lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội"!

Ông Huy đã đúng một chút khi ông viết : "đã là Việt kiều thì phải có tiền, đã có tiền thì phải bị móc hết và khi hết tiền thì đuổi ra khỏi nước". Cả trăm ngàn gái mãi dâm ở trong nước đang thiếu khách, nhiều cô mỗi lần đi khách chỉ kiếm được vài ba đô la. Đúng là cô nào tốt số vớ được một Việt kiều ham của lạ có khi móc được cả 100 USD, ai dại gái còn bị móc hết. Cũng đúng là có một số dân nghèo làm các nghề buôn bán hàng vặt,

đạp xích lô ... vớ được mỏ vàng, cố sức mà moi mà móc. Số người có vận may được tiếp cận với Việt kiều để mà "móc hết" của họ, nhiều lắm cũng chưa đến 1% trong số gần 80 triệu dân. Ấy thế mà ông nói là "*quần chúng trong nước*" thì đâu có đúng. Thật ra, khá nhiều bà con ta, khi thấy những Việt kiều về nước, họ đâu có thái độ "bất kính", họ nhìn những đồng bào từ nước ngoài trở về như nhìn những người từ thế giới khác đến (đúng là thế giới khác thật!). "Trông người để ngắm đến ta", những tấm thân thiếu dinh dưỡng, với những bộ áo quần và mùi mồ hôi lam lũ đứng bên cạnh những khuôn mặt hồng hào, những bộ đồ xịn với mùi nước hoa đắt tiền, nhiều người trong nước thấy thèm được sống như những kiều bào của họ. Họ sẵn sàng đánh đổi cuộc đời "làm chủ" cực khổ của họ để lấy cuộc sống tha hương.

Trong dịp đi thăm người thân lần này (tháng 8-2001) tôi đã gặp nhiều thanh niên từ Hà Nội, từ thành phố Hồ Chí Minh cùng mới sang đây bằng con đường "dịch vụ". Họ đi mỗi tốp một vài chục người. Có tốp bay sang đến Moscova rồi từ đó có người dẫn đường chui lủi qua đường ngang ngổ tăt, qua rừng qua rú để đến được một nước trong khối EU, để được làm một dân tị nạn tại nơi đất khách quê người. Đoạn đường họ đi cùng nhiều chuyện gian nan nguy hiểm không kém gì những thuyền nhân trước đây. Nhưng cũng có những người đi rất đàng hoàng, bay một mạch từ sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Charles-de-Gaulle. Họ cho biết phải trả cho một chuyến đi là từ 7000 đến 7500 USD. Tất cả bọn họ đều có hộ chiếu thứ thiệt do Bộ Công an Việt Nam cấp, có visa nhập cảnh hẳn hoi. Nếu bộ công an Việt Nam muốn biết họ là những ai, do ai tổ chức cho họ đi thì quá dễ, chỉ việc bật computer là biết ngay những ai đã quá hạn không về, và làm sao mà họ đi được).

Thưa ông Huy, như thế đâu có phải là sự "bất kính" với Việt kiều. Họ sẵn sàng chịu mọi gian nguy, kể cả cái chết để được hóa thân làm Việt kiều. Họ cũng sẵn sàng mua với giá đắt. Nếu ông tự cho mình là người nắm vững tình hình trong nước thì ông cũng biết rằng số tiền 7000-7500 USD là quá lớn với người dân ở một nước có thu nhập bình

quân đầu người một năm là 370 USD. Do đó, số người bỏ tiền ra để đi theo con đường "dịch vụ" chưa thể có nhiều, nếu giá rẻ hơn, phù hợp với túi tiền nhiều người thì con số ra đi để được làm Việt kiều sẽ không phải là ít.

Việt kiều về nước, tiêu hết tiền, họ sẽ trở về nơi định cư của họ là lẽ đương nhiên, vì nếu họ ở lại họ lấy gì để sống. Cũng có trường hợp còn tiền nhưng họ đã đạt được mục đích của chuyến về nước, hoặc họ cảm thấy khó chịu với cái không khí ngột ngạt trong nước, họ cũng ra đi. Sự thực là như vậy. Thế mà ông nói : "*quần chúng trong nước* [đối với Việt kiều] *khi hết tiền thì đuổi ra khỏi nước*". Nói như thế là một nhận định hoàn toàn sai lầm, chẳng có ai đuổi Việt kiều, kể cả "chính quyền" và "quần chúng trong nước". Ngược lại thì có, ai cũng mong Việt kiều về nước càng nhiều càng tốt, ở lại càng lâu càng tốt, vì như thế chỉ càng có lợi. Ông đã đúng khi ông có ý phê phán những "*luận điệu [...] nhằm tách cộng đồng người Việt hải ngoại với người trong nước*". Nhưng chính ông, qua mấy lời kể trên, lại đã tạo nên sự kỳ thị giữa người Việt ở trong và ngoài nước. Thưa ông Huy, nếu ông thật lòng mong muốn có sự đồng thuận giữa cộng đồng người Việt hải ngoại với nhân dân trong nước thì ông nên xem lại những ý kiến đó.

Lại nữa, ông đã khẳng định : "*nói người Việt hải ngoại không nắm rõ tình hình trong nước bằng người trong nước là sai*". Khẳng định như thế cũng thiếu cơ sở và không chính xác. Tôi là người ở trong nước, tôi đã thấy rất nhiều người không am hiểu tình hình đất nước, họ lại càng không hiểu gì về thế giới bên ngoài. Mặt bằng dân trí nước ta còn rất thấp. Số đông người dân trong nước còn đang phải sống như "ếch ngồi đáy giếng" nhìn thấy bầu trời chỉ to bằng cái vung. Có đến cả triệu người suốt cả năm không một lần đọc đến tờ báo, họ chưa có chỗ đứng trong thời đại thông tin toàn cầu. Từ đói rách, nay có cơm ăn áo mặc, họ đã cho là nhờ "ơn Đảng", họ đâu có biết người dân Thái Lan hay Hàn Quốc mấy chục năm trước có mức sống cũng chỉ ngang bằng họ mà ngày nay đã cao hơn họ hàng chục lần chỉ vì người ta không có "Đảng lãnh đạo"! Ấy là chưa kể đến tác động mạnh mẽ của bộ máy

tuyên truyền qua những phương tiện thông tin đại chúng hàng ngày đập vào tai mắt họ. Cứ xem người dân Bắc Triều Tiên mấy chục năm khốn khó trong chế độ xã hội chủ nghĩa mà khi ông Chủ tịch họ Kim qua đời, họ khóc còn hơn cha chết (hình ảnh này đã được chiếu trên TV, cả thế giới đều biết). Và khi ông Kim (con) nối ngôi bố để lãnh đạo đất nước, làm cho người dân Bắc Triều Tiên có thu nhập được gần bằng 1/70 của người dân Nam Hàn thì ông ấy vẫn được tung hô là "lãnh tụ vĩ đại"! Chuyện có thật mà cứ tưởng như đùa thường xảy ra ở các nước xã hội chủ nghĩa. Việt Nam ta cũng còn ở trong tình trạng tương tự như vậy.

Cho nên, nếu "vơ đũa cả nắm" để nói rằng người Việt hải ngoại và người trong nước ai nắm rõ tình hình trong nước hơn ai đều không chính xác. Ở đâu cũng có người nắm rõ, có người không nắm rõ. Bất kể ở trong nước hay ngoài nước. Ai thức thời, có sự quan tâm đến sự thăng trầm của đất nước, mới tìm hiểu tình hình trong nước cũng như tình hình thế giới để "trông mình mà ngắm đến ta", để "*Suy tư và ước vọng*" (tên một cuốn sách mới của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang đang được nhiều thức giả trong nước hoan nghênh. Nếu tập sách trước của cùng một tác giả - *Khát vọng ngàn đời* - được in ở nước ngoài cách đây mấy năm thì *Suy tư và ước vọng* đã được in trong nước mới đây). Chỉ tiếc rằng số người thức thời như thế chưa chiếm số đông trong quảng đại quần chúng. Ở Việt Nam, phần lớn người dân cũng chẳng biết gì về những cuộc nổi dậy của nông dân Thái Bình mấy năm trước đây cũng như người Thượng ở Tây Nguyên gần đây. Vì có ai cho họ biết đâu. Các phương tiện thông tin đại chúng trong nước đều bưng bít những việc này. Ở nước ngoài, trong chuyến đi lần này, tôi cũng gặp khá nhiều người Việt thân quen cũng chưa biết ở trong nước có ông Tổng Bí thư mới Nông Đức Mạnh.

Vậy có nên so sánh "người Việt hải ngoại" với "người Việt trong nước" như thế không? So sánh để làm gì? Khẳng định ai hơn ai cũng chưa có cơ sở vững chắc. Nên chăng là tìm cách làm sao để ngày càng nhiều người Việt ở hải ngoại cũng như ở trong nước hiểu rõ thực

trạng của đất nước để họ có được những suy nghĩ và hành động cần thiết nhằm cứu vãn dân tộc mình thoát khỏi nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước trong khu vực, để người Việt không phải chịu nỗi nhục nhả của sự nghèo khổ đến muôn đời.

Từ trong nước mới sang đây, tôi đã nhận thấy ngay một sự "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" giữa những người đấu tranh cho dân chủ tự do ở hải ngoại và ở trong nước. Từ nhiều năm nay, tôi đã được đọc những bài viết của Trần Độ, Lê Giản, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Phạm Quế Dương, Hoàng Tiến, Vũ Cao Quận, Trần Dũng Tiến... thì sang đây tôi cũng được đọc lại những bài ấy trên báo chí của người Việt hải ngoại. Kể cả những văn bản rất "nội bộ" của những lão thành cộng sản như bức thư của ông Nguyễn Đức Tâm - nguyên ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương Đảng gửi bộ chính trị - cho đến những bài viết của những lực lượng trẻ rất sung mãn về trí thức và tinh thần như Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang ...

Ở trong nước, những vấn đề nổi cộm được nói tới trong những bài viết kể trên là đòi dân chủ, đa nguyên, đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do ứng cử ..., đòi bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa, v.v. và v.v. Nhiều người trong nước còn đòi đổi tên nước, đổi tên đảng, đòi hòa thiêu thi hài cụ Hồ cho đúng với di chúc của cụ... Xem thế đủ biết rằng chưa chắc ai mềm dẻo hơn ai, ai cứng rắn hơn ai, người trong nước hay người hải ngoại? Ở trong nước, nhiều người cũng đã biết đến những người ở hải ngoại như Nguyễn Gia Kiểng, Đoàn Viết Hoạt, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Ngọc Hiệp, Nguyễn Văn Huy và rất nhiều những tên tuổi khác đấu tranh cho dân chủ tự do của đồng bào trong nước.

Có khác chăng là ở chỗ, các vị sống ở thế giới tự do, muốn viết gì thì viết, vì đó là quyền bất khả xâm phạm của các vị. Còn những người trong nước nói hay viết để đấu tranh cho dân chủ tự do thì đâu có dễ. Bị khủng bố, tù đầy là khó tránh khỏi. Còn nhớ, vài ba chục năm trước, ông Vũ Thư Hiên là một cộng sản nhà nòi, chỉ vì quá tin vào quyền tự do tư tưởng, trong một cuộc sinh hoạt

Đảng đã dám đứng lên để chứng minh một luận điểm của Lênin là sai. Thế là ông bị quy tội "chống Đảng" và được lĩnh 9 năm tù khổ sai, một bản án không xét xử, trong đó có gần năm năm cấm cố, để sau này ông mới có thực tế mà viết được cuốn hồi ký nổi tiếng cả trong và ngoài nước *Đêm giữa ban ngày*. Bây giờ những chiến sĩ dân chủ ở trong nước không còn sự khủng bố nữa. Tất cả những bài viết có nội dung chống đối Đảng cộng sản đều ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại người viết. Không một báo chí nào dám đăng bài của họ. Họ có gửi đích danh cho tổng bí thư, chủ tịch nước, thủ tướng chính phủ hoặc chủ tịch quốc hội thì cũng như ném vào chỗ không người, chẳng khi nào có hồi âm. Nên họ tự in và phân phát cho nhiều người đọc. Công an Việt Nam thừa biết những việc làm của họ nhưng không dám khủng bố tràn lan. Chính quyền cộng sản cũng đã bỏ tù nhiều người đòi dân chủ như nhà văn Dương Thu Hương, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu ... nhưng bị dư luận trong và ngoài nước phản đối dữ dội, họ lại được trả tự do.

Còn nghe nói, hơn một năm trước, Nguyễn Thanh Giang sau hai tháng đi tù về, ai trông thấy anh cũng lấy làm lạ vì anh béo khỏe ra. Anh kể với mọi người: "*Minh đi tù kỳ này được sống sướng hơn ở nhà. Ăn tiêu chuẩn 400 ngàn đồng một tháng (mức ăn vào loại khá ở Việt Nam). Ở nhà cũng có bình nước nóng, cũng có máy điều hòa nhiệt độ (máy lạnh) nhưng thỉnh thoảng mới dám dùng vì phải tiết kiệm điện. Vào đây được dùng 24 giờ trên 24!*" Nghe anh kể, không ai nghĩ đây là "lòng tốt" của chính quyền đối với tù nhân chính trị. Dù sao thì cũng thấy đã khác xa những cảnh đọa đày mà nhà văn Vũ Thư Hiên đã nhớ lại trong *Đêm giữa ban ngày* và nhà văn Bùi Ngọc Tấn mô tả trong *Chuyện kể năm 2000*.

Thưa ông Nguyễn Văn Huy,

Đọc ông, tôi thấy ông nói nhiều đến những sự khác biệt giữa người Việt hải ngoại và người trong nước. Những nhận xét ấy có khi xuất phát từ một định kiến cố hữu, vừa thiếu chính xác vừa không có lợi cho sự hòa đồng của chúng ta (mà chưa hòa đồng thì làm sao mà tập hợp

nhau lại để tranh đấu cho một mục đích chung?). Người Việt ở trong nước và ở nước ngoài chỉ khác nhau về đất nước cư trú, khác nhau về hoàn cảnh, điều kiện sống, còn họ đều có "một thân phận Việt nam chung", một nguyện vọng chung là đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. "*Đất nước có vinh quang tất cả chúng ta được kính trọng; đất nước đó nghèo nàn tất cả chúng ta bị khinh khi*". Sự giống nhau là cơ bản, khác biệt chỉ là tiểu tiết, thưa ông.

Mong có dịp đối thoại cùng ông. Gửi ông lời chào trân trọng.

Trúc Ngôn
tháng 8-2001

Thành công Thế kỷ XXI

Dự án Chính trị của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên

- * Một tổng hợp đầu đủ về những vấn đề chính yếu của đất nước
- * Những giải đáp được suy nghĩ và thảo luận thấu đáo
- * Một công trình của hàng trăm thân hữu và chí hữu
- * Một dự án lâu dài cho Việt Nam

Tài liệu dày 143 trang

Giá bán : Pháp : 50 FF
Mỹ : 7 US\$
Đức : 15DM
Anh : 5£
Úc : 13A\$

"*Làm người Việt Nam trong thế kỷ XX đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ XXI sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện*"

Tìm lại "Thông Luận" và nhiều tiết mục khác trên mạng lưới web :
<http://www.thongluan.org>

Khi các chính khách của Hà Nội viết hồi ký

Phần 1 : "Cuối ngựa"... đọc các bầu tâm sự

Xưa nay, từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, cái việc chính khách viết hồi ký chẳng phải là điều lạ. ...y thế mà ở Việt Nam lại không hẳn như vậy. Thứ nhất, các chính khách của Hà Nội thường "ngại" viết hồi ký. Nếu có thể coi hơn mười vị ủy viên bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam là những kẻ có "máu mặt" nhất để viết những "thiên" hồi ký và tính cả vài chục vị ủy viên bộ chính trị qua các thời kỳ "chuyển giao thế hệ", thì cho tới nay, số vị muốn chia sẻ "quan lộ" của mình thời đi vãng với thế gian vẫn chưa đủ để đếm trên mười đầu ngón tay. Thứ hai, dĩ nhiên "mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh". Trong số các cuốn hồi ký của các chính khách của Hà Nội đã được bày ra dưới con mắt của dư luận ở trong nước hay ở ngoài nước, được phát hành có giấy phép hay "chui", chỉ được truyền tay dưới dạng bản sao chụp, người ta cũng dễ dàng nhận ra những "sắc thái" của chúng, tới độ "độc đáo"... "Độc đáo" như thế nào, xin lấy một "giai phẩm" đứng "đầu bảng" là cuốn hồi ký có tựa đề tuy "bình dân", mà cũng rất chính trị là *Chuyện kể về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên làm ví dụ sơ sơ. Nó là cuốn sách "một thời vang bóng", từng được coi là loại "trước tác", "gối đầu giường" của không ít người Việt Nam cách đây hơn 30 năm, đặc biệt là lớp thanh niên phơi phới tuổi xuân, giàu sức sống và cũng giàu ... sự cả tin. Với cuốn sách này, có lẽ Trần Dân Tiên là người độc nhất vô nhị đã có "tài" nâng thủ pháp "hư cấu chính trị" của ông lên đến hàng "siêu nghệ thuật". Bằng văn phong giản dị, sử dụng ngôn từ chuẩn xác, uyển chuyển, Trần Dân Tiên đã kết nối tài tình những chi tiết "sinh động", làm cho nhân vật "trung tâm" của cuốn sách là ông Hồ Chí Minh nổi như...bèo tấm, và quan trọng hơn là gieo vào tâm tưởng của không ít người đọc lúc đó những luồng suy nghĩ từ chỗ "tâm phục, khẩu phục" nhân vật của mình đến chỗ say nhân vật đó như say thuốc phiện, rồi sùng bái như một ... á thánh. Vậy mà có

điều hơi lạ là, với công trình chính trị - văn học cỡ ..."đề đời" như thế, cái tên Trần Dân Tiên lại chưa lọt được vào "mắt xanh" của các vị trong ủy ban Nhà nước xét trao tặng (hoặc truy tặng) "giải thưởng Hồ Chí Minh", một loại giải thưởng tầm cỡ quốc gia dành cho giới văn nghệ sĩ, trí thức của nước nhà, mặc dù đã có dăm ba đợt "xét" và số người nhận "giải thưởng" cũng đã tới con số hàng trăm. Kể ra cũng bất công thật !

Thứ đến là cuốn hồi ký mang tên "*Bát khuất*" của Nguyễn Đức Thuận, nguyên ủy viên trung ương Đảng kiêm chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam (nay là Liên đoàn Lao động Việt Nam). Cuốn sách khá dày, chữ in nhỏ và chứa đựng ăm ắp sự kiện, tình tiết hấp dẫn. Cuốn sách "kể" về cuộc đối đầu đầy kịch tính, một mất một còn giữa những người cộng sản và những người quốc gia ở miền Nam sau Hiệp định Genève mà tác giả là một người trong cuộc, với bối cảnh hết sức tàn khốc ở các trại giam của chế độ Việt Nam Cộng hòa, trong đó có chuồng cọp Côn Đảo khét tiếng. Ngoài tác dụng gây những ấn tượng phản cảm ở người đọc đối với chế độ miền Nam khi đó - một mục tiêu chính trị tối quan trọng - đồng thời nội dung cuốn hồi ký cũng gợi lên một số phản văn trong dư luận. Chẳng hạn, liệu các chi tiết được mô tả trong đó đúng sự thật 100% không, hay chúng được "xào xáo" tình vi cho hợp với những ý đồ chính trị v.v.

Hơn mười năm sau đó, cuối năm 1975, khi khói súng của cuộc chiến Việt-Mỹ chưa tan hết, người ta thấy xuất hiện cuốn hồi ký *Mùa xuân đại thắng* của Văn Tiến Dũng, khi đó là đại tướng, tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, kiêm ủy viên bộ chính trị. Cuốn sách ghi lại diễn biến tình hình chiến sự ở miền Nam từ đầu năm đến giữa năm 1975 và những động thái quân sự của các bên tham chiến. Có người cho rằng đây là một bản "tổng kết kịp thời" giai đoạn quan trọng nhất của

cuộc chiến. Nhưng dư luận cũng lại phân vân không ít về nội dung và "khẩu khí" của cuốn sách. Cũng có ý kiến coi đó chỉ là một bức tường tự biểu dương kịp thời "thành tích" của tác giả. Không lâu sau đó, cuốn hồi ký thứ hai về cùng một đề tài có tựa đề "*Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*" của Trần Văn Trà, khi đó là thượng tướng, ủy viên trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, thứ trưởng quốc phòng, ra mắt độc giả. Lập tức, có người coi cuốn sách này là sự "bổ sung", "điều chỉnh" cho nội dung của cuốn sách của tướng Dũng. Sự "vênh nhau" của hai cuốn hồi ký không đơn thuần là sự "đa dạng hóa" quan điểm. Trong khi "truyền thống" của Đảng Cộng sản Việt Nam là luôn luôn đảm bảo tính "thống nhất" trong đảng và hai ông tướng kia đều là chiến hữu sát cánh bên nhau trong đợt tổng công kích cuối cùng của quân đội cộng sản ở miền Nam vào nửa đầu năm 1975, thì sự khác nhau "không bình thường" trong cách đánh giá giai đoạn chiến tranh đó đã hé lộ một điều bình thường và tất yếu đối với bất kỳ một đảng cầm quyền nào. Đó là sự thoái hóa và phân liệt trong nội bộ.

Có vẻ đồ sộ hơn cả và "sử thi" hơn cả là bộ ba hồi ký *Quyết định khó khăn nhất, Điện Biên phủ - điểm hẹn lịch sử* và *Tổng hành dinh mùa xuân đại thắng* vừa được tái bản và xuất bản. Tác giả của chúng là "lão tướng" Võ Nguyên Giáp, nguyên ủy viên bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, bộ trưởng quốc phòng. Đây cũng là những cuốn hồi ký về chiến tranh ở Việt Nam, nhưng chúng thâu tóm một giai đoạn dài, từ năm 1954 đến năm 1975. Có thể từng là giáo viên dạy lịch sử (ở trường Thăng Long Hà Nội trong thời Pháp thuộc), nên ông Giáp có cách viết hồi ký lịch sử "chuẩn" hơn và "dài hơi" hơn. Đọc những trang hồi ký của "anh Văn" (tên tục của ông Giáp), người ta cảm thấy chúng được trình bày có phần na ná như bộ hồi ký chiến tranh *Nhớ lại và suy nghĩ* của nguyên soái Giu-cốp, vị tổng chỉ huy

Hồng Quân Liên Xô ở chiến trường Nga-Đức trong Thế Chiến Thứ hai. Tuy vậy, điều đáng nói hơn là ngoài hai cái "hơn cả" ở trên, người đọc có thể "tặng" cho bộ ba hồi ký này hai cái "hơn cả" nữa là chúng có vẻ thật hơn và nghiêm túc hơn so với các cuốn hồi ký được phát hành trước đó.

Được biết, đã có và đang có một số chính khách khác của Hà Nội cũng tập tễnh "dốc lòng" vào các trang hồi ký. Nhưng có lẽ vì không ít lý do, các cuốn sách quý ấy chưa được trình làng. Chẳng hạn, cuốn hồi ký nghe đâu còn dang dở của Trường Chinh, nguyên tổng bí thư đảng, chủ tịch ủy ban thường vụ quốc hội, ủy viên bộ chính trị, vì ông đột ngột "đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin" sau một cú ngã cầu thang vào cuối năm 1986, v.v.

Trong số hồi ký của các chính khách của Hà Nội người ta còn biết đến những cuốn được viết theo "trường phái" khác, "tự do chủ nghĩa" hơn. Một trong số đó là cuốn *Giọt nước trong biển cả* của nguyên ủy viên bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam Hoàng Văn Hoan, một thành viên đứng thứ bảy trong cái "siêu nhà nước" này. Gốc gác là sĩ quan từ "lò" Hoàng Phố (trường đào tạo sĩ quan của Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc) và "chui sâu leo cao" trong Đảng Cộng sản Việt Nam hàng chục năm, sau khi "đào tẩu" sang Bắc Kinh, "giọt nước" Hoàng Văn Hoan định tạo ra "sóng gió", làm xói mòn và cuốn trôi lòng tin của dân Việt Nam đối với giới lãnh đạo cộng sản bằng cách "bới ra" những việc thuộc loại "thâm cung bí sử" ở hậu trường chính trị của Hà Nội và chia mùi nhọn tố cáo vào "tập đoàn Lê Duẩn". *Giọt nước trong biển cả* đã "ngấm" vào Việt Nam nhờ làn sóng cực mạnh, được phát suốt đêm ngày của đài phát thanh Bắc Kinh vào thời kỳ hai đảng cộng sản "com không lạnh, canh chẳng ngọt", quay ra dạy cho nhau những "bài học" mà cả hai đều phải trả giá đắt bằng xương máu của nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

Cuốn hồi ký thứ hai thuộc thể loại "tự do" nói trên có tên khá "hiền lành" : "*Những kỷ niệm về Lê Duẩn*". Tác giả của nó là Trần Quỳnh, nguyên ủy viên trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, phó thủ tướng. Dư luận ở Việt Nam hẳn

còn nhớ, cứ mỗi khi nhắc đến "xù" Quỳnh, người ta lại liên tưởng ngay đến một việc "ngồ ngộ" là có lần ngài phó thủ tướng phụ trách về khoa học này đã tri hô trên báo *Nhân dân* của Đảng rằng "trường sinh học" (một loại trường điện từ tỏa xung quanh mỗi cơ thể sống) chỉ là trò "mê tín dị đoan" mà bọn phù thủy (có học) bày ra để lừa đảo ! Thật khổ cho một số nhà khoa học Việt Nam đi tiên phong nghiên cứu lĩnh vực khoa học khi đó còn là khá mới mẻ này. Họ bị qui chụp là "dị đoan", bị làm tình làm tội đủ điều, kể cả bị đuổi khỏi "biên chế nhà nước", tức là bị cắt đứt nguồn sinh nhai và bị ném ra vĩa hè. Bây giờ, hiện tượng "trường sinh học", như "giác quan thứ sáu" (khả năng người này có thể thu nhận sóng do trường sinh học từ người khác phát ra), hay hiện tượng "nhân điện" (người có khả năng chữa bệnh cho người khác bằng trường sinh học của mình) đã không còn xa lạ đối với chúng ta nữa. Nó đã được các nhà khoa học trên thế giới nghiên cứu và giải thích một phần. Có nước đã thành lập hẳn một viện nghiên cứu về trường sinh học và về những hiện tượng thường được coi là thuộc lĩnh vực tâm linh hay "duy tâm".

Trở lại cuốn hồi ký của Trần Quỳnh, nếu Hoàng Văn Hoan lớn tiếng đả kích Lê Duẩn bao nhiêu, thì "cái anh" cựu phó thủ tướng này chằm chặp "bênh" anh Ba (tên "tục" của Lê Duẩn) trước những lời dèm pha trong đảng bấy nhiêu. Trong cuốn sách được xuất bản "chui" cách đây hai, ba năm của mình, Trần Quỳnh ra sức bào chữa, biện hộ cho Lê Duẩn và ca ngợi "người thầy" đã "tọa" ở ghế tổng bí thư lâu nhất trong đảng của mình là người "đa mưu, túc trí", có tính độc lập suy nghĩ cao, không những am tường về lý luận, mà còn "siêu" về lãnh đạo công tác thực tế. Dưới ngòi bút của Trần Quỳnh, nhiều sự việc ở đảng sau sân khấu chính trị ở Hà Nội được "bật mí" và một lần nữa cho thấy rõ hơn thể trạng phân liệt trong Đảng Cộng sản Việt Nam.

Không như các chính khách nước ngoài, nhất là ở phương Tây, nơi vẫn được coi là thánh địa của nền "tự do cá nhân", việc viết hồi ký là chuyện ... "thường ngày ở huyện" và thường bao hàm cả "động cơ thương mại", các chính khách của Hà Nội chỉ viết hồi ký hoặc

vì lý do chính trị, hoặc khi có sự cầu thúc "nội tại", kể cả những dẫn vật cá nhân và tuyệt nhiên họ viết không phải vì tiền. Dĩ nhiên, "động cơ" viết hồi ký có thể thay đổi. Với xu hướng cởi mở và nhu cầu dân chủ đối với xã hội Việt Nam, rất có thể sẽ có những cuốn hồi ký dám vén lên một phần hoặc nhiều phần bức màn che phủ hậu trường chính trị ở Hà Nội như đã thấy đối với Bắc Kinh.

(Còn nữa)

Trần Văn Phiên

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với

Thông Luận qua địa chỉ:

**Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592**

e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam

(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan

Braamlanden 76

7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,

xin chuyển vào trương mục của hội:

Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:

Mr. Võ Thanh Liêm

5 Fira Court

Narre Warren VIC 3805

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với

Nguyễn Thanh Lương

Habsburgerallee 104

60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G

THANH LUONG, NGUYEN

Konto-Nr: 00 77 70 82 94

Bankleitzahl: 50 19 00 00

Một ý kiến về lịch sử

Nguyễn Gia Kiểng

Cuốn *Tổ quốc Ân nã* đã gây thảo luận sôi nổi ngay sau khi ra mắt. Đối với một cuốn sách chính luận vào thời điểm này, một sự tiếp thu như vậy phải coi là may mắn. Nhưng điều may mắn hơn là nó đã được đón nhận rất nồng hậu ở trong nước. Điều mà tác giả của nó không ngờ là những đánh giá thuận lợi đã rất đông đảo, dĩ nhiên bên cạnh một số ý kiến phản bác.

Nhiều ý kiến, nhất là các ý kiến phản bác, đã tập trung vào phần lịch sử, nhưng vào một vài nhân vật lịch sử, như Nguyễn Huệ, và vào mức độ chính xác của những dữ kiện lịch sử đằng nào cũng không bảo đảm là chính xác trong hoàn cảnh nước ta. Tuy nhiên, vẫn chưa thấy có thảo luận về một cách nhìn lịch sử, hay, nếu độc giả không phê phán là dùng ngôn ngữ kên kiệu, một triết lý về lịch sử, trong khi đó là điều mà cuốn sách chuyên chở và cũng đáng được thảo luận.

Thế nào là một triết lý về lịch sử ?

Một cách giản dị đó là sự suy nghĩ trong chiều sâu về cách tạo thành của lịch sử và ý nghĩa của nó đối với cộng đồng mà nó diễn tả theo dòng thời gian.

Người Việt Nam nói chung không đặt vấn đề triết lý của lịch sử. Hình như đối với chúng ta lịch sử chỉ là sự nối tiếp nhau một cách không qui luật của các biến cố. Mặt khác chúng ta cũng chỉ coi là biến cố lịch sử những cuộc chiến tranh, những tranh giành quyền lực, những thay đổi chính quyền. Cho tới một ngày rất gần đây sử Việt Nam và Trung Quốc còn ghi chép cả những việc làm đôi khi không có tầm quan trọng nào đối với xã hội của các vua chúa. Đó là vì chúng ta đã chấp nhận từ hàng ngàn năm trước một triết lý giản đơn phủ nhận lịch sử, triết lý tuần hoàn, còn gọi là "Kinh Dịch", theo đó cả vũ trụ lẫn cuộc sống chỉ xê dịch qua lại trong một giới hạn nhỏ hẹp. Thịnh rồi lại suy, hết trị rồi đến loạn, lập rồi lại phế, cũng như cây cỏ ra lá trở bông mùa xuân rồi tàn đi với mùa đông để rồi lại hồi sinh trong mùa xuân tới. Với một triết lý như vậy khi không làm gì có lịch sử đúng nghĩa bởi vì không có thay đổi và chuyển động, mà chỉ có những giao động vụn

vật tuần hoàn, như khu rừng thay cây đổi lá nhưng vẫn chỉ là khu rừng. Cuối cùng đầu lại về đó và lịch sử chỉ là địa lý.

Với một triết lý như vậy thì vấn đề triết lý của lịch sử không đặt ra. Đó chỉ là những biến cố tình cờ trong biên độ giới hạn, có thể rất mãnh liệt lúc xảy ra đối với người đương thời nhưng không thay đổi gì về lâu về dài. Những nguyên nhân của các biến cố, nếu có, cũng chỉ là những nguyên nhân rất gần. Cho nên, kết quả của một cuộc chiến là do sự tài giỏi của một chủ tướng, khi không phải là mệnh trời, mà mệnh trời thì con người làm sao hiểu được ? Triệu Đà đã chiếm được thành Cổ Loa vì Triệu Đà giỏi. Nước ta được tự chủ vì quân Nam Hán bị đại bại trên sông Bạch Đằng do thiên tài quân sự của Ngô Quyền. Nhà Trần đánh bại quân Nguyên là nhờ Trần Hưng Đạo. Nước ta đuổi được quân Minh là nhờ Lê Lợi. Tây Sơn diệt được Trịnh-Nguyễn nhờ Nguyễn Huệ. Nguyễn Anh mấy lần đại bại suýt mất mạng là vì bản lãnh thua xa Nguyễn Huệ, nhưng vẫn sống sót, và sau này khôi phục được được nhà Nguyễn, thống nhất đất nước là vì đầu sao cũng khá hơn anh em và con cháu Nguyễn Huệ, v.v. Và chúng ta nói chung thoải mái với cách giải thích lịch sử giản dị như thế.

Không phải là trong suốt dòng lịch sử chúng ta không có lúc hoài nghi về quan niệm lịch sử giản dị đó. Chúng ta đã có quan niệm về Thời, Vận và Thế. Chúng ta đã nhận xét là có những người rất tài ba mà thất bại vì thất thế trong khi có những kẻ chẳng ra gì mà vẫn thành công vì gặp thời. Thời thế tạo anh hùng. Nhưng chúng ta vẫn chưa ra khỏi Kinh Dịch và vì thế vẫn chưa thể đạt tới một triết lý về lịch sử. Giải thích của chúng ta về các biến cố lịch sử cuối cùng vẫn là vì đã có những cá nhân đã góp phần quyết định làm nên lịch sử. Và khi không thể giải thích bằng những nhân vật lịch sử thì chúng ta giải thích chữ "Thời" và tiếng thỏ dài.

Đạt tới một sự hiểu biết sâu xa về lịch sử không phải là dễ. Người phương Tây từ thời cổ Hy Lạp đã có những tư tưởng vượt trội, nhưng sự tìm hiểu nguyên lý của lịch sử đã đến rất chậm.

Có thể nói Hegel là người đầu tiên đưa ra một lý thuyết về lịch sử. Hegel giải thích lịch sử bằng biện chứng (*dialectic*). Nhưng biện chứng là gì ? Đó là tiếng mà Plato đặt ra để chỉ cách lý luận của Socrates. Phương pháp của Socrates là liên tục nêu ra những mâu thuẫn trong lý luận của người đối thoại, bắt họ phải giải quyết và dần dần đi tới lý luận đúng. Hegel chấp nhận phương pháp biện chứng nhưng mở rộng hơn hẳn phạm vi ứng dụng. Khác với Socrates, Hegel không coi mâu thuẫn chỉ là sự thiếu sót của lý luận được nêu ra với mục đích sửa chữa lý luận để không còn mâu thuẫn; nói cách khác, mâu thuẫn là điều được nêu ra chỉ để tìm cách loại bỏ. Hegel coi mâu thuẫn là cốt lõi của tiến hóa. Khác biệt quan trọng hơn nữa là đối với Hegel biện chứng không phải chỉ là một phương pháp lý luận mà còn là nguyên lý của mọi sự vật, cả vũ trụ và nhân sinh. Bất cứ một sự kiện nào cũng chỉ là một "đề" tự nó chứa đựng hoặc làm nảy sinh ra một "phản đề". Đề và phản đề mâu thuẫn với nhau dẫn đến kết quả là một "hợp đề", hay tổng hợp, chứa đựng những sự thực trong cả "đề" và "phản đề". Tổng hợp là sự kết hợp của hai đối kháng (*union of opposites*) và cũng là phủ định của chính phủ định (*negation of the negation*). Ngay khi thành hình, tổng hợp lại là một đề, làm nảy sinh một phản đề, và biện chứng lại tiếp tục trong một tiến hóa vô cùng tận.

Vạn vật biến hóa như vậy bởi vì, theo Hegel, có một Tuyệt đối qui định tất cả phải như vậy. Biện chứng là qui luật của Tuyệt đối. Tuyệt đối này là chân lý toàn vẹn và mọi sự vật đều thể hiện một phần của chân lý. Triết lý của Hegel như vậy vừa siêu hình (bởi vì Tuyệt đối của Hegel không khác bao nhiêu Thượng đế của các tôn giáo) vừa thuần lý (bởi vì không có gì là vô lý cả, mọi sự đều là một thể hiện một phần và nhất thời của chân lý).

Triết lý của Hegel thật ra rất phức tạp, nhưng ta có thể tạm tóm lược như vậy để trình bày triết lý lịch sử của ông. Theo Hegel thì lịch sử không phải chỉ là một chuỗi của những biến cố ngẫu nhiên mà là sự thể hiện và tiết lộ dần dần của

Tuyệt đối. Từ quan niệm này Hegel rút ra hai hệ luận cơ bản. Hệ luận thứ nhất là trong mọi quốc gia, ở mọi giai đoạn nhà nước là thể hiện của Tuyệt đối. Hệ luận thứ hai là mỗi quốc gia hình thành và mạnh lên đều tự nhiên có phần đề là một quốc gia đối kháng. Hai quốc gia xung đột với nhau và kết quả là một quốc gia mới lãnh mạnh hơn được hình thành, qui tụ những điểm tốt nhất của hai quốc gia xung đột. Quốc gia mới này cũng sẽ gặp một quốc gia đối nghịch khác và biện chứng cứ thế mà tiếp tục, mỗi giai đoạn đánh dấu một bước tiến đến sự hoàn chỉnh theo qui luật của Tuyệt đối.

Kể viết bài này hoàn toàn không phải là một triết gia mà là một người hoạt động đã bị bắt buộc phải tìm hiểu triết để hiểu những tư tưởng chính trị của thời đại mình. Sự tiếp xúc với triết cho tôi một nhận định là triết thực ra không phức tạp. Nó không hề sử dụng một dụng cụ khoa học kỹ thuật tinh vi nào cả. Nhưng triết vẫn rất khó, khó đến nỗi làm nản lòng đại đa số những người muốn tìm hiểu nó. Cái khó nhất khi tìm hiểu một tư tưởng triết học là không biết tác giả khởi hành từ đâu. Nói chung thì trừ môn luận lý (*logic*) và môn tâm lý học (*psychology*), mọi triết gia đều khởi hành từ một xác quyết cá nhân không có chứng minh. Và nhiều khi chính họ cũng không nhớ rõ họ đã khởi hành từ đâu và đang thực sự nói về cái gì. Đây hình như là nhược điểm của mọi triết gia. Plato định nghĩa biện chứng như là phương pháp lý luận của Socrates, nhưng trong tác phẩm *Cộng hòa* (*The Republic*) của ông có lúc ông lại coi nó là môn học đứng trên mọi môn học, nghĩa là toán học và luận lý học ứng dụng vào vũ trụ và con người. Một khó khăn khác là đôi khi họ cùng gương ép lý luận cho bằng được để cố chứng minh một điều mà thực ra họ đã định kiến từ trước vì một lý do hoàn toàn cá nhân, như Descartes đã cố hành hạ lý luận để chứng minh là có thượng đế. Khi một lý luận khó hiểu thì có nhiều triển vọng là vì nó không đúng. Đó cũng là trường hợp của Hegel mặc dầu ông là người đã chế ngự bộ môn triết học trong thế kỷ XIX.

Cả hai hệ luận mà Hegel rút ra từ biện chứng của ông đều không khách quan. Hệ luận thứ nhất gần như đem lại một sự chính đáng thiêng liêng cho kẻ

cầm quyền và do đó biện minh cho một chính quyền toàn trị. Hệ luận thứ hai - thu gọn lịch sử vào sự xung đột, và chiến tranh, giữa các quốc gia - thực ra đã dựa trên sự quan sát tiến trình hình thành của nước Đức trong thế kỷ XIX. Trong vòng hơn một nửa thế kỷ, nước Đức đã hình thành do sự thống nhất của hơn ba mươi vương quốc. Theo quan niệm lịch sử của Hegel thì số các quốc gia sẽ dần dần nhỏ lại và tất cả cuối cùng sẽ qui về một mối. Đó là một triết lý bá quyền rất tiện lợi cho tham vọng bành trướng của Friedrich Wilhelm III mà Hegel là cố vấn. Nhưng nói rộng trường hợp nước Đức ra cho toàn thế giới là một lạm dụng lý luận. Các vương quốc Đức đều cùng một chủng tộc, một văn hóa, và một ngôn ngữ, lại không có biên giới thiên nhiên, cho nên sự thống nhất là một tiến trình tự nhiên. Ra khỏi nước Đức bối cảnh hoàn toàn khác. Vả lại lịch sử cũng đã phản bác lập luận của Hegel. Lịch sử không phải là sự tiết lộ liên tục của một tiến trình thuần lý hóa dẫn đến hoàn mỹ như Hegel quả quyết. Trong hầu hết mọi trường hợp các cuộc chinh phục và sáp nhập đã chỉ dựa trên bạo lực, theo lô-gích mạnh diệt yếu, lớn nuốt nhỏ; và không phải bao giờ cũng đem lại một mức độ văn minh cao hơn; kẻ thắng và kẻ bại cùng có thể thay ngôi đổi vị với thời gian.

Triết lý lịch sử của Hegel còn rất hệt hăng, và có thể nói là không lương thiện ở chỗ nó không định nghĩa được thế nào một quốc gia đối kháng theo tiêu chuẩn biện chứng. Không có gì ngăn cản một nước mạnh khuất phục một nước yếu rồi nói đó là quốc gia đối kháng và mình đã chỉ hành động theo một tiến trình bắt buộc. Biện chứng lịch sử của Hegel vì vậy mở đường cho mọi cuộc chiến tranh xâm lược tùy tiện. Trên thực tế nó đã là nền tảng lý luận cho hai cuộc thế chiến mà nước Đức gây ra.

Và nếu lịch sử đã được qui định từ trước do một Tuyệt đối huyền bí và cao siêu thì vai trò của con người và trí tuệ là gì, ngoài đón nhận và chịu đựng? Điều nổi bật trong triết lý của Hegel là cá nhân hoàn toàn vắng mặt, trong khi chính quyền lại là thể hiện của Tuyệt đối. Chính vì thế mà triết lý lịch sử của Hegel đã là nền tảng cho những chủ nghĩa và chế độ bạo ngược nhân danh tập thể và nhà nước để chà đạp cá nhân

và xã hội dân sự.

Cần minh định một điều quan trọng: triết lý biện chứng của Hegel là một triết lý có giá trị của nó. Nhưng chính cái quan niệm về lịch sử, và qua lịch sử về chính trị, của ông mới tệ hại. Bài này không bình luận về triết học của Hegel mà chỉ bàn về sử quan của ông. Sử quan này đã đẻ ra những quái thai kinh khủng trong thế kỷ 20: quốc xã Đức, phát xít Ý và cộng sản. Hitler và Mussolini đã là những đứa con chính trị của Hegel, hai chế độ quốc xã và phát xít đã là thể hiện trực tiếp của tư tưởng chính trị của ông: nhà nước là tuyệt đối đè bẹp cá nhân, nước lớn thôn tính nước nhỏ, chủng tộc hùng mạnh khống chế và tiêu diệt các chủng tộc yếu nhược.

Karl Marx là một đứa con hoang khác. Tư tưởng của Marx trong chiều sâu chỉ là tư tưởng của Hegel. Marx đã chỉ thay đổi và làm trầm trọng hơn sự độc hại của triết lý lịch sử của Hegel. Cũng như Hegel, Marx coi lịch sử biến đổi một cách không đảo ngược được theo một qui luật biện chứng, nhưng Marx đã khác Hegel trên hai điểm. Một là, đối với Marx, lịch sử không phải là sự xung đột giữa các quốc gia mà là đấu tranh giữa các giai cấp trong quan hệ sản xuất. Hai là, không phải như Hegel nói, lịch sử không những chỉ giải thích quá khứ mà vai trò đích thực của nó là dự báo tương lai. Hai khác biệt này đã khiến Marx huênh hoang tuyên bố là triết lý của ông không những khác mà còn trái ngược với triết lý của Hegel, nhưng khẳng định này không thuyết phục được nhà tư tưởng nào. Lý luận của Marx hoàn toàn dựa trên biện chứng của Hegel, nó chỉ khác ở cách ứng dụng, nghĩa là ở những điểm không thuộc phạm vi triết học.

Khẳng định thứ nhất của Marx, lịch sử là xung đột giai cấp, là một sự thách đố trắng trợn đối với chính lịch sử. Cho đến thế kỷ XIX của Marx chưa hề có đấu tranh giai cấp do quan hệ sản xuất trên thế giới, đã chỉ có những xung đột giữa các bộ tộc, rồi các quốc gia mà thôi, và trong mỗi quốc gia giữa những thủ lĩnh. Xung đột giai cấp do quan hệ sản xuất đã chỉ xuất hiện tại một vài nước châu Âu với cuộc cách mạng kỹ nghệ và cũng không diễn ra theo lô-gích một mất một còn như Marx đã tiên liệu.

Khẳng định thứ hai, lịch sử quyết

định tương lai, là cả một sự thách đố đối với trí tuệ. Điều này chứng tỏ Marx không phải là một triết gia, cùng lắm ông chỉ là một học giả và một nhà báo có tài. Marx khác Hegel ở chỗ nào ? Hegel ít ra lý luận một cách lương thiện, coi lịch sử là sự tiết lộ dần dần của qui luật Tuyệt đối và vì không có gì là Tuyệt đối cả, Tuyệt đối là tất cả, trên cùng và sau hết, nên lịch sử chỉ giải thích quá khứ chứ hoàn toàn không cho phép dự đoán tương lai. Trong cố gắng để tỏ ra mình đã vượt lên trên Hegel, Marx cho rằng lịch sử có thể và phải cho phép khẳng định tương lai. Dựa vào quan điểm "đấu tranh giai cấp" của mình và rập khuôn theo thuyết tiến hóa của Darwin, một nhà bác học đương thời với ông, Marx cho rằng đấu tranh giai cấp đã khiến xã hội loài người tiến hóa từ xã hội bộ tộc lên xã hội phong kiến, rồi từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản, cuối cùng đấu tranh giai cấp cùng sẽ khiến xã hội tư bản bị đào thải nhường chỗ cho xã hội cộng sản không giai cấp. Nhưng Marx đã không bao giờ chứng minh được rằng đấu tranh giai cấp đã khiến xã hội con người từ bộ tộc tiến lên phong kiến, hay tại sao các xã hội châu Á, điển hình là Trung Quốc, đã không có đấu tranh giai cấp. Việc Darwin từ chối vinh dự được Marx đề tặng cuốn *Tư bản Luận* đã là cả một sự bẽ bàng cho ông.

Không phải là Marx đã không cố gắng để chứng minh những khẳng định của ông. Sự thực là ông đã rất bối rối và khổ sở để chứng minh một điều không thể chứng minh vì không đúng. Marx đã khẳng định từ giữa thập niên 1840, vào lúc ông mới ngoài 20 tuổi, rằng sự đào thải của chế độ tư bản và sự ra đời của xã hội cộng sản (giai đoạn cuối cùng của tiến hóa xã hội) là một điều chắc chắn và không thể đảo ngược được. Người ta đã chờ đợi ông chứng minh và ông đã hứa sẽ chứng minh. Nhưng mãi tới hơn 20 năm sau ông mới hoàn tất phần đầu của cuốn *Tư bản Luận*, một công trình mà, theo chính lời ông, ông đã hy sinh cả gia đình và cuộc sống của mình. Và đó đã là một thất bại ê chề. Nó đầy cộm nhưng vẫn không chứng minh được sự tiến hóa tất yếu không thể đảo ngược được lên xã hội cộng sản. Thay vào đó là những biện luận dài dòng và nhảm chán. Đã chỉ có phần đầu được xuất bản khi ông còn sống. Các cuốn còn lại đã phải đợi rất

lâu sau đó vì ít ai muốn đọc.

Sự bối rối và bế tắc trong lý luận càng về sau càng đẩy Marx vào sự nguy hiểm và quá khích. Thay vì chứng minh sự tất yếu của sự đào thải của xã hội tư bản nhường chỗ cho xã hội cộng sản, Marx đã gào thét phải tiến tới xã hội cộng sản thật nhanh chóng bằng mọi giá, kể cả kinh qua một nhà nước vô sản chuyên chính thẳng tay tiêu diệt những phần tử phản cách mạng.

Cùng như Hegel, Marx sử dụng biện chứng một cách tùy tiện, nhưng lại đẩy rất xa mức độ tùy tiện. Muốn lấy gì làm đề cũng được và một đề có thể có bất cứ phần đề nào và dẫn đến bất cứ tổng hợp nào vừa ý "nhà nước vô sản chuyên chính". Tổng hợp thường thường là phải tiêu diệt một thành phần xã hội nào đó, khi nó không biện minh cho một quyết định của người cầm quyền. Và dĩ nhiên người có quyền chọn phần đề và quyết định tổng hợp là người nắm trong tay "bạo lực cách mạng". Lenin đã phát triển và lạm dụng tới đa cách sử dụng biện chứng tùy tiện của Marx để biến chủ nghĩa cộng sản thành một tai họa kinh khủng cho nhiều dân tộc.

Lịch sử không phải là sự an bài tuân tự có qui luật biện chứng nhưng không thể dự báo trước được của một Tuyệt đối như Hegel đề xướng. Triết lý của Hegel đã bị ném bỏ vào một đống văng đen tối. Lịch sử càng không phải là diễn tiến của một cuộc đấu tranh giai cấp không ngừng và tất yếu dẫn đến xã hội cộng sản như Marx rêu rao. Chủ nghĩa cộng sản, nếu ta muốn dùng cách nói không trang nhã của chính Karl Marx, đã bị ném vào xọt rác tư tưởng và chắc chắn sẽ mãi mãi định cư ở đó.

Vậy lịch sử là gì và có vai trò nào ?

Lịch sử chắc chắn là do con người tạo ra trong khi ứng xử với môi trường sinh sống. Trong một bối cảnh địa lý nhất định, lịch sử của một dân tộc phần lớn là sản phẩm của dân tộc đó. Phần lớn dù không phải là tất cả, bởi vì cùng có những điều kiện thiên nhiên và những yếu tố ngoại lai, thí dụ như những trận động đất và những cuộc xâm lăng của nước ngoài. Nhưng ngay cả trong những trường hợp ấy, nếu dân tộc phản ứng một cách khác thì hậu quả cũng sẽ khác và lịch sử cũng sẽ khác. Các nước châu Á đã ứng xử khác nhau khi tiếp xúc với

phương Tây và các lịch sử cận đại của họ đã khác nhau. Một dân tộc càng văn minh và đông đảo thì phần chủ động trên lịch sử lại càng lớn.

Lịch sử có phải là một chuỗi biến cố tình cờ hay không ?

Câu hỏi có vẻ ngây ngô nếu ta đã nhìn nhận con người có khả năng thay đổi lịch sử, nhưng cho tới một ngày rất gần đây quan niệm của chúng ta là như thế. Chúng ta không hề đặt câu hỏi tại sao lịch sử lại diễn ra như nó đã diễn ra. Hay dù có đặt câu hỏi chúng ta cũng hài lòng với những giải đáp hời hợt. Thí dụ sở dĩ nước ta đã bỏ lỡ cơ hội canh tân và bị ngoại thuộc là vì các vua Minh Mạng và Tự Đức quá tâm tối, hay chủ nghĩa cộng sản đã được thiết lập tại Việt Nam là vì có ông Hồ Chí Minh. Như vậy thì cũng chỉ là những tình cờ mà thôi. Tình cờ mà chúng ta đã có những ông vua nhà Nguyễn mù quáng và cùng tình cờ mà Việt Nam đã có ông Hồ Chí Minh.

Nhưng tại sao dưới thời nhà Nguyễn chúng ta cũng đã có những con người nhìn thấy nhu cầu canh tân mà họ không làm gì được ? Tại sao đã có và có nhiều người nhìn thấy sự độc hại của chủ nghĩa cộng sản, và nhiều người đã hy sinh tính mạng để chống lại nó, nhưng chế độ cộng sản vẫn được thiết lập ? Và câu hỏi nhức nhối hiện nay là tại sao đa số đảng viên của chính Đảng Cộng sản đã thấy là phải dân chủ hóa mà Đảng Cộng sản vẫn ngoan cố trong độc tài toàn trị ? Như vậy chắc chắn phải có một cái gì đó mạnh hơn quyết định các biến cố.

Nhưng "cái gì đó" là cái gì ?

Trước một thử thách và một thực tại xã hội, mỗi cá nhân cũng như mỗi dân tộc đều có thể có những cách ứng xử khác nhau: phấn khởi tham gia, chấp nhận, chịu đựng, đào thoát, phản kháng v.v. Cách ứng xử đó quyết định những gì sẽ xảy tới, nghĩa là một thực tại mới. Nhưng tại sao các dân tộc lại ứng xử cách này thay vì cách khác ? Đó là do một cấu trúc tâm lý khiến ta thấy nên và phải làm như thế. Mỗi cá nhân quyết định cho mình, nhưng một cộng đồng luôn luôn có một mẫu số văn hóa chung nào đó nếu không thì không phải là một cộng đồng. Do đó các quyết định cá nhân (chấp nhận một cách ứng xử bất buộc cũng là một quyết định) trong một

dân tộc cuối cùng cũng vẫn có những điểm giống nhau tạo ra một cách ứng xử áp đảo của đa số và quyết định những gì sẽ xảy tới. Cấu trúc tâm lý của một dân tộc là kết quả của một văn hóa chung. Văn hóa chung này, trong phạm vi xã hội, toàn bộ những giá trị được đại bộ phận dân chúng chia sẻ và quyết định cách suy nghĩ và hành động của xã hội. Các giá trị này có thể hình thành với thời gian do điều kiện sinh sống, cũng có thể do bị một thế lực thống trị lâu đời áp đặt và cùng có thể do những cố gắng suy tư của chính dân tộc đó.

Văn hóa quyết định cách ứng xử, cách ứng xử tạo ra một thực tại, thực tại này đặt ra những thử thách mới và chờ đợi những phản ứng mới. Lịch sử tiến hành như thế, thực tại của giai đoạn trước là lịch sử của giai đoạn sau. Nói một cách khác, động cơ chính, dù không phải duy nhất, của lịch sử là văn hóa. Thực tại, trong chiều ngược lại, cũng có thể tác động lên văn hóa và làm thay đổi văn hóa; nhưng sự khác biệt là ở chỗ tác động của thực tại lên văn hóa đến rất sau và rất chậm. Cuối cùng thì chính văn hóa là yếu tố chính quyết định thực tại xã hội, chế độ chính trị và tổ chức xã hội. Lịch sử như vậy là thể hiện của văn hóa. Lịch sử vừa giải thích số phận vừa phơi bày chân dung văn hóa của các dân tộc.

Cần lưu ý là nhận thức về lịch sử, chủ yếu là cách đánh giá tầm quan trọng của các biến cố và cách đánh giá các nhân vật lịch sử, cũng là một phần khẳng khái của lịch sử bởi vì nó ảnh hưởng trực tiếp lên sự chọn lọc và trình bày các biến cố mà các thế hệ sau gọi là lịch sử. Như vậy văn hóa không những chỉ là động cơ chính của lịch sử mà còn viết ra lịch sử bởi vì nhận thức về lịch sử cũng phần lớn là sản phẩm của văn hóa.

Con người có thể tác động lên lịch sử và thay đổi dòng lịch sử được không ?

Có, nếu tác động được lên văn hóa. Nhưng ai có thể tác động được lên văn hóa. Đó là các triết gia và các nhà tư tưởng. Dụng cụ làm việc của họ có thể đa dạng. Một nhà tư tưởng có thể viết sách hoặc viết báo như đa số các nhà tư tưởng thường làm, cũng có thể chỉ diễn thuyết như Socrates ; nhưng họ cũng có thể làm nhạc, làm thơ hoặc vẽ tranh, nếu tác phẩm của họ chuyên chở tư tưởng thì họ vẫn là những nhà tư tưởng.

Như thế, một dân tộc chỉ có thể chủ

động được lịch sử của mình nếu có những triết gia và những nhà tư tưởng. Nếu không dân tộc đó sẽ chỉ chịu đựng chứ không làm chủ được lịch sử, nghĩa là không làm chủ được số phận của mình. Nhưng tác động lên văn hóa rất khó. Văn hóa là kết tinh của cuộc sống tinh thần và vật chất trong suốt quá trình tồn tại kéo dài nhiều ngàn năm. Nó được bảo vệ bởi cả một thành trì kiên cố của tập quán, thành kiến, tín ngưỡng, quyền lợi, quyền lực và cả đam mê. Muốn thay đổi nó phải có những con người thật xuất chúng và dũng cảm, những con người mà một mình thực tại không tạo ra được. Cái giá phải trả cho một khai thông tư tưởng thường rất cao. Trong đại bộ phận nó là những cuộc sống hăm hiu, âm thầm cống hiến cho những cố gắng bị người đương thời chối bỏ. Nó cũng có thể là những tai họa. Socrates và Jesus-Christ đã phải đem tính mạng để trả giá cho tư tưởng của mình. Nhưng các nhà tư tưởng vẫn là những người thực sự lãnh đạo xã hội ngay cả khi họ phải bỏ mình nơi pháp trường giữa tiếng hò hét thù ghét của đám đông. Các chính quyền và những người cầm quyền chỉ là sản phẩm và công cụ của lịch sử do văn hóa quyết định, những con người do thời thế tạo ra và đang nào cùng có trong mỗi giai đoạn.

Chúng ta là một dân tộc không có triết gia và tư tưởng gia vì thế chúng ta không chủ động được lịch sử và số phận của chúng ta. Văn hóa của chúng ta là kết hợp của nếp sống phù sa - lúa nước và văn hóa Khổng giáo mà kẻ thống trị phương Bắc áp đặt trong hàng ngàn năm. Chúng ta đã không xây dựng ra nền văn hóa đó bằng cố gắng tư tưởng của chính mình và cũng không thay đổi nó. Văn hóa của ta không thay đổi cho nên ta không có lịch sử đúng nghĩa. Cái mà ta gọi là lịch sử chỉ là những xung đột không tránh khỏi của một khối người ngày càng đông mà không có ý thức xây dựng một tương lai chung. Văn hóa không thay đổi thì xã hội cũng không thay đổi. Những biến cố lịch sử của chúng ta hoặc chỉ là những xáo động trong một khuôn khổ có sẵn và xảy đến một cách tình cờ, hoặc chỉ do sự áp đặt của những biến cố ngoại lai mà chúng ta không hiểu và đón nhận một cách bối rối. Chúng ta giải thích những lúc thịnh - suy, chiến tranh - hòa bình, những thay

ngôi đổi vị bằng hành động của những con người, chúng ta tôn vinh hay kết án những nhân vật lịch sử như là tác giả những phúc họa trong khi thực ra chính họ không đem lại thay đổi thực sự nào. Họ chỉ là những con người hợp lý nhất trong một thực tại xã hội nào đó.

Vấn đề hiện nay của chúng ta là phải rũ bỏ chế độ độc tài này để có dân chủ mà vươn lên. Nhưng chế độ cộng sản có phải ngẫu nhiên mà có không ? Đảng Cộng sản đã trải qua nửa thế kỷ phấn đấu cam go mới giành được chính quyền (họ dùng chữ "cướp" chính quyền). Trong suốt quá trình phấn đấu đó họ luôn luôn ít phương tiện hơn đối phương, phương tiện vật chất cũng như phương tiện trí tuệ. Nhưng sau cùng họ vẫn vượt qua được trở ngại và toàn thắng. Vậy thì chế độ cộng sản mà họ thiết lập có thể tồi dở nhưng không nghịch lý. Nó thể hiện một tổng hợp văn hóa giai đoạn của chúng ta, giữa văn hóa Khổng giáo mà chúng ta trân trọng từ hàng ngàn năm và văn hóa phương Tây mà chúng ta bắt đầu tiếp nhận từ thế kỷ 16, nhất là từ hơn một thế kỷ nay.

Văn hóa nào chế độ đó. Chóng lại chế độ cộng sản mà lại khẳng khái bảo vệ văn hóa truyền thống là một thái độ rất sai, sai một cách bi đát, bởi vì chế độ này không gì khác hơn là một sản phẩm của chính văn hóa truyền thống của chúng ta trong khi va chạm với phương Tây. Nó được chính văn hóa truyền thống của chúng ta đẻ ra và nuôi dưỡng. Như thế, người ta vẫn có thể vô tình tiếp tay củng cố nó trong khi tưởng rằng mình đang chống lại nó. Muốn thay đổi chế độ này thì phải thay đổi văn hóa. Sẽ không thể có giải đáp trong đường xưa lối cũ. Những ý kiến mới có thể là sai, nhưng cách suy nghĩ và hành động cũ chắc chắn là không giúp ta tìm ra lối thoát. Một cách có vẻ nghịch lý chỉ những ý kiến khi mới phát biểu đã gặp chống đối gay gắt mới có thể là giải đáp cho tình thế.

Chúng ta đã nói thay đổi văn hóa rất khó và rất lâu. Nhưng trong thời đại này tư tưởng có thể truyền bá rất nhanh chóng, và lại tâm lý và văn hóa Việt Nam cũng đã thay đổi. Cách đón nhận cuốn *Tổ quốc Ân nân* là một bằng chứng.

Nguyễn Gia Kiểng

Quan Vũ : một vị thần đa dạng

Nguyễn Phi Phụng

Ở Trung Quốc nếu Khổng Tử được tôn thờ như một vị nhân trong văn hóa thì Quan Vũ (Guan Yu) hay Quan Công (Guan Gong) được tôn thờ như một vị thần đa dạng. Quan Vũ không những được các vua chúa phong thánh đế vương mà còn được Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo tôn sùng ngưỡng mộ. Dân chúng theo đó tôn thờ Quan Vũ ở khắp nơi trong và ngoài nước. Nếu lòng trung tín thủy chung của Quan Vũ hay đúng hơn tư tưởng trung quân đặc biệt thích hợp cho nhu cầu trong thời kỳ phong kiến được đề cao thì trái lại ít người biết vì sao Quan Vũ cũng được tôn sùng như một thần giữ cửa trừ ma quỷ hay một thần tài cho giới thương buôn hoặc là một anh hùng trong các truyện.

Quan Vũ được xem là một tướng tài trong truyện *Tam quốc chí* nhưng không phải là một nhà mưu lược như Khổng Minh Gia Cát Lượng. Việc Quan Vũ bỏ thành Kinh Châu đi đánh Phàn Thành của Tào và bị Lữ Mông, một tướng của Tôn Quyền phục kích bắt sống và giết sau đó chứng tỏ ông không có mưu trí. Cái chết đột ngột của Quan Vũ cũng làm Lưu Bị (161-223) buồn nản và sau đó không lâu cũng chết theo. Trong bài viết này, chúng ta hãy tìm hiểu lý do vì sao Quan Vũ được người Trung Hoa tôn thờ ngưỡng mộ.

Đời niên thiếu và binh nghiệp của Quan Vũ

Người ta không biết ngày sinh chính xác của Quan Vũ, chỉ biết ông ta sống gần 60 tuổi và chết năm 219 sau công nguyên. Quan Vũ sinh ở làng Thường Bình (Chang Ping) trấn Giải Châu (Xie Zhou), huyện Vận Thành (Yun Cheng) tỉnh Sơn Tây. Xuất thân từ người làm thợ rèn, Quan Vũ con người cao lớn, diện mạo uy nghi, có sức khỏe phi thường và võ nghệ siêu cường. Nhưng cùng theo một truyền thuyết khác, Quan Vũ là người buôn bán đậu hũ hơn là người làm thợ rèn. Lúc lên 19 tuổi, ông nổi tiếng là người bảo vệ kẻ yếu và người nghèo chống lại bất công cường quyền. Tương truyền trong làng ông có

một cường hào được mệnh danh là "hổ viên ngoại" thường hà hiếp dân gian nghèo khổ, bắt buộc dân làng phải mua nước uống của ông ta. Có lần tên viên ngoại này bỏ bùn dơ bẩn vào nước. Quan Vũ lên cơn phẫn nộ liền giết tên viên ngoại và bỏ làng trốn đi lang thang đến huyện Trác Châu ở Hà Bắc. Chính tại nơi đây Quan Vũ đã gặp Lưu Bị (Liu Bei) và Trương Phi (Zhang Fei) và ba người cùng kết nghĩa ở vườn đào và chiêu quân nổi dậy.

Trong lịch sử huyền thoại của Trung Quốc, Quan Vũ được miêu tả, qua các thời đại, là một anh hùng trong các truyện và các bi kịch. Theo một truyền thuyết, trong những ngày cuối cùng của nhà Hán, khi liên quân của Viên Thiệu (Yuan Shao), Tào Tháo (Cao Cao) và Lưu Bị đem quân chinh phạt Đông Trác (Dong Zhuo), đại tướng Hoa Hùng (Hua Xiong), người dưới quyền của Đông Trác, đã thành công giết một số tướng lãnh của liên quân. Trước tình trạng nguy ngập, Quan Vũ được thỉnh mời xuất trận. Trước khi xuất trận, Tào Tháo tặng Quan Vũ một chén rượu nóng. Quan Vũ để chén rượu trong trống, xung ra đánh một trận với Hoa Hùng. Khi Quan Vũ trở lại trại với thủ cấp của Hoa Hùng, rượu vẫn còn ấm. Câu chuyện còn để lại trong dân gian được gọi là "Ôn tửu trảm Hoa Hùng". Vào năm 200, Lưu Bị và Tào Tháo lại đánh nhau. Lưu Bị bị Tào Tháo đánh bại và Quan Vũ bị Tào Tháo bắt. Vì thán phục võ nghệ của Quan Vũ, Tào Tháo không những không giết mà còn chiêu dụ đầu hàng cùng biếu tặng phẩm. Để thuyết phục Quan Vũ từ bỏ lòng trung thành với Lưu Bị, Tào Tháo phong chức Hầu cho Quan Vũ nhưng Quan Vũ vẫn một mực trung thành với Lưu Bị. Do đó có câu "*Thân tại Tào doanh, tâm tại Thục Hán*" còn lưu truyền để ám chỉ lòng thủy chung. Sau đó, chiến tranh tái phát giữa Tào Tháo và Viên Thiệu, quân Tào ở thế yếu vì hai tướng Nhan Lương (Yan Liang) và Văn Xú (Wen Chou) của Viên Thiệu rất hùng mạnh. Để tỏ lòng biết ơn Tào Tháo, Quan Vũ xuất trận và chém hai

tướng này. Khi quân sĩ cho biết Lưu Bị còn đang thất lạc, Quan Vũ lập tức trả tặng phẩm cho Tào Tháo và lên ngựa đi tìm Lưu Bị. Quan Vũ một mình đơn thân độc mã trên đất Tào, bốn bề bị vây chặt. Để tìm lối ra, Quan Vũ phải đánh bại sáu tướng thủ trấn. Đây có thể nói là cuộc đời binh nghiệp quang huy nhất của Quan Vũ và được lưu truyền về sau với câu truyện *Thiên lý tẩu đơn kỳ* hay truyện *Qua ngũ quan chém sáu tướng*. Nhưng khi Quan Vũ về tới cố thành Kinh Châu (Jing Zhou), đất của Lưu Bị, ông ta bị Trương Phi chặn cửa không cho vào vì tưởng rằng Quan Vũ đã về đầu Tào Tháo trong khi quân Tào đang đuổi kịp. Để tỏ sự trung thành với Lưu Bị, Quan Vũ giao tranh với tướng Thái Dương (Cai Yang) và giết tướng này.

Ngoài ra, những chiến công khác về quân sự của Quan Vũ cũng được lưu truyền cho hậu thế. Trận Xích Bích (Chi Bi) là một trận chiến nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc theo đó một quân đội kém về quân số có thể thắng địch thủ hùng mạnh. Trong trận này, liên quân của Lưu Bị và Tôn Quyền đánh bại 830.000 quân Tào. Tào Tháo bại tẩu tìm đường thoát nhưng bốn bề bị bao vây chặt. Đến Hoa Dung đạo nơi phục kích của Quan Vũ, Tào Tháo chỉ còn hơn 10 quân mà hoàn toàn kiệt quệ. Quan Vũ nhớ lại ân huệ lúc còn ở doanh trại của Tào Tháo bèn để họ Tào chạy trốn. Ở đây, có người chê Quan Vũ đã phạm một sai lầm lớn về chiến lược chính trị. Tào Tháo sau khi đào thoát tập trung lại quân lực để sau đó trở thành vua trong ba triều đại phân chia Trung quốc trong 60 năm (220-280). Trong dân gian, câu truyện này được gọi là "*Hoa Dung đạo nghĩa thích Tào Tháo*". Khi Quan Vũ trấn thủ thành Kinh Châu, ông cho quân bao vây Phàn Thành do Tào Nhân, em của Tào Tháo giữ. Tào Tháo gửi tướng Vu Cấm (Yu Jin) với bảy đạo quân tới giải vây. Thêm một lần nữa, Quan Vũ với tài dụng binh thần tình, cho nước tràn ngập bảy đạo quân tới cứu viện và bắt sống tướng Vu Cấm. Tuy nhiên, Quan Vũ cũng có chỗ yếu là quá tự tin

và ngoan cố, bỏ thành Kinh Châu không để người trấn giữ khi đem quân đi đánh Tào Nhân. Tôn Quyền, trước đó không lâu là đồng minh với Lưu Bị, nhưng là người tham lam quyền lực, lợi dụng cơ hội tốt đánh chiếm thành Kinh Châu. Bị bại trận ở Mạch Thành (Mai Cheng), Quan Vũ bị quân của Tôn Quyền bắt sống và bị chặt đầu ở Chương Hương (Zhang Xiang) nay là thành phố Dương Dương (Dang Yang) thuộc tỉnh Hồ Bắc. Tôn Quyền sợ Lưu Bị thù ghét, gửi đầu Quan Vũ cho Tào Tháo và được Tào Tháo cho chôn cất và mai táng như một quận công ở Quan Lâm (Guan Lin), phía nam thành phố Lạc Dương thuộc tỉnh Hà Nam. Tôn Quyền cũng cho chôn thân Quan Vũ và làm mai táng lớn ở Ngọc Tuyền Dương Dương.

Quan Vũ được phong thần

Như đã nói trên, vì tư tưởng trung quân của Quan Vũ đặc biệt thích hợp cho nhu cầu trong thời kỳ phong kiến nên Quan Vũ không những được các vua chúa kế tiếp phong từ chức này đến chức khác qua các triều đại mà còn được Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo ngưỡng mộ.

Thời Lưu Bị, Quan Vũ được phong Trung Vũ Hầu. Sang đời Tống, Quan Vũ được phong thêm công, vương và đến đời Minh và Thanh lại thêm ba chức đại đế. Từ một trong năm ngũ hổ đại tướng quân của đời Thục, Quan Vũ trở thành một thiên thần. Trong lịch sử Trung quốc, 16 vị vua kế tiếp xem Quan Vũ như thần bảo hộ hoàng cung và phong cho nhiều chức cao.

Năm 1096, hoàng đế Tống Thiệu Thánh (Song Shao Sheng, 1085-1100) hay Triết Tông phong Quan Vũ chức "Hiển Liệt Vương" và viết một tấm biển treo ở miếu Ngọc Tuyền Dương Dương. Vua Tống Huy Tông (Song Hui Zong, 1100-1125) phong Quan Vũ là "Nghĩa Dũng Vũ An Vương" vì quý mến lòng Trung, Nghĩa, Dũng của ông ta. Khi người Mông Cổ thành lập nhà Nguyên năm 1206, họ đem Quan Vũ lên tôn thờ với ý đồ khắc phục sự ủng hộ của dân tộc Hán. Năm 1531, vua Gia Tĩnh (Jia Jing, 1521-1566) nhà Minh phong Quan Vũ là "Hán Quan Đế Thọ Đình Hầu". Năm 1605, vua Thần Tông Vạn Lịch (Wan Li, 1572-1619) phong Quan Vũ chức

"Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Uy Viễn Trấn Tam Tôn Quan Thánh Đế Quân và Hiệp Thiên Hộ Quốc Trung Nghĩa Đại Đế". Năm 1614, vua Vạn Lịch làm lễ tế thần để tưởng niệm Quan Vũ ở hoàng cung. Dưới ảnh hưởng của vị vua này, nhiều đền thờ của Quan Vũ được xây cất. Năm 1644, người Mãn Châu từ phía Vạn Lý Trường Thành đến thống trị đồng bằng Trung Quốc để thành lập nhà Thanh. Họ biết không thể thống trị đồng bằng trung nguyên nếu không tôn sùng văn hoá và tập tục của người Hán. Do đó, vua thế tổ Thuận Trị (Shun Zhi, 1643-1661) phong Quan Vũ một chức rất dài với 23 chữ là "Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Nhân Dũng Hiển Hộ Quốc Dân Tinh Thành Tuy Dực Tán Tuyên Đức Quan Thánh Đại Đế". Năm 1725, vua Ung Chính (Yong Zheng, 1722-1735) phong Quan Vũ chức "Quan Đế Tam Đại Công Tước" và năm 1828 vua Đạo Quang (Dao Guang, 1820-1850) phong Quan Vũ chức "Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Nhân Dũng Uy Hiển Quan Thánh Đại Đế".

Ở Trung Quốc, Nho giáo và Phật giáo đôi khi chống đối nhau về lý thuyết và triết lý, nhưng họ đều kính phục Quan Vũ. Phật giáo được truyền nhập vào Trung Quốc vào đầu triều đại Đông Hán (25-220). Triết lý Phật giáo bị Khổng giáo và Lão giáo hấp thụ sau một thời gian dài đấu tranh và Phật giáo trở thành nét chính của văn hóa Trung quốc. Quan Vũ được phong là thần bảo hộ luật pháp ở Phật đường. Tương truyền nói rằng một hoà thượng tên Trí Khải (Zhi Kai) vào Dương Dương để xây miếu. Vào giữa đêm, vị hoà thượng này thấy một vị thần râu dài nói là Quan Vũ của triều đại Thục Hán, nay là người bảo hộ núi Dương Dương và muốn trở thành một đệ tử của Phật. Hoà thượng Trí Khải thuật lại cho Dương Quảng (Yang Guang), hoàng tử nước Tấn. Vị này phong Quan Vũ chức người bảo hộ luật pháp của miếu. Vua Tống Huy Tông nói trên ủy phái thầy đạo sĩ Trương Thiên thịnh Quan Vũ vào Vạn Thành tỉnh Sơn Tây để diệt trừ ma quỷ. Từ đó, Quan Vũ được Lão giáo phong Đẳng Ma Chân Quân và Phục Ma Đại Đế (người chế ngự ma quái). Nho giáo không phong tước đạo giáo cho Quan Vũ. Họ chỉ gọi Quan Vũ là Phu tử và

thánh nhân. La Quán Trung (Luo Guan Zhong) là người thâm hiểu đời Minh đã viết *Tam quốc chí*, một bộ tiểu thuyết đã sử nổi tiếng. Trong quyển tiểu thuyết của ông, Quan Vũ được miêu tả là một thánh Khổng Nho và là hiện thân của Trung, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, Nhân, Dũng. Quyển tiểu thuyết của La Quán Trung đã làm Quan Vũ trở thành một người bình dân trong dân gian. Ngoài ra, Quan Vũ còn là đặc tính chính trong kịch thuật và là một hình tượng bình dân trong môi trường du hí như phim ảnh và truyền hình. Từ đời nhà Nguyên, Quan Vũ được giới thiệu, trên sân khấu, là người có bộ mặt đỏ. Từ đó, một bộ mặt được vẽ đỏ biểu tượng những nét chính của hý kịch (hát bộ). Dưới triều đại nhà Minh, hý kịch Bắc Kinh thống trị sân khấu thủ đô trong đó có nhiều kịch thuật đề cao Quan Vũ. Ngày nay, Quan Vũ cũng còn được ngưỡng mộ ở đài truyền hình Bắc Kinh. Về *Tam quốc* diễn nghĩa có tới 84 kỳ được chiếu trên đài truyền hình trong và ngoài nước. Một điều lạ lùng khác là Quan Vũ còn được tôn thờ như một vị tài thần. Tượng của Quan Vũ được treo ở các chính đường nhà công cộng, các nhà buôn, nơi khách sạn, tửu quán. Có lẽ Quan Vũ trước đây, như theo truyền thuyết, là người bán đậu hủ nên được dân chúng tôn thờ. Điện tài thần ở miếu Lão giáo Bạch Vân Quan (Bai Yun Guan) ở Bắc Kinh có hai hình tượng: một tượng Triệu Công Minh, một tài thần dân sự và một tượng thứ hai là Quan Vũ, một tài thần quân sự!

Trong những năm gần đây, một điện tài thần khác được xây cất trên đỉnh núi Vũ Đang ở Hồ Bắc trong đó tượng chính của điện là tượng Quan Vũ.

Những miếu nổi tiếng tôn thờ Quan Vũ trên thế giới

Quan Vũ được dân chúng tôn thờ từ đời Hán chính vì tính nghĩa khí bao gồm trung nghĩa và tín nghĩa của ông ta. Do đó, miếu của Quan Vũ được xây cất nhiều nơi trong và ngoài nước. Những ngôi miếu đầu tiên của Quan Vũ được xây cất ở đời Ngọc Tuyền tỉnh Hồ Bắc và Giải châu tỉnh Sơn Tây cách đây 1400 năm. Miếu Giải châu ở gần cửa tây của thị trấn thuộc huyện Vạn Thành, nơi sinh trưởng của Quan Vũ được xây cất từ gần cuối đời nhà Tùy (518-618) vào

năm 589 và được trùng tu vào đời Tống. Miếu nằm phía bắc núi Trung Điều, trước mặt hồ Diêm Trì về phía tây giữa phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Với nhiều chức tước được phong qua nhiều triều đại, miếu nguyên thủy được nhiều lần nói rộng và tu bổ vào đời Minh và Thanh. Miếu được gọi là Vũ An vương vào đời Tống (960-1279), Hiến Liệt vương đời nhà Nguyên (1206-1368), và Quan Đế và Quan Thánh đời Minh-Thanh (1368-1911). Lối xây cất miếu của Quan Vũ biến đổi tùy theo phong tục địa phương. Ngoài miếu Giải châu, còn có hai miếu nổi tiếng khác. Miếu Quan Lãng (Guan Ling) ở Dương Dương tỉnh Hồ Bắc nơi chôn thân và miếu Quan Lâm (Guan Lin) ở ngoại ô thành phố Lạc Dương (Luo Yang) tỉnh Hà Nam, nơi chôn đầu của Quan Vũ. Hai miếu này được xây cất theo kiến trúc các lâu đài đế vương và ngày nay còn có di tích về văn hóa. Các miếu tôn thờ khác được tìm thấy ở những nơi Quan Vũ tham chiến từ đông sang tây. Lầu Xuân Thu ở Hứa Xương (Xu Chang) tỉnh Hà Nam được ghi chú là nơi Quan Vũ đọc sách ngoài sân trong khi hai vợ của Lưu Bị nằm ngủ bên trong (giai thoại Tào Tháo thử lòng Quan Vũ cho ba người ở chung). Miếu ở cầu Bá Lăng (Ba Ling) ở Hứa Xương là nơi Quan Vũ nhận áo căm bào của Tào Tháo biểu đang ngồi trên lưng ngựa lúc giã từ. Cổ thành Kinh Châu thuộc tỉnh Tứ Xuyên là nơi trấn thủ của Quan Vũ và nam thành Kinh Châu là nơi Quan Vũ đóng bản doanh. Một miếu khác được xây cất ở Trác Dao Tuyền (Zhuo Dao Quan) ở dưới núi Phục Hồ (Fu Hu) thuộc thành phố Vũ Xương, thủ phủ tỉnh Giang Tây.

Ở Tây Tạng trước đây có ba miếu của Quan Vũ ở Dingye, Xigaze và Lhasa, đặc biệt là ở tu viện Lama Zhaxi Lhumbo ở Xigaze có ghi chú quân Thanh đã đánh bại loạn quân năm 1792 nhờ Quan Vũ lên hiển thánh. Ngày nay, chỉ còn có một miếu ở Lhasa và chẳng ai còn thấy Quan Vũ lên hiển thánh. Một miếu khác được tìm thấy ở phía tây Vạn lý trường thành ở Gia Dụ quan (Jia Yu guan) gần núi Thiên Sơn (Tian Shan) và Y Lê (Yi Li) ở Tân Cương (Xin Jiang). Miếu này được xây cất để nâng cao tinh thần quân sĩ đóng bản doanh nơi biên cương. Một miếu khác của

Quan Vũ ở đảo Đông Sơn nằm ở phía nam biển đông được quân sĩ nhà Minh xây cất. Một hình tượng Quan Vũ được khắc bên ngoài hầm đá ở phía tây của núi nằm trên hồ Diêm Trì (Dian Chi) ở Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam.

Ở ngoài nước, Quan Vũ cũng được dân Đài Loan, Hương Cảng và Macao yêu chuộng và tôn thờ. Có hơn 200 miếu Quan Vũ được xây cất khắp nơi ở Đài Loan. Miếu đẹp nhất của Quan Vũ ở Đài Nam (Tai Nan) được xây cất dưới triều đại vua Vạn Lịch và được xem là một trong 16 thắng cảnh lịch sử thượng hạng của Đài Loan. Một hình tượng của Quan Vũ cao năm thước được xây cất ở điện Phổ Thiên thuộc huyện Tân Trúc (Xin Zhu). Các cung điện Hành Thiên ở Đài Bắc (Tai Bei), Thánh Thọ ở Đài Trung (Tai Zhong), Văn Hoành ở Cao Hùng (Gao Xiong), miếu Hiệp Thiên ở Nghi Lan (Yi Lan) và miếu Văn Vũ ở Nhật Nguyệt Đàm (Ri Yue Tan) cũng nổi tiếng. Người Đài Loan làm lễ long trọng vào những dịp lễ của Quan Vũ. Miếu Quan Vũ cũng được cộng đồng hoa kiều ngoài nước xây cất ở Mỹ, Nhật, Tân Gia Ba, Thái Lan, Miến Điện, Nam Dương, Việt Nam, Úc Đại Lợi, v.v. Ở Nhật có hai miếu lớn của Quan Vũ ở Kobe và Yokohama. Ở Việt Nam, Quan Thánh điện nằm ngay ở Hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội. Ở giữa điện của miếu, một tượng của Quan Vũ ở chính giữa cùng với nhiều thần quân sự. Bên cạnh Quan Vũ còn có Châu Thương (Zhou Cang) và Quan Bình (Guan Ping) thị vệ.

Lịch sử Trung Hoa không thiếu vua chúa anh minh tài giỏi hay nhân tài để dân chúng tôn thờ ngưỡng mộ. Nhưng điều lạ kỳ là ngoài Khổng Phu Tử, ít có nhân vật nào như Quan Vũ có nhiều miếu được dân chúng tôn thờ trong và ngoài nước. Ngoài tính nghĩa khí được các vua chúa kế tiếp đề cao và phong thánh, khí phách anh hùng và khí tiết của kẻ trượng phu của Quan Vũ được quần chúng tôn sùng ái mộ. Chính vì hai đức tính sau cùng mà Quan Vũ trở thành một nhân vật bình dân trong dân gian và sách vở. Còn hơn Khổng Phu Tử, Quan Vũ là một vị thần đa dạng được đời đời truyền kiếp trong khi ông Khổng bị không ít người "chất vấn" và đả phá triết lý đã sống ngoài 25 thế kỷ.

Nguyễn Phi Phụng

(tiếp theo trang 5)

định; tham lam ôm đồm mà cán bộ năng lực quá kém dẫn đến tình trạng là chẳng quản lý được gì cả trên thực tế.

Ngày 2-12-1998 ra luật đất đai, khi áp dụng gặp không biết bao nhiêu khó khăn trong giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, định giá đất, chuyển nhượng, đền bù giải phóng mặt bằng ... và mới đây (6-2001) phải đưa ra quốc hội sửa đổi. Càng bàn càng rối rắm, nhiều đại biểu cảnh cáo vì không rõ ràng mà đã xảy ra va chạm giữa nhà nước và nông dân. Nông dân ở Thái Bình, An Giang, Đồng Tháp, đồng bào Tây Nguyên ... kéo nhau đi biểu tình đòi tăng giá, chống giải toả ngày càng nhiều và càng gay gắt. Đây là chúng ta chưa đi vào vấn đề xử lý đất đai đối với đầu tư ngoại quốc hay đối với doanh nghiệp nhà nước trong quá trình cổ phần hoá; chính sách đất đai đối với các nông lâm trường, hợp tác xã nông lâm nghiệp; chính sách đất đai đối với các loại hình kinh tế trang trại; đất hương hỏa; đất tôn giáo ... Nhà nước muốn nói gì thì nói, nông dân (80% dân số) vẫn cứ xem đất đai là tài sản riêng của họ, cứ chuyển nhượng với giá thỏa thuận và giấy viết tay. Các văn bản liên quan mới nhất cho thấy chính phủ buộc phải "mềm hóa" trong một số chỉ thị, mặc nhiên xác nhận quyền sở hữu nhưng vẫn không chính thức.

Chủ nghĩa cộng sản ra đời với bản tuyên ngôn cộng sản 1848 chủ trương hủy bỏ quyền tư hữu. Năm 1945, Hồ Chí Minh hăm hở mang vào Việt Nam với tin tưởng quốc tế trở thành vô sản. Hơn nửa thế kỷ sau, nhân dân ta đang đánh bại cộng sản bằng khẳng định nhân quyền này để đi vào toàn cầu hoá kinh tế. Trong khung cảnh mới do Hiệp định Thương mại Mỹ-Việt mang lại, chúng ta đấu tranh buộc bộ chính trị ĐCSVN phải tư hữu hoá quốc doanh thua lỗ và phải trả lại nông dân:

- quyền sở hữu mảnh đất của họ.
- quyền quyết định trong sản xuất (trồng giống lúa hay cây nào họ muốn), kể cả quyền hợp tác thẳng với ngoại quốc để khai thác đất đai.
- quyền thụ hưởng thành quả lao động do họ làm ra, kể cả quyền xuất cảng nông phẩm bán trên thị trường quốc tế.

Nguyễn Châu

THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

Ông Dương Văn Minh vừa từ trần

Cựu trung tướng Dương Văn Minh, người cầm đầu cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, đã từ trần tại Hoa Kỳ ngày 6-8-2001, thọ 85 tuổi.

Ông Dương Văn Minh sinh năm 1916, gia nhập quân đội Pháp và thành sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng hòa khi Pháp rút lui chuyển giao quân đội cho chính phủ Ngô Đình Diệm. Ông nổi tiếng từ sau chiến dịch Hoàng Diệu giải tỏa chiến khu Rừng Sắt của lực lượng phiến loạn Bình Xuyên của tướng Bảy Viễn. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã tổ chức một cuộc diễn hành long trọng để mừng chiến công này. Dương Văn Minh được thăng thiếu tướng và đề cao như một tướng giỏi. Sau đó người ta được biết chiến dịch Hoàng Diệu thực ra chỉ là một sự dàn cảnh. Đã có thỏa thuận trước để Bảy Viễn và chân tay đắc lực như Lại Văn Sang, Lại Hữu Tài, v.v. ra tàu Pháp để sang sống lưu vong tại Paris. Chiến dịch Hoàng Diệu đã chỉ là một sự tiếp thu khu Rừng Sắt mà thôi và phần lớn nó cũng do tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh phó điều động.

Hai ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã chọn đề cao tướng Dương Văn Minh vì họ nhận định ông Minh là một người thực thà, không có ý định và cũng không có khả năng phản bội họ. Họ đã lầm, Dương Văn Minh tuy không phải là tướng giỏi nhưng vẫn rất thẳng tay. Sau khi chính quyền Kennedy quyết định lật đổ Ngô Đình Diệm, họ đã đặt ông Dương Văn Minh là người đứng đầu cuộc đảo chính, thực ra người điều động cuộc đảo chính này là tướng Trần Thiện Khiêm, một người làm việc cho cơ quan tình báo Mỹ CIA. Lúc đó Dương Văn Minh đang giữ chức cố vấn quân sự cho tổng thống Ngô Đình Diệm, còn tướng Trần Thiện Khiêm cũng là một sĩ quan được hai ông Diệm và Nhu, chính Dương Văn Minh đã lấy quyết định giết hai anh em họ Ngô. Để chắc chắn hai ông này bị giết, ông sai viên sĩ quan hầu cận Nguyễn Văn Nhung, một tay đặc biệt hung tợn, đi theo toán quân

tới đón hai ông Diệm Nhu. Chính ông Nhung đã hạ sát hai anh em Ngô một cách cực kỳ dã man bằng dao găm.

Cuộc đảo chính thành công, Dương Văn Minh trở thành quốc trưởng, chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách Mạng. Ông đem một số sĩ quan thân thiết từng ở trong quân đội Pháp với ông và đang lưu vong tại Paris về giữ những chức vụ quan trọng. Dương Văn Minh tỏ ra rất vụng về trong chức vụ quốc trưởng và chỉ ba tháng sau bị tướng Nguyễn Khánh đảo chính lật đổ. Ông được giữ lại làm quốc trưởng bù nhìn một thời gian rồi được đưa đi làm đại sứ, sau đó được trở về Sài Gòn.

Bị loại khỏi chính quyền, Dương Văn Minh bắt đầu đưa ra những ý kiến chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa và kêu gọi hòa bình. Được phe cộng sản đề cao như là người có thể là một giải pháp hòa bình, Dương Văn Minh đã gây khá nhiều bối rối cho chế độ Việt Nam Cộng hòa.

Tuy vậy khi miền Nam sắp sụp đổ và Dương Văn Minh được tổng thống Trần Văn Hương trao quyền, phe cộng sản đã không chấp nhận thương thuyết với ông và Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

Ông được chính quyền cộng sản để yên sau ngày 30-4-1975 rồi được cho xuất ngoại đi Pháp. Ông sống trong cảnh thiếu thốn tại ngoại ô Paris và qua một người con ngầm vận động để được về nước. Ông được Võ Văn Kiệt cho về nước và lấy lại căn nhà cũ. Nhưng sự dàn xếp này cuối cùng không thành, bởi vì trước khi về nước ông Minh đã trả lời một cuộc phỏng vấn của nguyệt san *Nhân Bản* (của Tổng Hội Sinh viên Việt Nam tại Paris) trong đó ông tuyên bố khi về nước sẽ cố gắng đóng góp cho cố gắng hòa giải và hòa hợp dân tộc. Ông Dương Văn Minh không hiểu rằng ngày nay Đảng Cộng sản đã thắng lợi và không cần hòa giải với ai nữa, họ coi những người chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc là những kẻ thù. Không được về nước sống những ngày cuối đời như nguyện ước, ông Minh sau đó sang Mỹ sống với người con gái cho đến khi từ trần. Điều này không ngăn cản phát

ngôn viên bộ ngoại gia Phan Thúy Thanh tỏ ý tiếc rằng ông Dương Văn Minh đã không về nước được, mà quên nói rằng chính quyền cộng sản đã không cho ông về.

Cuộc vận động dân chủ trong nước sắp chuyển mình ?

Càng ngày nguyện vọng dân chủ càng rõ rệt trong quần chúng và càng có nhiều người đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong hệ thống Đảng Cộng sản và nhà nước. Những người dân chủ càng ngày càng đông và cảm thấy phải tiến thêm những bước mới.

Từ tháng Tư năm nay, sau đại hội XIX của Đảng Cộng sản Việt Nam, họ đặt nhiều câu hỏi và cũng đặt nhiều kỳ vọng vào ông Nông Đức Mạnh. Đến nay hình như họ đã đi đến một kết luận : ông Mạnh sẽ không có sáng kiến nào cả nhưng cũng không hung bạo. Mặt khác với một tổng bí thư lừng kình như ông Mạnh, bộ máy đàn áp sẽ mất đi phần tích cực vì không còn định hướng và chỉ thị. Với nhân số ngày càng đông đảo, vấn đề ngày càng được đặt ra là phải có phối hợp và tổ chức hơn.

Trong khi chờ đợi một tổ chức dân chủ thực sự, có thể sẽ có những dạng tổ chức để chấp nhận hơn cho nhà nước cộng sản. Thí dụ như một phong trào chống tham nhũng ngoài chính quyền. Một nhân vật "mới" đang xuất hiện : ông Lê Khả Phiêu. Ông Phiêu vẫn nghi và nói với những ai muốn nghe ông là ông đã bị mất chức tổng bí thư vì ông chống tham nhũng và muốn cải tổ. Theo một dư luận đáng tin, ông Phiêu chấp nhận tham gia một cuộc vận động tố giác tham nhũng. Ông được một số người, kể cả những người dân chủ, ủng hộ. Thời gian gần đây ông được một số nhân vật có uy tín như đại tướng Võ Nguyên Giáp, thượng tướng Hoàng Minh Thảo, trung tướng Phùng Thế Tài, trung tướng Phạm Hồng Sơn, thượng tướng Đồng Sĩ Nguyên (cựu ủy viên bộ chính trị) và ông Nguyễn Đức Tâm (cựu ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam), v.v. ủng hộ. Giới thạo tin cho hay chắc chắn ông Phiêu sẽ làm

THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

một cái gì. Nhiều nhân vật mới cùng vừa xuất hiện như các ông Trần Nhật Độ, thiếu tướng và cựu chính ủy binh chủng đặc công, Vũ Minh Ngọc, v.v., những người này tuy không đứng về phe dân chủ nhưng có thiện cảm và ít nhất sẽ phản kháng việc đàn áp những người dân chủ.

Nhân vật đang được chú ý nhiều là Nguyễn Văn An, tân chủ tịch quốc hội. Ông An được đánh giá là người khá cởi mở, rất có uy tín trong Đảng vì đã từng là trưởng ban tổ chức. Quốc hội do ông An làm chủ tịch sẽ tích cực hơn trước. Số đại biểu thường trực quốc hội (hiện nay là 34 người) sẽ được tăng lên gấp ba. Quốc hội sẽ cố gắng để xác nhận như là cơ quan quyền lực cao nhất. Qua một số tiếp xúc riêng, Nguyễn Văn An tự đánh giá là có bản lĩnh hơn các ông Nông Đức Mạnh, Trần Đức Lương và Phan Văn Khải, và sẽ không chấp nhận một vai trò bù nhìn.

Một nhân vật "mới" khác có thể cũng sẽ chấm dứt vai trò thụ động : ông Trần Xuân Bách. Ông Bách từng được đề cử làm tổng bí thư Đảng Cộng sản nhưng đã bị cách chức khỏi bộ chính trị và ban chấp hành trung ương vì tuyên bố chấp nhận đa nguyên chính trị. Từ đó ông Bách im lặng nhưng ông vẫn còn những người trung thành với ông, trong đó có ông Nguyễn Văn An.

Một cách âm thầm nhưng đều đặn và nhanh chóng hàng ngũ dân chủ ngày càng đông và càng thêm những đồng minh mới. Vấn đề đặt ra cho họ là đã đến lúc công khai thành lập một tổ chức chưa. Các ý kiến chỉ khác nhau về thời điểm: ngay bây giờ hay vài tháng nữa ?

Bùng những tham nhũng và bất tuân thượng lệnh

Tình trạng càng chống tham nhũng, tham nhũng càng nghiêm trọng đã làm cho dư luận ở Việt Nam ... ngán đến tận cổ. Trong kỳ họp quốc hội Hà Nội vừa qua, một số ông nghị viện đã chất vấn Chính phủ rằng, tại sao trong báo cáo của chính phủ không thấy nói đến chống tham nhũng nữa. Nguyễn Tấn Dũng, Phó thủ tướng đáp : Nói nhiều rồi, bây giờ phải làm nhiều hơn. Chẳng hạn, cứ

phát hiện tham nhũng là "xử lý nghiêm", "không vì một thế lực nào mà làm nhẹ đi"; rà soát lại các văn bản để bịt kín những chỗ hở mà người ta có thể lợi dụng những chỗ hở đó để hối lộ, hoặc sách nhiễu, "xin dều"; phát hiện những đường dây đòi "môi lộ", "chạy dự án", "chạy đấu thầu"; khắt trương cải cách tiền lương; thực hiện kê khai tài sản của cán bộ, từ tổng bí thư, các ủy viên bộ chính trị trở xuống.

Tình trạng nhức nhối thứ hai là "bất tuân thượng lệnh", trên bảo, dưới phớt... "Ăng-lê", chấp hành pháp luật không nghiêm, cản trở rất nhiều việc điều hành công việc, thực hiện các chỉ thị từ trung ương. Ông Nguyễn Tấn Dũng cũng cho hay, tình trạng này sẽ được kiên quyết giải quyết từ cấp thủ tướng bằng cách siết lại kỷ cương. Nhưng bao giờ cho đến ... lúc làm nhiều hơn nói ?

Tiền giả, nỗi lo không của riêng ai

Từ đầu năm đến nay, mới chỉ sơ sơ điều tra, người ta cũng đã phát hiện hàng tỉ đồng tiền Việt Nam giả được lưu hành ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và vẫn chưa có dấu hiệu giảm. Người "lĩnh đủ" vụ tiền giả này hầu hết lại là những người chân lấm tay bùn, những người ít có khả năng phát hiện tiền giả nhất. Có người bán hai tấn lúa, nhưng khi gửi tiền vào ngân hàng thì phát hiện ra 400 nghìn đồng, tương đương với 3 tạ lúa, là không xài được, vì là tiền giả. Chỉ riêng ở một ngân hàng thuộc tỉnh Đồng Tháp, người ta đã phát hiện được 40 triệu đồng là ... giấy lộn và nếu tính từ đầu năm đến tháng 5 vừa qua, cả tỉnh đã "vỡ nhè" có tới gần 140 triệu đồng tiền giả lưu hành trong địa phận tỉnh và được phát hiện ... y là chưa biết số tiền giả đang trôi nổi trên thương trường là bao nhiêu. Ở tỉnh Cần Thơ cũng không kém : gần 180 triệu đồng tiền giả được tung ra. Đa số phần tiền giả là từ 50 nghìn đồng.

Những người có "nghề" phát hiện tiền giả nói rằng, loại tiền giả này không dễ phát hiện bằng mắt thường. Ngân hàng Nhà nước đã thông báo để nhận diện tiền giả. Nhưng có điều lạ là không mấy người quan tâm. Chỉ đến khi "vỡ

phải tiền giả, người ta mới ngó người ra.

Giữa mùa hè, Hà Nội lên "con sốt" nhà đất

Bắt đầu từ tháng chín năm nay, Luật nhà đất mới có hiệu lực, sau nhiều lần sửa đổi. Trong đó, như đã được cho biết, "yếu tố thị trường" sẽ được tính đến. Các con buôn bất động sản - được gọi là các "đại gia" - ngửi thấy hơi tiền, liền "chung lưng đấu cật", đồng loạt tăng giá nhà đất, tạo nên "con sốt" mà những người có kinh nghiệm cho là ... "ảo". Bên cạnh đó, sự sửa đổi của Luật nhà đất cho phép người Việt ở hải ngoại mua nhà đất ở trong nước cũng là một nguyên nhân khiến giá nhà đất tăng đột ngột. Trong khi đó, các cơ quan quản lý của nhà nước - nơi duy nhất có khả năng - thì "toạ sơn, quan" ... giá nhà đất tăng, không có biện pháp điều chỉnh nào để đưa giá nhà đất ra khỏi cơn "mộng du" ác liệt về giá cả, ổn định thị trường bất động sản. Cao giá nhất phải kể tới các căn nhà ở khu phố cổ Hà Nội, có mặt tiền trông ra phố. Một căn nhà gần trăm năm ở phố Hàng Đào, diện tích 80 m², mặt tiền có hơn 3 m, nhưng giá thì khó tưởng tượng: 990 cây vàng. Các biệt thự có kiến trúc kiểu Pháp ở những khu phố tĩnh lặng, rợp bóng cây to cũng rất có giá. Người ta dám bỏ ra hàng nghìn cây vàng để có được những biệt thự như vậy. Giá đất cao nhất hiện nay ở Hà Nội là 9 cây vàng/m², tức là khoảng 4500 USD/m², một mức giá nghê tới mà ... thất kinh. Một hy vọng le lói để hạ nhiệt "con sốt" nhà đất này là, theo các chuyên gia, nhà nước hoàn toàn có thể kiểm soát được thị trường bất động sản, nếu "có biện pháp đủ mạnh". Đó là, phải có thị trường bất động sản chính thức, nghĩa là nhà nước phải "đoạt" thị trường bất động sản từ tay các "đại gia", loại bỏ yếu tố lừa đảo; có nơi thông tin về giá nhà đất, giúp đỡ giải quyết các thủ tục mua bán, tạo tâm lý yên tâm cho các bên mua bán v.v. Nhà nước chỉ giữ vai trò xây dựng pháp luật, thành lập cơ quan đăng ký, qui định thủ tục đăng ký, thu thuế, không can thiệp vào thỏa thuận dân sự giữa các bên mua bán, không định giá, v.v.

Tin giờ chót

LTS. Ngày 2-9-2001, hai ông Phạm Quế Dương và Trần Văn Khuê đã chính thức nộp đơn xin lập một tổ chức chống tham nhũng. Sáng kiến này hình như được nhiều cán bộ kỳ cựu, đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong Đảng và Nhà nước, ủng hộ. Dưới đây là nguyên văn đơn xin thành lập hội của hai ông Dương và Khuê.

Hà Nội, ngày 2 tháng 9 năm 2001

Đơn xin thành lập
Hội Nhân Dân VN ủng Hộ Đảng và Nhà nước Chống Tham Nhũng
(Gọi tắt là Hội Nhân Dân Việt Nam Chống Tham Nhũng)

Kính gửi: - Ông Tổng bí thư ĐCSVN Nông Đức Mạnh,
- Ông Chủ tịch nước CHXHCNVN Trần Đức Lương,
- Ông Thủ tướng nước CHXHCNVN Phan Văn Khải,
- Ông Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An,

Hiện nay, tham nhũng đã trở thành quốc nạn, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước và cản trở sự phát triển của Đất nước. Nguyên Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã phải phát biểu: "Nếu không chống tham nhũng thì Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo". Tổng bí thư Nông Đức Mạnh vừa nhận chức cũng phải tuyên bố: "Phải chống tham nhũng quyết liệt hơn!" Và Chủ tịch Quốc hội - Nguyễn Văn An, vừa nhận chức cũng phải nói: "Xin dân chủ đâu có được, phải đấu tranh mới có dân chủ. Xin công bằng cũng không được, phải đấu tranh mới có công bằng. Chống tham nhũng đi liền với đấu tranh rất quyết liệt".

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Nhà nước, chúng tôi xin phép được thành lập "Hội Nhân Dân VN ủng Hộ Đảng và Nhà Nước Chống Tham Nhũng". (Gọi tắt là "Hội Nhân Dân Việt Nam Chống Tham Nhũng").

Tôn chỉ, mục đích của Hội:

- Góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về chống tham nhũng.

- Góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước.

Hoạt động cụ thể của Hội:

- Thông tin tình hình chống tham

nhũng thường xuyên cho nhân dân và các cơ quan Nhà nước;

- Lên án tệ nạn tham nhũng tác hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc;

- Tham gia phát hiện, tố giác vụ việc tham nhũng;

- Kiến nghị biện pháp xử lý vụ việc tham nhũng;

- Không tham gia hoạt động chính trị.

Tổ chức của Hội:

- Hội bao gồm những công dân Việt Nam "trung với Nước, hiếu với Dân", tự giác, tự nguyện tham gia Hội.

- Hội tổ chức trong cả nước, có hệ thống từ cơ sở trở lên.

- Mỗi cấp có phân công thường trực do sự bàn bạc thống nhất, bầu cử theo thời gian phù hợp.

- Ra báo "Chống Tham Nhũng" (theo đúng Luật Báo chí). Trong khi chờ được phép ra báo sẽ thông tin nội bộ theo hình thức Thư ngỏ "Chống Tham Nhũng".

- Trước mắt tổ chức Ban trụ bị thành lập Hội. Bộ phận thường trực của Hội, đại diện ở miền Bắc: Ông Phạm Quế Dương - 37 Lý Nam Đế - Hà Nội (ĐTDD: 0903.252.286), đại diện ở miền Nam: Ông Trần Văn Khuê - 296 Nguyễn Trãi - Quận 5 - TP Hồ Chí Minh. (ĐT: 8 . 3 6 3 . 8 2 5) . E m a i l : trankhue@hcm.fpt.vn. Các đại diện thay mặt Hội tiếp xúc xử lý và quan hệ làm việc theo tôn chỉ, mục đích và các hoạt động cụ thể của Hội.

- Quý Hội tùy thuộc sự ủng hộ tự nguyện của hội viên và các vị hảo tâm trong nước, nước ngoài và cả tổ chức quốc tế. Từng thời gian công khai báo cáo thu chi quỹ của Hội.

- Sau khi ổn định tổ chức và hoạt động, xin gia nhập là một thành viên của Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam.

Kính mong Đảng và Nhà nước cho phép thành lập Hội Nhân Dân VN ủng Hộ Đảng và Nhà Nước Chống Tham Nhũng.

Xin trân trọng cảm ơn.

Mục lục

1. Tu chính hiến pháp **Thông Luận**
2. Làm gì để có thay đổi ở Việt Nam **Nguyễn Đan Quế**
- 5- Quyền tư hữu **Nguyễn Châu**
6. Nhật ký là tác phẩm tâm huyết cuối cùng của tôi **Trần Độ**
7. Bất lực hay bất lương **Phạm Quế Dương**
8. Chính quyền bao che kẻ lẩn tránh **Hoàng Tiến**
9. Kháng Thư **L.m. Phan Văn Lợi**
11. Nào trạng độc quyền chân lý **Thăng Bờm**
13. Chúng ta đều là dân công giáo **Hố Nai !**
Nguyễn Hữu Tấn Đức
15. Thực trạng công nhân Việt Nam lao động tại Hàn Quốc **Lê Thanh Sơn**
16. Hãy dừng tay lại ! **Ya Biloh - Nguyễn Văn Huy**
18. Chia sẻ một tương lai chung **Trục Ngôn**
21. Khi các chính khách viết hồi ký **Trần Văn Phiến**
23. Một ý kiến về lịch sử **Nguyễn Gia Kiểng**
27. Quan Vũ : một vị thần đa dạng **Nguyễn Phi Phụng**
30. Thời sự
32. Đơn xin lập hội **Phạm Quế Dương-Trần Văn Khuê**

T.M. Ban trụ bị thành lập
Hội Nhân Dân Việt Nam Chống Tham Nhũng

Phạm Quế Dương
37 Lý Nam Đế - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội DTDD: 0903.252.286

Trần Văn Khuê
296 Nguyễn Trãi - Quận 5 - TP Hồ Chí Minh. ĐT: 8.363.825. Email: trankhue@hcm.fpt.vn

Nơi gửi:

- Các vị trên.

- Cơ quan ngôn luận báo chí.

- Những người ủng hộ chống tham nhũng.